

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong lĩnh vực nghệ thuật âm nhạc hàn lâm, cây đàn Piano đóng một vai trò quan trọng, là một loại nhạc cụ phổ biến nhất với một số lượng người học đông đảo nhất không chỉ tại Việt Nam mà còn trên thế giới. Với khả năng thể hiện phong phú và đa dạng, Piano có thể biểu diễn một cách độc lập, không cần bất cứ một nhạc cụ nào khác hỗ trợ mà vẫn đạt được hiệu quả cao về nghệ thuật.

Cây đàn Piano là một nhạc cụ với cấu tạo đặc biệt có khả năng diễn tả những giai điệu âm nhạc rất phong phú vì nó có được sự chuẩn xác về cao độ, biểu hiện được nhiều loại sắc thái, sự tinh tế của phím đàn, hệ thống Pedal tăng cường sức biểu cảm của âm thanh và thuận lợi trong việc kết hợp các chồng âm cùng lúc tạo nên nhiều màu sắc hòa âm có khả năng thay thế dàn nhạc... Đây là những yếu tố vượt trội mà ít có cây đàn nào có đầy đủ các tính năng như vậy. Hơn nữa, với tính chất đa thanh, đàn Piano có khả năng thể hiện một cách hoàn hảo tất cả các mặt giai điệu cũng như hợp điệu (tính chất hòa thanh và tính chất phức điệu) một cách trọn vẹn. Do đó, cây đàn Piano có thể tham gia trong dàn nhạc Giao hưởng; giữ vai trò là nhạc cụ độc tấu, hòa tấu hoặc đệm cho Thanh nhạc và các loại nhạc khí khác. Trong hình thức Concerto, để tạo điều kiện thuận lợi cho các nhạc công khi luyện tập và biểu diễn, phần dàn nhạc đã được biên soạn lại cho đàn Piano chơi. Những khả năng trên đã tạo nên hiệu quả nghệ thuật rất lớn của cây đàn Piano trong thực tế.

Chính vì vậy, cây đàn Piano là một nhạc cụ thông dụng và rất cần thiết cho những người hoạt động âm nhạc chuyên nghiệp và không chuyên. Làm chủ kỹ năng chơi Piano tốt sẽ là cơ sở cho việc hình thành và phát triển tư duy sáng tạo, mở rộng kiến thức và tạo điều kiện thuận lợi đối với tất cả những đối tượng đang nghiên cứu âm nhạc nói chung, hoặc các môn nhạc cụ khác nói riêng. Tại các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp trên thế giới, Piano phổ thông đã được đưa vào chương trình đào tạo chính khóa, là môn học bắt buộc đối với HSSV theo học mọi chuyên ngành

âm nhạc và được đưa vào chương trình thi hàng năm; thậm chí Piano phổ thông còn được giảng dạy trên bậc cao học. Trước đây, môn học này còn được gọi là *Piano cơ bản* hoặc *Piano môn chung* tuy nhiên trong những năm gần đây, tên gọi *Piano phổ thông* được sử dụng chính thức trong các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp Việt Nam vì nó bao hàm ý nghĩa là môn học phổ cập cho các đối tượng học Piano không chuyên nghiệp.

Tuy nhiên trong lĩnh vực đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp tại Việt Nam, vai trò, vị trí của đàn Piano trong vấn đề giảng dạy môn Piano phổ thông vẫn còn chưa được đánh giá đúng: Chưa có sự thống nhất về chương trình, giáo trình và nội dung giảng dạy; yêu cầu về chuẩn đầu ra cũng như trình độ bắt buộc đối với từng năm học không được qui định rõ ràng và chặt chẽ; nội dung giảng dạy chưa đáp ứng được với đặc thù của từng ngành học nên kết quả thu được chưa cao. Điều này đã phần nào tạo nên những cản trở trong vấn đề củng cố kiến thức nền tảng và phát triển khả năng cảm thụ nghệ thuật của HSSV. Những sinh viên tốt nghiệp hàng năm tại các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp chưa phát huy được hết khả năng chuyên môn để có thể góp phần xây dựng nên một diện mạo mới cho đời sống âm nhạc Việt Nam hiện nay.

Nền âm nhạc giao hưởng thính phòng Việt Nam chỉ mới ra đời và phát triển từ những năm 50 - 60 của thế kỷ XX nhưng đã đạt được nhiều thành tựu xứng đáng được ghi nhận. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, chất lượng đào tạo các ngành âm nhạc hàn lâm chuyên nghiệp đang bị giảm sút. Đời sống âm nhạc Việt Nam hiện nay đang có nhiều vấn đề nảy sinh và cần nhanh chóng khắc phục.

Trong lĩnh vực sáng tác âm nhạc, có người chỉ cần viết được từ 1 đến 2 ca khúc là đã có thể trở thành nhạc sĩ mà không cần những kiến thức cơ bản đòi hỏi phải có ở một người sáng tạo âm nhạc. Vẫn còn đang tồn tại khá phổ biến tình trạng phần lớn các nhạc sĩ phải nhờ người khác phối âm, viết phần đệm cho ca khúc của mình. Vấn đề này đã được nhạc sĩ Đặng Hữu Phúc đề cập đến trong một bài viết đăng trên tạp chí *Âm nhạc - Thời đại* (quý IV/2005): "... ở những nước có nền âm

nhạc chuyên nghiệp phát triển, mỗi một ca khúc, kể cả ca khúc quần chúng luôn luôn có một phần đệm cố định thường do chính tác giả của phần giai điệu viết ra cho đàn Piano. Đó là tính chuyên nghiệp của người nhạc sĩ. Riêng ở Việt Nam, hầu hết các nhạc sĩ (viết ca khúc) không viết được phần đệm cho các bài hát của chính mình sáng tác ra..." [83]. Số lượng các nhạc sỹ sáng tác cho khí nhạc hoặc các sáng tác cho các nhạc cụ phương Tây ngày càng hiếm. Nhiều nhạc công, những người hoạt động âm nhạc chưa biết sử dụng cây đàn Piano để có thể tự vỗ bài, tự đệm hoặc sử dụng như một phương tiện trợ giúp đắc lực trong quá trình giảng dạy. Hoặc ở lĩnh vực biểu diễn Thanh nhạc, vẫn có tình trạng một số người bước vào nghề hát nhưng không đọc được nốt nhạc và phải tập bài hát theo cách truyền khẩu. Các nguyên nhân này một phần là do các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp chưa đưa đến cho công chúng một tầng lớp nghệ sĩ đại chúng để chiếm lĩnh thị trường, cũng như chưa trang bị đủ kiến thức cho người học để có thể đáp ứng được với yêu cầu học tập và công việc thực tế.

Để có nền âm nhạc dân tộc hiện đại mang tính chuyên nghiệp cao trong tương lai, chúng ta phải xây dựng chiến lược phát triển đồng bộ về mọi mặt cả về công tác đào tạo âm nhạc và giáo dục thẩm mỹ âm nhạc cho thế hệ trẻ nhằm xây dựng một "hậu phương" vững chắc cho nền âm nhạc Việt Nam phát triển mạnh mẽ và bền vững.

Với mong muốn được góp phần vào việc đưa những giá trị âm nhạc đích thực trở về quỹ đạo của nó và hướng đến việc xây dựng một phương pháp đào tạo đồng bộ, khoa học nhằm góp phần củng cố chất lượng đào tạo đảm bảo tính chiến lược và định hướng lâu dài cho sự nghiệp phát triển nghệ thuật âm nhạc, chúng tôi thấy cần phải nghiên cứu vai trò có ý nghĩa hết sức quan trọng của cây đàn Piano đối với các ngành học tại các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp Việt Nam. Qua đó chú trọng vào việc trang bị kỹ năng nắm bắt Piano cho các đối tượng học ở các ngành học khác nhau, đặc biệt là vấn đề xây dựng chương trình giảng dạy mang tính đặc thù, phù hợp với từng chuyên ngành. Bên cạnh đó, nghiên cứu và đưa ra các

PPGD hiệu quả nhất trên cơ sở kế thừa tinh hoa của PPGD truyền thống và tiếp thu có chọn lọc các PPDH tiên tiến khác trên thế giới.

2. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu

Lịch sử phát triển của cây đàn Piano ở Việt Nam còn rất non trẻ, du nhập vào nước ta từ đầu thế kỷ XX và được đưa vào chính thức giảng dạy trong các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp từ năm 1956 cùng với sự thành lập trường Âm nhạc Việt Nam (nay là Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam). Mặc dù thời gian không nhiều so với thế giới, nhưng chúng ta đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận như giành được các giải thưởng Piano quốc tế, đào tạo ra những nghệ sỹ chuyên nghiệp, những người làm công tác giảng dạy, biểu diễn...để bổ sung vào đội ngũ cán bộ làm việc trên lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, đáp ứng cho nhu cầu của xã hội.

Về cây đàn Piano, trên thế giới đã có nhiều công trình nghiên cứu đi vào các lĩnh vực như các nguyên tắc cơ bản trong nghệ thuật chơi đàn Piano, cách tư duy trong thể hiện tác phẩm trên đàn Piano, những vấn đề về xử lý kỹ thuật, những sáng tác cho đàn Piano, các vấn đề liên quan tới sư phạm giảng dạy, biểu diễn...

Một số tài liệu nước ngoài rất hữu ích đối với chúng tôi trong quá trình nghiên cứu, bổ sung thêm tư liệu về phương pháp giảng dạy Piano phổ thông. Đó là các tập sách *“Nineteenth century Piano music a handbook for pianist”* (tạm dịch *Tài liệu hướng dẫn về âm nhạc Piano thế kỷ XIX dành cho người chơi Piano chuyên nghiệp*) của Kathleen Dale (Oxford university press, 1954), *“Practising the Piano”* (tạm dịch *Thức hành trên đàn Piano*) của Frank Merick (Rockliff Publishing Corporation, 1958), *“The Pianist’s Guide to Pedaling”* (tạm dịch *Hướng dẫn sử dụng Pedal cho người chơi Piano*) của J. Banowetz (Indiana University press, 1985), *“A new approach to Piano technique”* (tạm dịch *Cách tiếp cận mới với kỹ thuật Piano*) của Ruth A.Dickerson (Pageant press, Inc.101 Avenue, New York 3, 1962), *“Tips on how to teach effectively”* (tạm dịch *Cách thức dạy hiệu quả*) của S.Hidalgo (Rex Book Store, Manila, Philippines, 1994), *“Passion for the Piano”* (tạm dịch *Sự đam mê với cây đàn Piano*) của Judith Oringer (Jeremy p.tarcher, Inc.

Los Angeles, 1983), A.Nikolaev - "*Phương pháp học đàn Piano*" (Nhà xuất bản Âm nhạc, Moskva, 1969), "*Lịch sử nghệ thuật Piano*" (Nhà xuất bản Âm nhạc, Moskva, 1976) của Alekseyev, "*Thinking as you play*" (tạm dịch *Tư duy trong thể hiện*) của Sylvia Coats (Indiana University Press, 2006), "*Famous Pianists Their Technique*" (tạm dịch *Kỹ thuật của những nghệ sĩ Piano nổi tiếng*) của Reginald R. Gerig (Indiana University Press, 2007)...

Nhìn chung, các tác giả xuất phát từ góc độ của nhà sư phạm, nghệ sĩ biểu diễn có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực giảng dạy cũng như có nhiều công trình nghiên cứu về nghệ thuật chơi đàn Piano, đã tập trung vào các vấn đề sau: lịch sử hình thành và phát triển của cây đàn Piano; giới thiệu về tính năng và công năng sử dụng; những định hướng đối với người học và các hướng dẫn để giải quyết các vấn đề trong xử lý kỹ thuật nhằm thể hiện tác phẩm đạt hiệu quả.

Ở Việt Nam, công trình khoa học đầu tiên nghiên cứu chuyên sâu cây đàn Piano là luận án tiến sỹ "*Nghệ thuật Piano Việt Nam*" năm 1987 (Moscow – Russia) của GS.TS.NGND Trần Thu Hà. Công trình đã đề cập đến lịch sử hình thành và phát triển của quá trình cây đàn Piano du nhập từ phương Tây vào Việt Nam, phân tích và đánh giá phương pháp sư phạm qua các giai đoạn từ thời Pháp thuộc cho đến những năm của thập kỷ 80. Thông qua những kết quả nghiên cứu này, tác giả đã chứng minh nghệ thuật Piano Việt Nam phát triển qua các giai đoạn từ không chuyên nghiệp đến chuyên nghiệp và mặc dù còn rất non trẻ nhưng đã bước đầu đạt đến những thành tựu xứng đáng được ghi nhận: Đó là, đã dần dần hoàn chỉnh hệ thống đào tạo từ bậc TC đến ĐH (xây dựng được nội dung giảng dạy, chương trình giáo trình chi tiết cho từng năm học), bổ sung đội ngũ cán bộ giảng dạy ngày càng có trình độ chuyên môn cao... Với công trình nghiên cứu này, tác giả đã phác họa một bức tranh toàn cảnh về đời sống âm nhạc Việt Nam trước thời kỳ "mở cửa" - giai đoạn những năm 80 - không chỉ trong lĩnh vực đào tạo mà cả trong các hoạt động sáng tác và biểu diễn âm nhạc. Hơn 200 tác phẩm viết cho Piano của các nhạc sĩ Việt Nam (kể từ khi Piano được đưa vào môi trường đào tạo chuyên nghiệp - năm 1956) đã được tác giả sưu tầm, thống kê, phân tích, khắc họa những nét đặc trưng

trong phong cách sáng tác của nhạc sĩ Việt Nam. Qua đó, tác giả đã thể hiện sự mong muốn được góp phần vào công cuộc gìn giữ và truyền bá kho tàng âm nhạc quý báu, đậm đà bản sắc dân tộc và hiện đại cho những thế hệ sau.

Ngoài ra, còn có những công trình nghiên cứu khác như: Luận án tiến sỹ *“Mối liên hệ giữa các chất liệu âm nhạc của Việt Nam và châu Âu trong sáng tác của các nhạc sĩ thế kỷ XX”* – năm 2001 (Kiev – Ukraine) của TS Đặng Ngọc Giang Quân, luận án tiến sỹ *“Sonate và Concerto cho Piano của nhạc sĩ Việt Nam: Sự kết hợp giữa đặc điểm dân tộc và truyền thống của âm nhạc phương Tây”* – năm 2003 (Moscow – Russia) của PGS.TS Tạ Quang Đông, luận án tiến sỹ *“Lịch sử văn hóa Việt Nam: Mối tương tác giữa những hình thức âm nhạc dân gian và chuyên nghiệp”* – năm 2003 (Moscow – Russia) của PGS.TS Nguyễn Huy Phương, luận án tiến sỹ *“Sự phát triển nghệ thuật Piano Việt Nam”* – năm 2008 (Hà Nội) của PGS.TS Nguyễn Minh Anh...và một số luận văn thạc sỹ nghiên cứu về lý luận giảng dạy, kỹ thuật diễn tấu của cây đàn Piano.

Nhìn chung, các công trình khoa học trên phần lớn đi sâu nghiên cứu những vấn đề liên quan đến lĩnh vực sáng tác và đào tạo Piano chuyên nghiệp. Chẳng hạn như trong công trình luận án của mình, PGS.TS Nguyễn Huy Phương đã nghiên cứu lịch sử văn hoá âm nhạc Việt Nam từ thời kỳ lập nước cho đến cuối thế kỷ XX dựa trên quan điểm sự tương tác giữa những hình thức âm nhạc dân gian và chuyên nghiệp. Qua 3 chương luận án, tác giả đã xác định những giai đoạn khác nhau của sự hình thành các hình thức âm nhạc chuyên nghiệp truyền thống, tìm hiểu những thể loại chính trong âm nhạc truyền thống Việt Nam nhằm xác định nguồn gốc và phân loại chúng một cách chính xác: hoặc mang tính dân gian hay chuyên nghiệp, hoặc bắt nguồn ở bản địa hay mang yếu tố ngoại nhập. Tác giả trình bày mối quan hệ “truyền thống dân gian và chuyên nghiệp” trên ví dụ hệ thống thể loại của âm nhạc Việt Nam, đồng thời nghiên cứu sự hình thành và phát triển văn hoá âm nhạc chuyên nghiệp kiểu châu Âu tại Việt Nam thông qua các giai đoạn lịch sử.

Cùng nghiên cứu về phong cách sáng tác của các nhạc sĩ Việt Nam và châu Âu là 2 luận án của TS Đặng Ngọc Giang Quân và PGS.TS Tạ Quang Đông. Với đề tài “*Sonate và Concerto cho Piano của nhạc sĩ Việt Nam: Sự kết hợp giữa đặc điểm dân tộc và truyền thống của âm nhạc phương Tây*”, PGS.TS Tạ Quang Đông đã đi sâu phân tích những đặc điểm của hình thức Sonate cổ điển châu Âu và so sánh những đặc điểm giống nhau và khác nhau trong các bản Sonate và Concerto cho Piano của các nhạc sĩ Việt Nam từ năm 1956 cho đến năm 2002, chứng minh được sự giao lưu và phát triển các yếu tố hình thức, hòa thanh, phức điệu...giữa âm nhạc Piano hàn lâm Việt Nam và phương Tây.

Hoặc trong luận án “*Mối liên hệ giữa các chất liệu âm nhạc của Việt Nam và châu Âu trong sáng tác của các nhạc sĩ thế kỷ XX*”, trên cơ sở nghiên cứu và so sánh hai nền văn hóa lớn của châu Âu và châu Á ở các lĩnh vực nghệ thuật như văn học, mỹ thuật và âm nhạc, TS Đặng Ngọc Giang Quân đã đi sâu vào phân tích và so sánh hai tác phẩm tiêu biểu, đại diện cho hai nền văn hóa của phương Tây và phương Đông: *Suite Việt Nam* của nhạc sĩ Isenko và *Album Việt Nam* của nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý - Thái Thị Lang nhằm làm rõ sự tương đồng và khác biệt về chất liệu âm nhạc trong sáng tác của các nhạc sĩ thế kỷ XX...

Viết về lĩnh vực đào tạo, luận án “*Sự phát triển nghệ thuật Piano Việt Nam*” của PGS.TS Nguyễn Minh Anh có thể nói là sự nối tiếp liền mạch với công trình nghiên cứu của GS.TS.NGND Trần Thu Hà. Tác giả đã khái quát các bước phát triển của nghệ thuật Piano Việt Nam, khẳng định những thành tựu đã đạt được trong hơn 50 năm qua (đặc biệt là giai đoạn sau thời kỳ "mở cửa"), đồng thời đề xuất một số vấn đề quan trọng về sư phạm Piano nhằm hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo Piano của Việt Nam trong giai đoạn mới.

Nội dung của luận án tập trung vào 3 vấn đề chính: *sự thả lỏng, cách xác định và xây dựng câu nhạc, nghệ thuật sử dụng Pedal*. Tác giả cho rằng những vấn đề trên vừa mang tính kỹ thuật và cả tính nghệ thuật giúp cho quá trình nâng cao

thẩm mỹ âm nhạc và phát triển tư duy sáng tạo nghệ thuật đối với người học Piano chuyên nghiệp.

Trên các lĩnh vực đào tạo âm nhạc khác, vai trò của cây đàn Piano cũng được đề cập đến. Đối với đào tạo Thanh nhạc, các giáo trình giảng dạy Thanh nhạc của các giáo sư, chuyên gia đầu ngành đang được sử dụng tại các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp hiện nay đều nhấn mạnh đến sự cần thiết phải biết sử dụng đàn Piano đối với ca sĩ. Trong lĩnh vực âm nhạc hàn lâm, sự hỗ trợ của đàn Piano đã góp phần tạo ra hiệu quả tốt nhất cho Thanh nhạc trên cả hai phương diện biểu diễn và đào tạo; Piano luôn thể hiện vai trò chủ đạo mà cho đến nay chưa có một nhạc cụ nào có thể làm tốt hơn.

Trong *Phương pháp sư phạm Thanh nhạc* (Viện Âm nhạc xuất bản năm 2001) - tài liệu giảng dạy dành cho hệ Đại học, NSND Nguyễn Trung Kiên - giáo sư đầu ngành trong lĩnh vực Thanh nhạc của Việt Nam, đã nhận định rằng, đối với vấn đề đào tạo và hoàn thiện một người ca sĩ chuyên nghiệp, bên cạnh việc nghiên cứu, học tập lý luận âm nhạc thì yêu cầu trước tiên phải biết sử dụng tương đối tốt đàn Piano để có thể nắm vững tác phẩm âm nhạc. Sự trợ giúp của Piano sẽ tạo ra những điều kiện thuận lợi giúp cho người hát cảm nhận được tinh thần của tác phẩm, thấu hiểu những yêu cầu trong quá trình xử lý để có thể chủ động sáng tạo khi thể hiện. Theo quan điểm của GS Nguyễn Trung Kiên, Piano không đơn thuần đóng vai trò hỗ trợ mà thực sự là môn học để Thanh nhạc phát triển. Trong quy trình đào tạo tại các Nhạc viện tiên tiến trên thế giới, sinh viên Đại học Thanh nhạc phải nghiên cứu kỹ phần đệm Piano trước khi thể hiện một tác phẩm Thanh nhạc để có thể nắm vững tác phẩm.

Nhằm bổ sung thêm nguồn tư liệu cho công trình nghiên cứu này, chúng tôi đã tìm hiểu không chỉ các tài liệu chuyên khảo về Piano ở các lĩnh vực khác nhau mà cả về mảng kiến thức của lĩnh vực lý luận dạy học (PPGD giữ một vai trò quan trọng để có thể truyền đạt những thông tin cho người học một cách nhanh chóng và thuận lợi; có PPDH đúng đắn, khoa học thì sẽ giúp người học nắm bắt kiến thức và

vận dụng những kiến thức đó hiệu quả trong học tập và trên thực tế sau này). Chúng tôi đã tham khảo các tài liệu về lý luận dạy học của các tác giả trong và ngoài nước. Nghiên cứu, phân tích, so sánh các PPDH truyền thống với những phương pháp tiên tiến đang được sử dụng trên thế giới nhằm lựa chọn được PPGD phù hợp nhất đối với môn Piano phổ thông.

Trong cuốn *"Phương pháp dạy học truyền thống và đổi mới"* (Nhà xuất bản giáo dục - 2008), tác giả Thái Duy Tuyên đã xác định vai trò chủ đạo của người thầy trong quá trình dạy học hiện đại: là người xác định mục tiêu, nội dung giảng dạy; thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học; dự kiến các tình huống có thể xảy ra và đề ra được phương hướng, cách thức giải quyết. Chức năng chính của người thầy trong quá trình dạy học hiện đại là người tổ chức, hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho người học hoạt động, để tự người học thu lượm tri thức, chiếm lấy làm tài sản sở hữu của mình. Người dạy trang bị cho các đối tượng học phương pháp học hiệu quả. Như vậy, vai trò của người thầy không chỉ truyền thụ nội dung kiến thức, mà còn là người tạo hứng thú học tập, hướng dẫn người học về phương pháp học và cũng là người kiểm tra, đánh giá kết quả tự học của đối tượng học trên cơ sở hướng dẫn người học tự đánh giá, tự điều chỉnh.

Tác giả cho rằng, *"...trong dạy học hiện đại, quá trình điều khiển của thầy phải hướng đến ít phủ định mình, nghĩa là phải làm sao cho học sinh dần dần ít học tập, nghiên cứu mà không cần giáo viên hướng dẫn nữa. Đó là điều cốt lõi giúp học sinh khi ra trường có đủ sức làm chủ bản thân, có khả năng hội nhập và ít thích ứng cao với hoàn cảnh..."* [24; 22]. Ngoài ra, trong quá trình dạy học, giảng viên cần thông qua những tín hiệu phản hồi từ kết quả học tập của người học bằng nhiều hình thức khác nhau, kịp thời phát hiện thực trạng học tập của các đối tượng học đó, tìm ra những nguyên nhân khách quan và chủ quan...để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy của mình.

Cuốn *"Nghệ thuật và khoa học dạy học"* (Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam - 2011) của tác giả Robert J. Marzano, đã đưa ra một quan điểm mới, đó là: *"...một*

*nền giáo dục tiên tiến không đặt trọng tâm vào việc giúp người học tiếp thu các tri thức khoa học mà nhà trường đưa lại cho họ. Ngược lại, mục tiêu của nền giáo dục đó là giúp người học nhận ra được những năng lực trí tuệ của mình để đi tìm tiếp những lời giải cho những vấn đề chưa hẳn hoàn toàn đã biết theo con đường phù hợp nhất với năng lực trí tuệ của cá nhân..." [15; 7]. Điều này phụ thuộc vào nhiều yếu tố, nhưng yếu tố quyết định nhất là quan niệm về vai trò của người thầy. Sẽ không có học trò sáng tạo nếu không có những người thầy sáng tạo; **dạy học vừa là một khoa học vừa là một nghệ thuật.***

Ngoài các tài liệu đã được nêu trên, trong quá trình chuẩn bị các tư liệu cho công trình nghiên cứu của mình, chúng tôi có tìm hiểu, tham khảo một số luận án tiến sĩ và luận văn thạc sĩ về chuyên ngành Lý luận âm nhạc, phương pháp sư phạm biểu diễn đối với những vấn đề có liên quan.

Đề tài Luận án "*Vai trò của Piano trong nâng cao mặt bằng kiến thức chung của các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp Việt Nam*" được xây dựng và phát triển từ Luận văn Thạc sĩ "*Nghiên cứu việc giảng dạy môn Piano phổ thông trong các trường âm nhạc chuyên nghiệp*" trước đây của tác giả. Nếu như trong Luận văn Thạc sĩ, chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu một cách có hệ thống những vấn đề thực tế diễn ra trong quá trình giảng dạy Piano phổ thông tại các trường âm nhạc chuyên nghiệp hay nói một cách khác là chuyên sâu vào phương pháp giảng dạy nhằm tổng kết và đánh giá thực trạng việc dạy và học bộ môn này, chỉ ra được những khó khăn, thuận lợi, những yếu tố chủ quan và khách quan tác động đến để trên cơ sở đó xây dựng định hướng phù hợp với thực tiễn, đề xuất những biện pháp khắc phục; thì giờ đây ở qui mô của Luận án Tiến sĩ, chúng tôi đã mở rộng phạm vi nghiên cứu, cây đàn Piano được xem xét và đánh giá một cách toàn diện, sự tác động tích cực của nó đối với các ngành học được nghiên cứu một cách sâu sắc: Piano không chỉ hỗ trợ cho việc học tập có hiệu quả các chuyên ngành Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy và Thanh nhạc mà còn đóng vai trò quan trọng đối với các chuyên ngành khác, đặc biệt đối với vấn đề trang bị kiến thức nền tảng.

Có thể thấy rằng, cây đàn Piano có ý nghĩa quan trọng trong vấn đề bồi dưỡng, nâng cao mặt bằng kiến thức chung cho nhiều ngành học nhưng ở khía cạnh này cho đến nay vẫn chưa có một công trình nghiên cứu nào đề cập đến. Thiết nghĩ, cây đàn Piano cần phải được nghiên cứu sâu hơn trên những bình diện khác nhau (không nhất thiết chỉ giới hạn cho đối tượng học Piano chuyên nghiệp) bởi vì Piano là môn bổ trợ, làm nền tảng cho việc giảng dạy và học tập của các ngành học nên rõ ràng không thể xem nhẹ vấn đề trang bị kỹ năng Piano cho mọi đối tượng học.

Việc có những công trình khoa học nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực khác nhau trong giảng dạy Piano tại các trường âm nhạc chuyên nghiệp trên cả nước sẽ góp phần tích cực trong vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo phù hợp với xu thế phát triển của xã hội giai đoạn hiện nay.

Mặc dù hiện nay, về lĩnh vực Piano phổ thông hầu như không có một tài liệu nào đề cập đến một cách cụ thể; điều này đã tạo ra những khó khăn nhất định cho tác giả khi đưa ra những nhận định, đánh giá về các vấn đề có liên quan. Tuy nhiên, với kinh nghiệm của 20 năm giảng dạy Piano (ở cả hai lĩnh vực Piano chuyên ngành và Piano phổ thông), bản thân cũng đã đã từng được học tập ở nước ngoài và đang theo học các chương trình Sau đại học tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, tác giả công trình nghiên cứu cũng đã có cơ hội quan sát, tham khảo chương trình giảng dạy tại các nơi; trao đổi, học hỏi những kinh nghiệm quý báu trong đào tạo từ các giáo sư, các nhà sư phạm có uy tín... Những kiến thức và kinh nghiệm giảng dạy được tích lũy được trong thời gian qua đã đóng vai trò quan trọng đối với tác giả trong quá trình nghiên cứu và làm tăng thêm sự tự tin, quyết tâm thực hiện thành công đề tài nghiên cứu này.

3. Mục đích nghiên cứu

- Nghiên cứu những tác động tích cực của cây đàn Piano đối với các ngành học, qua đó để chứng minh rằng có kỹ năng Piano vững vàng sẽ tạo được những điều kiện vô cùng thuận lợi đối với mọi đối tượng trong quá trình học tập và nghiên cứu.

- Đánh giá một cách tổng quát tình hình thực tế vấn đề giảng dạy môn Piano phổ thông tại các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp trên cả nước, trên cơ sở thấy được những thành tựu cũng như mặt hạn chế để xây dựng được định hướng phù hợp với thực tiễn, đề xuất những tiêu chí cụ thể đối với môn Piano phổ thông nhằm đáp ứng cho vai trò góp phần trang bị kiến thức nền tảng cơ bản, hỗ trợ cho việc nghiên cứu chuyên sâu các ngành học nhằm nâng cao mặt bằng kiến thức chung của các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là tiến trình dạy và học môn Piano phổ thông trong các trường âm nhạc chuyên nghiệp, sự tác động tích cực của Piano đối với một số môn học và ngành học. Trong đó trọng tâm chính là tập trung nghiên cứu vấn đề giảng dạy môn Piano phổ thông, xác định những tiêu chí cụ thể trong vấn đề trang bị kỹ năng Piano cho các đối tượng học, xây dựng chương trình giáo trình giảng dạy mang tính đặc thù nhằm phát huy tối đa sự hỗ trợ của Piano cho việc học tập các chuyên ngành.

Phạm vi nghiên cứu của luận án: chúng tôi tập trung nghiên cứu những vấn đề đã nêu trên tại HVANQGVN, HVANH, và NVTPHCM là 3 cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp lớn của cả nước. Thông qua công trình nghiên cứu này, chúng tôi muốn nâng cao nhận thức của người học về ý nghĩa quan trọng của đàn Piano trong đẩy mạnh trình độ mặt bằng kiến thức chung, góp phần xây dựng và củng cố kiến thức nền tảng cho HSSV tại các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp Việt Nam.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, kết hợp với sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu, khảo sát hiện trạng việc dạy và học bộ môn Piano phổ thông tại cả ba trung tâm đào tạo âm nhạc lớn của cả nước thông qua các hình thức: dự giờ, phỏng vấn trực tiếp giảng viên và HSSV, tìm hiểu kết quả thực tế qua quá trình học; kết hợp các phương pháp nghiên cứu khác như lập anket điều tra, phương pháp so sánh, đối

chiều, phân tích, quy nạp, tổng hợp nhằm đi đến kết luận, phân tích nguyên nhân những điểm yếu đang tồn tại và xây dựng giải pháp khắc phục.

Tiếp thu có chọn lọc những quan điểm, ý kiến của các nhà nghiên cứu đi trước có liên quan đến các vấn đề được nghiên cứu trong đề tài này nhằm làm sáng tỏ hơn các luận chứng trên cơ sở bảo đảm tính khoa học và tính khách quan.

6. Những đóng góp của luận án

Là công trình nghiên cứu chuyên sâu đầu tiên về vị trí, vai trò đàn Piano trong đời sống âm nhạc chuyên nghiệp, trong nâng cao mặt bằng kiến thức, luận án sẽ đóng góp những giải pháp trong việc xây dựng nội dung chương trình giảng dạy đạt hiệu quả cao: thiết kế được giáo trình riêng phù hợp với đặc thù của từng chuyên ngành, từng cấp học; sử dụng giáo trình mở, không máy móc và cứng nhắc về thể loại cũng như cấp độ bài học trong quá trình giảng dạy...

Luận án cũng đề xuất những vấn đề liên quan đến yếu tố người dạy như chuyên môn hóa đội ngũ giảng dạy, đề cao khả năng sáng tạo của người thầy với những năng lực và phẩm chất thiết yếu (người dạy Piano phổ thông phải có kiến thức nền tảng vững chắc, không chỉ yêu cầu về trình độ Piano vững vàng mà còn phải có kiến thức sâu rộng, hiểu kỹ về chuyên ngành đang giảng dạy nhằm tạo được sự gắn kết, bổ trợ giữa Piano với chuyên ngành đó).

Xây dựng được giáo trình riêng phù hợp với đặc thù của từng nhóm chuyên ngành trên cơ sở xác định đúng mục tiêu đào tạo cho mỗi chuyên ngành để có phương pháp giảng dạy hữu hiệu nhất.

Tóm lại, đề tài nghiên cứu này sẽ đưa ra một cái nhìn toàn diện và khách quan những đóng góp tích cực của đàn Piano đối với vấn đề hỗ trợ nghiên cứu chuyên sâu các ngành học, làm cơ sở để góp phần xây dựng hướng đào tạo mang tính chiến lược. Ngoài ra, đề tài này còn có thể được sử dụng như tài liệu tham khảo giúp cho việc xây dựng giáo trình giảng dạy bộ môn Piano phổ thông tại các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp, bảo đảm được tính đồng bộ và thống nhất chặt chẽ trong yêu cầu và tiêu chí đánh giá, biểu hiện qua các mặt:

- Thống nhất trên phạm vi toàn quốc phương pháp sư phạm chung về đào tạo cũng như về chương trình, giáo trình và nội dung giảng dạy trên cơ sở có nghiên cứu biên soạn phù hợp với đặc thù của từng ngành học.

- Góp phần xây dựng quy chế đào tạo mới, đa dạng và phù hợp với cơ chế hiện nay, có những quy chuẩn cụ thể về trình độ Piano cho từng năm tùy theo đặc thù mỗi chuyên ngành và trình độ khi tốt nghiệp.

7. Bố cục của luận án

Ngoài các phần Mở đầu, Kết luận, Phụ lục và Danh mục tài liệu tham khảo, luận án gồm có 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn của đề tài

Chương 2: Piano trong việc nâng cao mặt bằng kiến thức cho SVHS âm nhạc chuyên nghiệp

Chương 3: Nâng cao chất lượng giảng dạy môn Piano phổ thông tại các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Đàn Piano và vai trò của đàn Piano trong đời sống âm nhạc Việt Nam

Cây đàn Piano trên thế giới đã có lịch sử phát triển hơn 500 năm mà tiền thân của nó là cây đàn Clavecin (tên tiếng Pháp) hay còn được gọi là Harpsichord (tên tiếng Anh). Năm 1709 một nghệ nhân người Ý - Bartolomeo Cristofori (Florence - Italia) đã sáng tạo ra cây đàn Piano đầu tiên trên thế giới gọi là Piano et forte (*nhẹ và mạnh*) [75; 82]. Âm thanh của đàn Piano được tạo ra thông qua hoạt động của những chiếc búa bọc ni gõ vào các sợi dây thép làm cho dây đàn ngân vang ở tần số cộng hưởng của nó; những rung động này lại được truyền qua các cầu đến bảng cộng hưởng - bộ phận khuếch đại của chúng. Việc chế tạo đàn Piano phát triển mạnh mẽ vào cuối thế kỷ XVIII thể hiện trong những thành tựu của trường phái Vienne: đó là cây đàn Piano được thiết kế với bộ khung bằng gỗ, mỗi âm thanh vang lên từ 3 dây đàn, búa đàn được bọc bằng dạ. Bằng cây đàn Piano này, Mozart đã sáng tác những bản Concerto, Sonate...bất hủ của mình. Bản sao của nó vẫn được thiết kế cho đến ngày hôm nay nhằm để sử dụng trong các buổi trình diễn nhạc cụ đòi hỏi độ xác thực âm thanh cao, tái hiện đúng tinh thần và tính chất âm nhạc của thời kỳ Cổ điển [69] (xem Phụ lục 1.1. *Đàn Piano thế kỷ XXVIII*).

Âm nhạc thế kỷ thứ XVIII đã có một bước tiến quan trọng với sự ra đời của cây đàn Piano: Cây đàn Piano thực sự là một cuộc cách mạng trong âm nhạc với sự tinh tế, nhạy cảm của phím đàn, âm thanh đầy chất hát, âm vực rộng mà chưa có một cây đàn nào có được những tính năng nổi trội như vậy. Qua nhiều cải tiến tiếp theo về cấu tạo bộ máy bên trong, Piano đã dần được sử dụng thay thế hoàn toàn cho Clavecin. “*Tính linh hoạt của Piano hơn hẳn các nhạc cụ khác, do đó Piano có thể được sử dụng trong các buổi*

trình diễn độc tấu, hòa nhạc thính phòng, đệm cho các nhạc cụ và giọng hát, tham gia trong dàn nhạc giao hưởng. Piano cũng còn là nhạc cụ có khả năng rất phong phú đối với vấn đề xử lý những tính chất đa dạng và tinh tế về sắc thái trong các tác phẩm âm nhạc...” [69].

Đàn Piano với âm thanh và sắc thái phong phú, tinh tế, khi thì vang dội như sấm sét, khi thì du dương, êm ái, đã chinh phục được giới nhạc sĩ cũng như công chúng yêu âm nhạc. Thành công ban đầu của đàn Piano đã thúc đẩy các nhà chế tạo nhạc cụ tiếp tục cải tiến để đạt đến sự hoàn hảo. Đàn Piano ngày nay là sản phẩm cải tiến của rất nhiều thế hệ nghệ nhân chế tạo đàn. Hiện nay đàn Piano đã đạt tới sự hoàn chỉnh về cơ học, một động tác nhấn nhẹ lên phím cũng truyền đến được dây đàn, pedal đã có thể sử dụng để ngân dài hoặc tắt âm thanh theo ý muốn. Ngay cả những khi thực hiện kỹ thuật phức tạp như *trémolo* ở tốc độ nhanh hoặc xử lý các sắc thái tinh tế ở cường độ nhẹ (**PP**, **PPP**), các âm thanh vẫn phát ra rõ ràng và trong trẻo.

Có 2 kiểu đàn chính: Đàn Piano đứng (*Upright Piano*) và đàn Piano lớn (*Grand Piano*). Hình dáng của chiếc đàn đứng (*Upright Piano*) ban đầu được chế tạo để dùng trong nhà, gọn gàng hơn so với đàn Piano lớn (*Grand Piano*) do bởi bộ khung và dây đàn được cấu tạo theo chiều dọc, búa đàn chuyển động hướng lên. Vì cấu tạo theo một hướng nên người chơi đàn khó có thể quan sát các nhạc công khác cũng như khán giả khó thấy được người đàn. Ngoài ra, hộp cộng hưởng của kiểu đàn này bị ngăn cách với căn phòng bởi vỏ đàn và thường ở rất gần tường nên âm thanh phát ra mềm và đục, khó thể hiện được sự truyền cảm so với đàn Piano lớn (xem phụ lục 1.2. *Đàn Piano đứng - Upright Piano*).

Đàn Piano lớn (*Grand Piano*) có một hình dáng thích hợp hơn. Loại đàn này cả hai bên hộp cộng hưởng đều được mở ra khiến cho âm thanh phát ra mà không bị một cản trở nào. Ưu điểm của cây đàn lớn đó là sự vượt trội về âm thanh do kích cỡ của nó cộng với vị trí nằm ngang của dây và hộp cộng hưởng đã tạo điều kiện tốt

cho âm thanh phát ra một cách rõ ràng (xem phụ lục 1.3. *Đàn Piano lớn - Grand Piano*).

Ở Việt Nam, cây đàn Piano xuất hiện từ bao giờ là câu hỏi được các nhà nghiên cứu âm nhạc quan tâm và đưa ra các quan điểm khác nhau. Theo tài liệu “*Tân nhạc Hà Nội*”, các nhà nghiên cứu cho rằng đàn Piano có mặt tại Việt Nam sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, trong khoảng thời gian từ 1914 - 1918.

Tuy nhiên, luận án tiến sĩ của GS.TS.NGND Trần Thu Hà về “*Nghệ thuật Piano Việt Nam*” đã khẳng định đàn Piano xuất hiện lần đầu tiên ở Hà Nội vào năm 1912 phục vụ cho mục đích truyền đạo: Piano được sử dụng thay thế cho Organ trong nhà thờ, vì vậy những linh mục Pháp chính là những người thầy dạy đánh đàn Piano đầu tiên ở Việt Nam. Cho đến những thập niên 20, 30 đàn Piano mới được biết đến nhiều hơn cùng với các nhạc cụ phương Tây khác như Violon, Violon Cello, Guitare, Accordéon và các loại kèn hơi. Người ta thấy đàn Piano trong các ban nhạc tại các nhà hàng, rạp hát, các quán bar...để phục vụ nhu cầu giải trí của các viên chức Pháp, Việt và tầng lớp thượng lưu. Về sau, các lớp dạy tư về Piano được mở tuy còn mang tính nghiệp dư nhưng đã có ý nghĩa nhất định đối với sự hình thành nền Piano chuyên nghiệp của Việt Nam sau này. Đặc biệt, mặc dù chỉ tồn tại trong vòng 3 năm nhưng sự ra đời của *Pháp quốc Viễn đông Nhạc viện* vào năm 1927 đã đem lại những kết quả ban đầu: trang bị kiến thức âm nhạc cơ bản và trình độ biểu diễn một vài nhạc cụ châu Âu (Piano, Violon, Cello và Flute) cho một số người có năng khiếu, yêu thích âm nhạc lúc bấy giờ.

Cùng thống nhất với quan điểm như trên, tác giả Minh Tâm trong “*Lược sử âm nhạc Việt Nam trong giai đoạn từ 1900 đến 1975*” cho rằng cũng như những nhạc cụ châu Âu khác du nhập vào Việt Nam bằng nhiều con đường, đàn Piano xuất hiện lần đầu tiên ở Việt Nam vào năm 1912 nhân dịp khánh thành nhà thờ lớn Sài Gòn, sau đó có mặt tại Hà Nội và ở những thành phố khác.

Sự nghiệp đào tạo chuyên nghiệp đàn Piano ở Việt Nam được hình thành cùng với sự ra đời của các cơ sở đào tạo âm nhạc lớn trên cả nước: Trường Âm nhạc Việt

Nam - năm 1956 (nay là Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam), Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Huế - năm 1962 (nay là Học viện Âm nhạc Huế), Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Sài Gòn - năm 1956 (nay là Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh) và tiếp theo là hệ thống các trường đại học, cao đẳng, trung học Văn hóa - Nghệ thuật trên cả nước được dần dần mở ra sau này.

Đề cập về vai trò của cây đàn Piano trong đời sống âm nhạc Việt Nam, PGS.TS Nguyễn Minh Anh trong công trình nghiên cứu của mình (luận án tiến sĩ “*Sự phát triển nghệ thuật Piano Việt Nam*” - 2008) đã nhận định nghệ thuật Piano Việt Nam giai đoạn trước Cách Mạng tháng Tám là còn chưa mang tính chuyên nghiệp và ở trình độ thấp. Với mục đích ban đầu là phục vụ các hoạt động nghi lễ tôn giáo, cây đàn Piano đã dần đi vào cuộc sống, phục vụ sinh hoạt giải trí cho tầng lớp thượng lưu và trí thức yêu âm nhạc lúc bấy giờ.

Cùng với thời gian, đàn Piano ngày càng trở nên quen thuộc với nhiều người dân Việt Nam. Số lượng người biết thưởng thức, biết chơi đàn ngày một tăng. Thành tựu phát triển ngành Piano tại nước ta đã đạt được nhiều thành công đáng khích lệ; trình độ và chất lượng đào tạo ngày một nâng cao: Ngay từ những năm chiến tranh đầy gian khổ và ác liệt, chúng ta đã có thí sinh đầu tiên (nghệ sĩ Tôn Nữ Nguyệt Minh) tham dự kỳ thi Piano quốc tế mang tên Tchaikovsky tại Moscow năm 1974. Năm 1980 nghệ sĩ Đặng Thái Sơn dành giải Nhất kỳ thi Piano quốc tế mang tên Chopin lần thứ 10 tại Ba Lan đã mang lại vinh quang cho dân tộc. Nhìn lại những gì chúng ta đã đạt được thật đáng tự hào và trân trọng, đó chính là kết quả của những cống hiến bền bỉ, không mệt mỏi của các giáo sư, nghệ sĩ, các giảng viên tâm huyết với sự nghiệp đào tạo Piano Việt Nam và chúng ta không thể không nhắc tới sự đóng góp to lớn của NGND Thái Thị Liên – người đã đặt viên gạch đầu tiên xây dựng ngành Piano nước nhà.

Cũng theo nhận định của PGS.TS Nguyễn Minh Anh, giai đoạn những năm đầu của thập niên 60 thế kỷ XX đời sống âm nhạc của thủ đô Hà Nội và tại một số thành phố lớn miền Bắc đã phát triển tới trình độ cao, đặc biệt việc đưa nghệ thuật

Piano tới đông đảo quần chúng thông qua những chương trình biểu diễn mang tính chất chuyên nghiệp cũng rất được quan tâm. Giai đoạn trước 1956, Piano chỉ tham gia vào các chương trình biểu diễn với vai trò đệm hát và đệm cho các nhạc cụ nhưng dần dần trong các buổi hòa nhạc do Bộ Văn hóa hay Hội nhạc sĩ tổ chức, Piano đã đảm đương cả vai trò độc tấu. Bên cạnh các tiểu phẩm dễ nghe đã xuất hiện những tác phẩm lớn của các nhạc sĩ nổi tiếng thế giới Haydn, Mozart, Beethoven, Mendelssohn, Liszt, Chopin..., đặc biệt tuy còn khiêm tốn nhưng dần dần trong các chương trình biểu diễn đã có sự góp mặt các tác phẩm của các nhạc sĩ Việt Nam. Thông qua các hoạt động đó, Piano đã trở nên phổ biến hơn đối với công chúng yêu âm nhạc ở các thành phố lớn và đã góp phần làm phong phú đời sống văn hóa của nhân dân ta lúc bấy giờ.

Những thập niên 80, giai đoạn của thời kỳ “mở cửa” đã tạo ra các điều kiện, cơ hội và thách thức trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị và văn hóa dẫn đến nhiều thay đổi theo hướng tích cực. Hoạt động giao lưu văn hóa ở nước ta phát triển mạnh, đã là một động lực cho sự phát triển âm nhạc nói chung và nghệ thuật Piano nói riêng. Hàng năm, khán thính giả Việt Nam tại các thành phố lớn có cơ hội được thưởng thức các chương trình hòa nhạc của các nghệ sĩ nổi tiếng thế giới: đó là các chương trình biểu diễn xuyên Việt của công ty Hennessy, Toyota và các tổ chức văn hóa, xã hội nước ngoài..., mà trong đó luôn có phần giới thiệu những tác phẩm Piano của nhiều tác giả nổi tiếng trong các thời kỳ khác nhau. Có thể nói, bắt đầu từ đây, nghệ thuật Piano của Việt Nam đã vươn lên và dành được những thành quả đáng ghi nhận thể hiện qua các giải thưởng cao trong các cuộc thi concours quốc gia và quốc tế.

1.1.2. Sự khác biệt giữa dạy Piano chuyên ngành và dạy Piano phổ thông

Để có thể phát huy vai trò hỗ trợ của Piano trong nâng cao mặt bằng kiến thức chung cần phải nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập môn Piano phổ thông. Mặc dù vấn đề trang bị kỹ năng Piano cho một số ngành học đã được quan tâm và triển khai rất sớm ngay từ giai đoạn mới thành lập của các cơ sở đào tạo âm

nhạc chuyên nghiệp nhưng như đã đề cập trong phần *Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu*, vấn đề trang bị kỹ năng Piano phổ thông hiện nay còn nhiều bất cập: mục tiêu hướng đến chưa được xác định rõ, việc giảng dạy môn Piano phổ thông tại các cơ sở đào tạo âm nhạc lớn của cả nước là chưa mang tính đồng bộ, chưa có sự thống nhất chung về chương trình, giáo trình và nội dung giảng dạy. Phần lớn chương trình giảng dạy Piano phổ thông lấy khung từ chương trình giảng dạy Piano chuyên ngành.

Do đó, trước tiên chúng tôi nghĩ rằng cần phải phân biệt rõ sự khác nhau giữa giảng dạy Piano chuyên ngành và Piano phổ thông, xác định được mục đích của vấn đề giảng dạy và học tập Piano để xây dựng các tiêu chí đào tạo phù hợp.

Dạy Piano chuyên ngành		Dạy Piano phổ thông
Mục đích	Đào tạo ra các nghệ sĩ biểu diễn độc tấu, hòa tấu, nghệ sĩ đệm đàn, giảng viên trong các trường âm nhạc chuyên nghiệp	Trang bị kỹ thuật tay đàn Piano ở trình độ cơ bản cho người học, làm phương tiện phục vụ cho việc học tập từng chuyên ngành riêng nhằm mở rộng kiến thức, phát triển tư duy âm nhạc, nâng cao trình độ cảm thụ nghệ thuật.
Đặc điểm của người học	- Được tuyển chọn từ lứa tuổi nhỏ (có khả năng tiếp thu nhanh, thể lực còn đang trong giai đoạn phát triển, tay chân mềm dẻo, linh hoạt). - Đáp ứng được các tiêu chí xét tuyển khắt khe: có năng khiếu tương đối toàn diện về tai nghe, tiết tấu, trí nhớ và sự cảm thụ âm nhạc; có thể lực tốt để đáp	- Được phân thành 2 nhóm (các chuyên ngành Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy và Thanh nhạc với các nhạc cụ Giao hưởng). - Đối tượng được tuyển chọn đã có sự phát triển hoàn chỉnh về tâm sinh lý, có sự chín chắn trong tư duy (do đã ở vào độ tuổi trưởng thành) dẫn đến những thuận lợi trong việc cảm thụ tinh thần tác

	ứng cho công việc lao động nghệ thuật vô cùng vất vả và lâu dài (cơ thể phát triển hài hòa, bàn tay phù hợp với lòng bàn tay rộng mềm dẻo, các ngón tay dài có độ doãng tốt, tránh những bàn tay ra nhiều mồ hôi, có hệ thần kinh vững vàng, trí nhớ tốt, óc quan sát tinh tế, nhạy cảm, giàu cảm xúc).	phẩm và cách xử lý tác phẩm; tuy nhiên học Piano ở độ tuổi lớn sẽ gặp nhiều khó khăn do cơ tay cứng, độ nhanh nhạy, linh hoạt của các ngón tay lại hạn chế, khó điều khiển để đáp ứng được yêu cầu của kỹ năng chơi Piano.
Một số vấn đề cần lưu ý trong giảng dạy	- Trang bị kiến thức nền tảng vững chắc (từ những kỹ thuật đơn giản đến phức tạp) để người học đáp ứng được những yêu cầu cao trong xử lý tác phẩm (đàn đúng nốt, sạch sẽ, đúng tốc độ, biết cách phân câu, xử lý sắc thái, thể hiện tiếng đàn theo đúng tinh thần của tác phẩm và tác giả...) - Số lượng bài phải hoàn thành trong từng năm của học sinh Piano chuyên nghiệp là khá lớn. - Chú trọng đến vấn đề rèn luyện tâm lý biểu diễn cho học sinh (sự tự tin, ổn định, vững	- Xuất phát từ mục tiêu học tập và ứng dụng trên thực tế môn Piano của người học giữa các chuyên ngành là khác nhau nên giảng viên phải chủ động và linh hoạt trong xây dựng nội dung và sử dụng PPGD phù hợp với đặc thù của từng nhóm chuyên ngành. - Phát triển bề rộng hơn bề sâu, không đặt nặng vấn đề về yêu cầu thể hiện các tác phẩm ở mức độ hoàn hảo cao và khối lượng lớn bài vở phải hoàn thành như đối với đối tượng học Piano chuyên nghiệp. - Vấn đề tạo dựng cho người học thói quen làm việc độc lập, có nhận thức đúng đắn về mục đích của

	vàng, biết tự nghe và kiểm soát được bản thân, khắc phục và hạn chế việc hay quên bài, phạm lỗi khi đàn).	việc học đàn Piano nhằm xây dựng động cơ tích cực trong quá trình học tập (biết vận dụng kỹ năng chơi đàn Piano để hỗ trợ trực tiếp vào từng chuyên ngành) cần phải được quan tâm hàng đầu. - Xây dựng nội dung đào tạo phù hợp với đặc thù của từng ngành học (tăng cường yêu cầu về thị tấu, hoà tấu bốn tay với các chuyên ngành Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy; với chuyên ngành Thanh nhạc cần tăng cường yêu cầu nắm vững kỹ thuật luyện Gam để hỗ trợ cho luyện thanh và định vị âm chuẩn, tăng cường rèn luyện thị tấu đơn giản, dịch giọng một cung và nửa cung.
--	--	---

Tóm lại, một trong những điểm khác biệt cơ bản nhất giữa đào tạo Piano chuyên nghiệp và phổ thông là vấn đề rèn luyện tâm lý biểu diễn cho học sinh, đó là tạo được sự tự tin, ổn định, vững vàng; biết tự nghe và kiểm soát được bản thân, khắc phục và hạn chế việc hay quên bài, phạm lỗi khi đàn. Nếu như đối với những đối tượng học Piano không chuyên nghiệp không đặt nặng vấn đề về yêu cầu thể hiện các tác phẩm ở mức độ hoàn hảo cao thì ngược lại, với học sinh Piano chuyên nghiệp đây là vấn đề rất quan trọng cần phải được rèn luyện ngay từ giai đoạn mới bắt đầu tiếp xúc với cây đàn. Đề cập đến vấn đề này, TS Nguyễn Bích Vân trong công trình nghiên cứu *“Rèn luyện bản lĩnh biểu diễn cho học sinh, sinh viên nhạc*

cụ cổ điển phương Tây” (Luận án Tiến sĩ Nghệ thuật học, HVANQGVN, 2010) cho rằng, để có được tính ổn định trong tâm sinh lý, người dạy cần lựa chọn trong chương trình, giáo trình những bài không quá sức, đúng với trình độ của học sinh bởi vì nếu cho học sinh bài quá khó sẽ tạo cho học sinh tâm lý sợ học, sinh ra nhiều cố tật về kỹ thuật do không đủ sức để chơi hoàn chỉnh tác phẩm âm nhạc, mặt khác nếu cho bài quá dễ sẽ không phát triển được kỹ thuật, gây tâm lý chủ quan, lười học. Có được bài phù hợp với trình độ nhưng học sinh cũng cần được người thầy hướng dẫn cho phương pháp học tập khoa học, có tư duy, nghiên cứu kỹ tác phẩm trước khi luyện tập [98].

Xuất phát từ thực tế là cùng hướng đến khả năng làm chủ kiến thức chơi Piano nhưng vì mục đích đào tạo giữa Piano chuyên ngành và Piano phổ thông là khác nhau nên yêu cầu đào tạo về giáo trình, về kỹ thuật, kỹ năng, khối lượng kiến thức...cũng không giống nhau. Hơn nữa đối tượng học cũng khác nhau về bản chất, trình độ âm nhạc, độ nhận thức về thế giới quan, lứa tuổi...cho nên không thể áp dụng các tiêu chuẩn đào tạo chuyên nghiệp vào đào tạo phổ thông. Nếu như dạy Piano chuyên ngành cho lứa tuổi nhỏ nặng về truyền khẩu, truyền kiến thức kết hợp với truyền nghề, thì dạy Piano phổ thông lại đề cao tính gợi mở, tạo cho người học ý thức làm việc độc lập.

1.2. Cơ sở thực tiễn

1.2.1. Nhận thức của giảng viên và HSSV đối với môn Piano phổ thông

a/ Nhận thức của giảng viên

Mặc dù vấn đề giảng dạy môn Piano phổ thông ngày càng được các cơ sở đào tạo âm nhạc quan tâm và đầu tư hơn trước, giờ đây đối tượng được học đàn Piano không chỉ giới hạn cho các chuyên ngành Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy và Thanh nhạc như trước đây mà đã mở rộng thêm cho một số nhạc cụ phương Tây; đặc biệt trong chương trình đào tạo Cao học, tất cả mọi chuyên ngành (kể cả các chuyên ngành Nhạc cụ dân tộc và Lý luận và phương pháp dạy học âm nhạc) đều phải học 2 học phần Piano phổ thông trong năm đầu tiên. Tại một số trường đã xây

dựng giáo trình Piano cho Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy và giáo trình Piano cho Thanh nhạc, đội ngũ giảng viên hầu hết có trình độ Sau Đại học...

Tuy nhiên, xuất phát từ thực tế là đối tượng học lớn tuổi không có nhiều thuận lợi trong quá trình tiếp nhận kiến thức cũng như những yêu cầu về thể lực chưa đáp ứng được với những tiêu chuẩn dành cho người học đàn Piano, ý thức tự giác học tập chưa cao dẫn đến thái độ học tập còn mang tính đối phó, kết quả học tập chưa thực sự thuyết phục..., đã phần nào làm giảm sút sự nhiệt tình trong giảng dạy của một bộ phận giảng viên tại các cơ sở đào tạo (theo kết quả khảo sát - chúng tôi đã thực hiện tại HVANH - về tình hình giảng dạy và học tập môn Piano phổ thông hiện nay, đã có một số ý kiến từ phía người học đề xuất giảng viên nên nghiêm khắc và đầu tư công sức nhiều hơn trong quá trình giảng dạy như thường xuyên kiểm tra bài, có hình thức động viên, khen thưởng với những trường hợp học chuyên cần hoặc xử phạt kịp thời đối với những trường hợp có ý thức học tập kém nhằm nâng cao chất lượng học tập; học viên cũng đề xuất nên tổ chức các hoạt động ngoại khóa như biểu diễn báo cáo kết quả học tập, sinh hoạt nói chuyện âm nhạc theo chuyên đề...nhằm tạo hứng thú cho người học đối với môn Piano phổ thông).

Một lý do khác nữa cũng góp phần gây nên sự cản trở đối với người dạy đó là mục tiêu hướng đến của vấn đề giảng dạy môn Piano phổ thông (hỗ trợ cho nghiên cứu chuyên sâu vào từng ngành học) lại không tỉ lệ thuận với thời gian đào tạo nên cũng đã gây áp lực cho giảng viên hướng dẫn (số lượng kiến thức cần chuyển tải là lớn mà thời gian học đàn Piano của SVHS lại không nhiều). Tất cả những lý do trên đã dẫn đến tình trạng giảng viên ít có hứng thú trong công việc giảng dạy. Vẫn còn tồn tại tâm lý coi trọng dạy Piano chuyên ngành và xem nhẹ vấn đề giảng dạy Piano phổ thông trong một bộ phận không nhỏ giảng viên dạy đàn Piano.

b/ Nhận thức của HSSV

Nếu như đối tượng học Piano chuyên ngành có nhiều thuận lợi trong quá trình học tập (được tiếp xúc với đàn Piano sớm, tiêu chí tuyển vào đáp ứng được các

điều kiện cần phải có đối với người học đàn Piano chuyên nghiệp) thì với đối tượng học Piano không chuyên, sự khác nhau về lứa tuổi, mặt bằng trình độ âm nhạc không đồng nhất, điều kiện thể lực đáp ứng cho việc học đàn Piano không được tính đến khi tuyển vào...đã tạo thành những “rào cản” trong vấn đề hình thành ý thức và thái độ học tập môn Piano một cách tích cực từ phía người học.

Để tìm hiểu kỹ hơn về vấn đề này, chúng tôi đã thực hiện một Anket điều tra đối với CBGV và SVHS tại HVANH về những nội dung có liên quan trực tiếp đến vấn đề giảng dạy và học tập môn Piano phổ thông (những nguyên nhân gây ảnh hưởng đến chất lượng cũng như tinh thần, thái độ học tập môn Piano phổ thông hiện nay và những đề xuất nhằm góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập môn Piano phổ thông...), xem Phụ lục 5 - *Phiếu trưng cầu ý kiến CBGV và SVHS*. Ý kiến phản hồi của người học về vấn đề trên khá đa dạng, đề cập đến thực tế tình hình học tập môn Piano phổ thông hiện nay mà chúng tôi cho rằng không thể xem nhẹ:

- Đánh giá về vai trò quan trọng của môn đàn Piano đối với các chuyên ngành được học, mặc dù có tới 94,28% ý kiến của SVHS thống nhất cho rằng môn đàn Piano là rất quan trọng và cần thiết, giúp cho việc nghiên cứu chuyên ngành nhưng lại có 36,36% ý kiến cho rằng Piano chưa gắn kết được với ngành học.

- Về nội dung ý thức, thái độ học tập của SVHS đối với môn Piano phổ thông hiện nay: 45,45% ý kiến thừa nhận thái độ học tập của học viên còn mang tính thụ động và đối phó, 36,36% đánh giá người học có thái độ ý thức tích cực, chủ động tự giác trong học tập và 9,09% cho rằng thái độ học tập môn Piano phổ thông là bình thường, không có biểu hiện rõ rệt.

Vấn đề đặt ra ở đây là tại sao đa số người học nhận thức được môn Piano là quan trọng và cần thiết nhưng thái độ học tập còn mang tính thụ động và đối phó? Hiện nay tại các cơ sở đào tạo âm nhạc vẫn còn phổ biến tình trạng học viên thường xuyên vắng mặt trong giờ lên lớp đàn Piano (đặc biệt là giai đoạn bắt đầu kỳ học), học viên chỉ đến lớp đều khoảng vài tuần cuối trước khi thi. Chúng tôi cho rằng, vấn

đề này là do nhiều yếu tố tác động nhưng trước tiên, một trong những lý do chính đó là chúng ta chưa thiết kế được chương trình giảng dạy phù hợp với đặc thù của từng nhóm chuyên ngành nhằm tạo nên sự gắn kết giữa Piano với ngành học để từ đó người học có được nhận thức đúng đắn và xây dựng được mục tiêu, động lực học tập có hiệu quả.

Khảo sát số liệu về kết quả học tập môn Piano phổ thông năm học 2014 – 2015 tại 3 cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp lớn trên cả nước, chúng tôi nhận thấy con số HSSV không tham gia các kỳ thi kết thúc học phần môn Piano chiếm tỷ lệ khá cao so với tỷ lệ dự thi đạt kết quả (22,72% tại NVTPHCM, 47,69% tại HVANH và 53,69% tại HVANQGVN), điều này chính là nguyên nhân của tình trạng phần lớn học viên sau một khoảng thời gian ba bốn năm học đàn nhưng vẫn chưa có đủ kỹ năng Piano để hỗ trợ cho nghiên cứu chuyên sâu vào ngành học của mình.

1.2.2. Th c tế việc dạy và học môn Piano phổ thông tại Việt Nam

a/ Khái quát chung về môn Piano phổ thông tại các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp Việt Nam

Ngay từ giai đoạn đầu mới thành lập của trường Âm nhạc Việt Nam - năm 1956 (nay là Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam) và trường Âm nhạc Thành phố Hồ Chí Minh – năm 1975 (nay là Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh), môn Piano phổ thông đã được đưa vào nội dung chương trình giảng dạy, trước tiên chỉ áp dụng cho các đối tượng học các chuyên ngành Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy. Cùng với thời gian, điều kiện giảng dạy ngày càng được đầu tư và chú trọng, đội ngũ giảng viên được tăng cường cả về số lượng và chất lượng (được đào tạo cơ bản và chính quy trong nước cũng như ở nước ngoài); việc giảng dạy đã được chuyên môn hóa cho từng ngành học, mở rộng đối tượng học cho một số chuyên ngành khác ở các bậc sơ, trung, đại học và cao học.

Tại Học viện Âm nhạc Huế, vấn đề giảng dạy môn Piano phổ thông dù đã có một số thay đổi theo chiều hướng tích cực (nâng cao nội dung giảng dạy, bổ sung

giáo trình mới, bổ sung đội ngũ giảng viên Piano có trình độ sau Đại học...) nhưng nhìn chung vẫn chưa thu được kết quả khả quan; các giảng viên khoa Piano vẫn vừa phải dạy Piano chuyên ngành, đồng thời kết hợp cả dạy Piano phổ thông. Sự không chuyên môn hóa trong giảng dạy cùng với việc phải đảm đương một khối lượng giờ dạy khá lớn cho nhiều loại đối tượng học đã phần nào làm ảnh hưởng đến hiệu quả giờ lên lớp.

Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam	Học viện Âm nhạc Huế	Nhạc viện thành phố Hồ Chí Minh
- Piano phổ thông được đưa vào giảng dạy từ năm 1956 đối với các ngành Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy bậc TC. - Về sau mở rộng phạm vi giảng dạy, áp dụng cho các chuyên ngành LL-ST-CH bậc TC và ĐH, Gõ giao hưởng, Gõ nhạc nhẹ, Accordeon và Thanh nhạc ở bậc ĐH, áp dụng cho tất cả mọi chuyên ngành ở bậc Cao học. - Tổ Piano phổ thông là	- Piano phổ thông được đưa vào giảng dạy từ năm 1976 (sau khi chính quyền Cách mạng tiếp quản trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Sài Gòn), áp dụng cho các ngành LL-ST-CH bậc TC. - Giai đoạn hai áp dụng cho các chuyên ngành Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy và Thanh nhạc ở cả 2 bậc TC và ĐH. - Tổ Piano phổ thông là một bộ phận của	- Tổ Piano phổ thông được thành lập vào tháng 3/1976 (sau khi chính quyền Cách mạng tiếp quản trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Sài Gòn), giai đoạn đầu trực thuộc khoa LL-ST-CH (do đối tượng học là những học sinh của các chuyên ngành này), về sau trực thuộc khoa Piano. - Môn Piano phổ thông được đưa vào chương trình giảng dạy đối với các chuyên ngành Thanh nhạc, Âm nhạc học, Sáng tác, Chỉ huy ở cả 2 bậc trung cấp và đại học; ở bậc Cao học áp dụng cho tất cả mọi chuyên ngành. - Bắt đầu từ niên khóa 2006-2007, bộ môn Piano phổ thông

một bộ phận của khoa Piano.	khoa Piano - Accordeon - Organ.	được tách ra thành một bộ môn độc lập trực thuộc Ban Giám đốc; từ ngày 1/7/2014 bộ môn Piano phổ thông thuộc khoa Kiến thức cơ bản.
-----------------------------	------------------------------------	---

b/ Thuận lợi và khó khăn

Mặc dù nhận thức được vai trò quan trọng của Piano trong hỗ trợ cho nghiên cứu chuyên sâu các chuyên ngành nên các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp lớn của cả nước đã thống nhất đưa môn Piano phổ thông vào nội dung giảng dạy ngay từ giai đoạn đầu mới thành lập và đã thu được những kết quả nhất định nhưng nhìn chung vấn đề giảng dạy bên cạnh một số thuận lợi vẫn còn những khó khăn nhất định.

** Thuận lợi:*

- Do nhận thức được ý nghĩa quan trọng của đàn Piano nên tại các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp đã có sự mở rộng về các chuyên ngành được học.

- Do đã trưởng thành trong nhận thức, có một mặt bằng nhất định về kiến thức cơ bản nên đối tượng học lớn tuổi bắt tay vào học tập với các mục tiêu và động cơ mạnh mẽ hơn.

- Phần lớn người học đã có định hướng đúng đắn về nghề nghiệp trong tương lai nên đã có thái độ tích cực trong học tập, ngoài ra việc sở hữu một cây đàn Piano trong thời điểm hiện nay cũng không quá khó khăn do đó người học có cơ hội được thực hành tập luyện nhiều hơn.

- Đối với các chuyên ngành Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy người học đã có kiến thức âm nhạc nền tảng và trình độ Piano cơ bản (tại HVANQGVN, phần lớn sinh viên ĐH các chuyên ngành này đã có trình độ Piano TC), một số có khả năng chơi một loại nhạc cụ nào đó; tất cả những điều này đã tạo nên những thuận lợi trong nhận thức khi tiếp xúc với Piano.

- Với chuyên ngành Thanh nhạc, sự kết hợp cùng làm việc giữa giảng viên đệm Piano với giảng viên hướng dẫn đã tạo được hiệu quả cao trong các giờ lên lớp đồng thời tạo được ý thức, động cơ học tập tích cực môn Piano từ phía người học.

- Ở các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp như HVANQGVN và NVTPHCM trong cơ cấu tổ chức của đội ngũ cán bộ giảng dạy Piano có phân định bộ phận dạy Piano chuyên ngành và bộ phận dạy Piano phổ thông (dành cho các chuyên ngành ngoài Piano). Việc phân định rõ trách nhiệm như vậy thể hiện được tính chuyên nghiệp trong đào tạo.

** Khó khăn:*

Về mặt khách quan: Độ tuổi để bắt đầu học đàn là không phù hợp dẫn đến những hạn chế trong khả năng tiếp thu nhanh nhạy về rèn luyện các vấn đề kỹ thuật. Học Piano ở độ tuổi lớn sẽ gặp nhiều khó khăn do các điều kiện cơ thể không đáp ứng được với yêu cầu của kỹ năng chơi Piano (thông thường để học chơi một nhạc cụ nào đó có kết quả tốt thì người học phải được tiếp xúc với cây đàn từ rất sớm).

Điều kiện hỗ trợ cho chuyên ngành là không có do sự không đồng nhất về mặt bằng trình độ (phần lớn đối tượng tuyển vào cả ở bậc TC và ĐH chuyên ngành Thanh nhạc là chưa biết gì về kỹ thuật tay đàn Piano, đặc biệt yếu tố vùng miền cũng góp phần tạo ra sự chênh lệch về trình độ nhận thức cũng như kỹ năng Piano ban đầu). Môn Piano không phải là môn điều kiện khi tuyển vào (khác với quy trình đào tạo của các nhạc viện nước ngoài).

Nếu như tại HVANQGVN và NVTPHCM, Piano được xem là điểm điều kiện, là quy định bắt buộc khi tuyển đầu vào các ngành Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy ngay từ cấp học đầu tiên thì tại HVANH, do nhiều yếu tố khách quan tác động... nên yêu cầu về kỹ năng Piano đối với các thí sinh được tuyển vào các ngành Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy ở cả bậc TC và ĐH hầu như chỉ là hình thức, chưa xây dựng những tiêu chí cụ thể về trình độ và thể loại tác phẩm dự thi dẫn đến sự không đồng nhất về mặt bằng trình độ tay đàn Piano khi tuyển vào.

Thực tế vấn đề giảng dạy và học tập môn Piano phổ thông tại HVANH chưa có sự đầu tư đúng mức. Mặc dù trong cơ cấu tổ chức của khoa Piano có bộ môn Piano phổ thông nhưng trên thực tế tất cả các giảng viên vẫn phải kiêm nhiệm dạy cả Piano chuyên ngành chính và Piano chuyên ngành phụ do đội ngũ cán bộ giảng dạy còn mỏng. Theo số liệu do phòng Tổ chức cán bộ cung cấp, tính đến tháng 2/2015 khoa Piano - HVANH có 9 giảng viên cơ hữu, 4 giảng viên thỉnh giảng nhưng phải làm việc với trên 200 HSSV và học viên các lớp TC, ĐH và Cao học. Với một khối lượng giờ dạy khá lớn như vậy thì hiệu quả giờ lên lớp không như kết quả mong muốn không phải là điều đáng ngạc nhiên.

Về mặt chủ quan: Vấn đề giảng dạy môn Piano phổ thông tại các trung tâm đào tạo âm nhạc lớn của cả nước còn chưa mang tính đồng bộ: chưa có sự thống nhất trong quy chế đào tạo về bậc học, thời gian học và đối tượng học; các tiêu chí trong vấn đề xây dựng chương trình, giáo trình, chuẩn đầu ra, trình độ bắt buộc cho từng năm học không được qui định rõ ràng và chặt chẽ.

Mỗi một cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp sử dụng một giáo trình giảng dạy riêng được biên soạn dựa trên giáo trình Piano chuyên ngành, có sự điều chỉnh gia giảm về nội dung để phù hợp với trình độ và khả năng của người học tại mỗi nơi. Tuy nhiên, vấn đề hỗ trợ của Piano đối với từng chuyên ngành chưa được xây dựng chi tiết và cụ thể trong giáo trình Piano phổ thông.

c/ Quy định về thời gian đào tạo và chuyên ngành được đào tạo

Cơ sở đào tạo	Ngành học	Bậc học	Thời gian học
Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam	Gõ Giao hưởng	Sơ cấp	6 năm
	Gõ Giao hưởng, Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy	Trung cấp	3 năm
	Thanh nhạc, Accordeon,	Đại học	3 năm

	Gõ nhạc nhẹ, Gõ Giao hưởng, Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy		
Học viện Âm nhạc Huế	Gõ Giao hưởng, Thanh nhạc, Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy	Trung cấp	3 năm
	Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy	Đại học	3,5 năm
	Thanh nhạc		3 năm
Nhạc viện thành phố Hồ Chí Minh	Thanh nhạc	Trung cấp	2 năm
		Đại học	
	Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy	Trung cấp	3 năm
		Đại học	

Như vậy, tại cả 3 cơ sở đào tạo quy định về các chuyên ngành được học Piano phổ thông và thời gian học là không hoàn toàn như nhau. Ngoài ra, với thời lượng 1 tiết/tuần, thời gian học Piano cũng không được xuyên suốt trong tất cả các năm từ TC lên ĐH nên Piano chưa phát huy được vai trò hỗ trợ cho nghiên cứu chuyên sâu ngành học và chưa đảm bảo tính kế thừa kiến thức.

d/ Giáo trình giảng dạy

** Giới thiệu sơ lược về những giáo trình và tài liệu tham khảo nước ngoài đã và đang được sử dụng:*

Chương trình, giáo trình là một trong những phương tiện cần thiết hàng đầu trong công tác giảng dạy đối với mỗi cơ sở đào tạo, đây là điều kiện hết sức quan trọng nhằm giúp cho hoạt động đào tạo được thực hiện theo đúng quy trình và đảm bảo tính khoa học. Chương trình dạy học, theo định nghĩa của giáo trình *Lý luận dạy học Đại học* (Đặng Vũ Hoạt, nhà xuất bản Đại học sư phạm, 2004), “là văn kiện do Nhà nước ban bố, trong đó quy định một cách cụ thể: vị trí, yêu cầu của bộ

môn, hệ thống nội dung bộ môn, số học phần dành cho bộ môn nói chung cũng như số tiết cho từng phần...”[5]

Hiện nay thời gian đào tạo cũng như nội dung chương trình đào tạo môn Piano phổ thông ở các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp là chưa đồng nhất, giáo trình, tài liệu phục vụ cho giảng dạy cũng khác nhau. Trước đây giáo trình Pháp được sử dụng khá phổ biến tại HVANH và NVTPHCM: giáo trình *Méthode Rose - Ernest Van de Velde* được sử dụng trong giai đoạn đầu (năm thứ nhất của bậc TC), trong các năm tiếp theo tùy vào trình độ mà người học sẽ được chuyển qua sớm hay muộn giáo trình *Classique Favoris 1&2*, kết hợp với những bài tập luyện ngón trong sách *Le Délicieux, CL.Hanon, Etudes Czerny op.599, op.636...* Về sau, giáo trình sư phạm của Nga dành cho bậc sơ cấp trong trường Âm nhạc được sử dụng rộng rãi hơn (trong giai đoạn đầu) vì có sự tổng hợp nhiều thể loại, phong cách và trường phái khác nhau.

Khách quan mà nói, giáo trình Pháp có những ưu điểm nhất định. Với giáo trình *Méthode Rose - Ernest Van de Velde* người học sẽ được làm quen với đàn Piano qua các bài tập đơn giản. Đây là giáo trình thích hợp cho trình độ vỡ lòng với những hướng dẫn về tư thế ngồi, thế tay có kèm theo hình ảnh minh họa cụ thể rõ ràng, kết hợp với những bài tập nhỏ để học sinh có những khái niệm cơ bản về cách đàn. Đó là các bài kỹ thuật đơn giản (Exercises - Études) có nhan đề với giai điệu giản dị, mộc mạc, dễ nghe, dễ nhớ (*Bài hát ru – Berceuse; Dưới ánh trăng – Au clair de la lune; Khúc ca ban chiều – Chant du soir....*). Các tiểu phẩm này đều có sự minh họa gắn với nhan đề của bài, giúp cho người đàn phần nào hiểu được nội dung được thể hiện trong mỗi bài.

Tuy nhiên do tính chất của các bài tập trong giáo trình là khá đơn giản, không đáp ứng được những yêu cầu cao về mặt kỹ thuật cũng như cách xử lý tiếng đàn: trường độ các nốt trong các bài tập phần lớn chỉ là nốt trắng, nốt đen, móc đơn; tiết tấu đơn giản, không phức tạp, yêu cầu về xử lý tốc độ thường là chậm; các bài tập chủ yếu đóng khung trong một thể tay, phần lớn các bài không có những chỉ dẫn

về sắc thái và thường chỉ có từ 1 – 2 dấu hoá ngoài hoá biểu... Vì vậy, giáo trình *Méthode Rose - Ernest Van de Velde* chỉ thích hợp với giai đoạn học sơ khai, vỡ lòng, hoặc sử dụng như là tài liệu rèn luyện kỹ năng tự học đàn Piano. Hiện tại giáo trình này hầu như không còn được sử dụng rộng rãi nữa (tuy nhiên do tình trạng còn thiếu về giáo trình, cộng với mặt bằng trình độ đầu vào bậc TC tại HVANH không đồng nhất, một số học sinh được tuyển vào chưa có kỹ năng về Piano nên trong những trường hợp nhất định, giảng viên vẫn sử dụng giáo trình này để giảng dạy).

Ví dụ 6: Ernest Van de Velde, *Chant du soir*, nhịp 1 đến 11

KHÚC CA BAN CHIỀU
Chant du soir

Len et très sentimental Chậm và tình

The musical score is written for piano in G major (one sharp) and common time. It is divided into three systems. The first system contains 5 measures, the second system contains 6 measures, and the third system contains 9 measures. The tempo and mood are indicated as 'Len et très sentimental' (Slow and very sentimental) and 'Chậm và tình' (Slow and sentimental). The melody is primarily in the right hand, while the left hand provides a simple harmonic accompaniment.

Từ giáo trình *Méthode Rose* chuyển qua *Classique Favoris* lại là một khoảng cách khá xa đối với người học, gây nên những khó khăn nhất định. Giáo trình *Classique Favoris* tập trung chủ yếu giới thiệu các tác phẩm của các nhạc sĩ trường phái Cổ điển và Lãng mạn; phần âm nhạc Phức điệu cũng như các bài luyện kỹ thuật Etude và các tác phẩm âm nhạc đương đại là chưa được xây dựng vào giáo trình một cách có hệ thống. Do đó trong quá trình giảng dạy, giảng viên phải sử dụng thêm các nguồn tài liệu bổ trợ khác như những bài luyện ngón trong sách *Le*

Délicateur, CL.Hanon, các bài tập kỹ thuật Etude Czerny Op.599, Op.636, Op.849, các bài Phức điệu nhỏ Menuet, Prélude, các bản Invention à 2 voix, 3 voix – J.S.Bach...

Việc bổ sung tài liệu bên ngoài vào chương trình giảng dạy hoàn toàn tùy thuộc vào nhận định chủ quan của người dạy nên phần nào chưa đảm bảo các tiêu chí khoa học mà một giáo trình giảng dạy cần phải có.

Giáo trình sư phạm của Nga do A. Nicolaeva chủ biên được biên soạn cho đối tượng học Piano chuyên nghiệp tại các trường âm nhạc của Nga trong những năm đầu được dùng khá phổ biến trong giảng dạy Piano phổ thông hiện nay vì đã tạo được hiệu quả nhanh cho người học. Đây là một công trình được nghiên cứu, sắp xếp khoa học và hợp lý, giúp cho người học nắm vững được những kỹ năng cơ bản đầu tiên của nghệ thuật chơi đàn Piano, phát triển nhanh khả năng thể hiện. Các tác giả đã khéo léo kết hợp nhiều thể loại âm nhạc phong phú, sử dụng nhiều loại hình tiết tấu đa dạng, chọn lọc ngôn ngữ âm nhạc dễ nghe (các bài dân ca, dân vũ, các bài hát quen thuộc). Đây cũng là một hướng cần tham khảo để xây dựng giáo trình Piano phổ thông của các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp Việt Nam sau này.

Một giáo trình khác được sử dụng rộng rãi tại HVANQGVN là tập “*Giáo trình giảng dạy sư phạm cho lớp 3 và 4*” của Nga. Giáo trình này thường được áp dụng cho những năm đầu tiên của các khoa Thanh nhạc trình độ ĐH hoặc thậm chí Cao học, ngoài ra có thể áp dụng cho các sinh viên lớn tuổi khoa Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy còn chưa nắm vững kỹ thuật chơi Piano.

Giáo trình Nga bao gồm các thể loại từ các bài luyện kỹ thuật Etude, Phức điệu cho đến các thể loại Tự do và Tác phẩm như các bản Valse, Polonaise, Sonatine, Variation, Rondo... Ngoài ra, nhằm nâng cao kỹ năng hòa tấu thính phòng, một số bài hòa tấu 4 tay đơn giản cũng đã được giới thiệu ở phần cuối giáo trình. Các tác giả đã đưa vào giáo trình các tác phẩm âm nhạc không chỉ của các nhạc sĩ Nga mà còn của các tác giả thế kỷ XX, giúp cho người học bước đầu làm

quen với ngôn ngữ âm nhạc đương đại: đó là sự xuất hiện nhiều dấu hóa bất thường, sự thay đổi nhiều và đột ngột về sắc thái. Tiết tấu phức tạp hơn với nhiều quãng nghịch trong giai điệu tạo nên sự thay đổi màu sắc hòa thanh khác với âm nhạc Cổ điển mà học sinh vốn đã quen thuộc.

Ví dụ 7: B. Bartok, *Bagatelle số 6*, nhịp 1 đến 11.

Bagatelle No. 6
from Op. 6

Béla Bartók

Lento ♩ = 69

Ngoài việc giúp cho người học nắm vững các kỹ thuật cơ bản về cách chơi đàn, mục tiêu hướng tới của giáo trình là giáo dục cho học sinh lòng say mê âm nhạc. Việc đưa vào giáo trình Nga các tác phẩm mang đậm tính chất âm nhạc của nền dân ca dân vũ các dân tộc trên thế giới đã góp phần hướng việc giáo dục thẩm mỹ âm nhạc gắn với tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào về nghệ thuật âm nhạc của dân tộc mình cũng như sự thấm thấu những tinh hoa âm nhạc thế giới.

* *Đánh giá về các giáo trình Piano phổ thông của 3 cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp Việt Nam :*

Mặc dù cùng hướng đến mục tiêu trang bị kỹ thuật Piano cơ bản, làm phương tiện giúp các đối tượng học nghiên cứu chuyên sâu vào ngành học của mình nhưng trong cấu trúc của giáo trình Piano phổ thông tại mỗi cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp lại không hoàn toàn giống nhau (xem Phụ lục 2 - *Giáo trình Piano phổ thông tại Nhạc viện thành phố Hồ Chí Minh* và Phụ lục 3 - *Giáo trình Piano phổ*

thông tại Học viện âm nhạc Quốc gia Việt Nam), chưa có sự thống nhất trong quy định về thời gian học, thể loại bài thi, nội dung giảng dạy, trình độ tốt nghiệp:

Cơ sở đào tạo	Ngành học	Thời gian học	Kiểm tra đánh giá	Thể loại bài thi	Trình độ tốt nghiệp
Nhạc viện thành phố Hồ Chí Minh	Trung cấp Thanh nhạc	2 năm	2 kỳ thi / năm	1 tiểu phẩm hoặc 1 Etude hoặc 1 chương Sonatine	Tương đương TC Piano năm 2-3 (hệ 9 năm)
	Đại học Thanh nhạc	2 năm	2 kỳ thi / năm	1 Tiểu phẩm hoặc 1 chương Allegro Sonatine	Tương đương TC Piano năm 4-5 (hệ 9 năm)
	Trung cấp Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy	3 năm	2 kỳ thi / năm	HK1: - 1 Phức điệu - 1 Tiểu phẩm	Tương đương TC Piano năm 4 - 5 (hệ 9 năm)
				HK2: - 1 Etude - 1 chương Allegro Sonatine	
	Đại học Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy	3 năm	2 kỳ thi / năm	HK1: - 1 Phức điệu - 1 Tiểu phẩm	Tương đương TC Piano năm 6 - 7 (hệ 9 năm)
				HK2: - 1 Etude - 1 chương Allegro Sonate	

Học viện Âm nhạc Huế	Trung cấp Thanh nhạc	3 năm	2 kỳ thi / năm	<i>Thi cuối kỳ:</i> - 1 bài kỹ thuật - 1 Tiểu phẩm	Tương đương TC Piano năm 2 - 3 (hệ 9 năm)
				<i>Thi tốt nghiệp:</i> - 1 Phức điệu hoặc 1 Tiểu phẩm - 1 Rondo hoặc 1 chương Sonatine	
	Đại học Thanh nhạc	3 năm	2 kỳ thi / năm	<i>Thi cuối kỳ:</i> - 1 Etude hoặc 1 Phức điệu - 1 Tác phẩm hoặc 1 thể loại khác	Tương đương TC Piano năm 4 - 5 (hệ 9 năm)
				<i>Thi tốt nghiệp:</i> - 1 phức điệu - 1 tác phẩm	
	Trung cấp Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy	3,5 năm	2 kỳ thi / năm	<i>Thi cuối kỳ:</i> - 1 bài kỹ thuật - 1 phức điệu hoặc 1 tiểu phẩm	Tương đương TC Piano năm 2 - 3 (hệ 9 năm)
				<i>Thi tốt nghiệp:</i> - 1 phức điệu 2 hoặc 3 bè - 1 tiểu phẩm - 1 Rondo hoặc 1 chương Sonate	
	Đại học Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy	3,5 năm	2 kỳ thi / năm	<i>Thi cuối kỳ:</i> - 1 bài kỹ thuật - 1 phức điệu hoặc 1 tiểu phẩm - 1 chương Sonate	Tương đương TC Piano năm 4 - 5 (hệ 9 năm)

Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam	Đại học Thanh nhạc	3 năm	2 kỳ kiểm tra / năm	- Gam - 1 Etude hoặc 1 Tiểu phẩm	Tương đương TC Piano năm 4 - 5 (hệ 9 năm)
			2 kỳ thi / năm	3 tác phẩm ở các thể loại khác nhau	
	Trung cấp Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy	3 năm	2 kỳ kiểm tra / năm	- 1 Etude - 1 Tiểu phẩm	Tương đương TC Piano năm 4 - 5 (hệ 9 năm)
			2 kỳ thi / năm	- 1 Etude - 1 Tiểu phẩm - 1 chương Sonate	
	Đại học Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy	3 năm	2 kỳ kiểm tra / năm	- 1 Etude - 1 Tiểu phẩm	Tương đương TC Piano năm 8 - 9 (hệ 9 năm)
			2 kỳ thi / năm	- 1 Etude - 1 Tiểu phẩm - 1 chương Sonate	

So sánh cả 3 giáo trình trên, có thể nhận thấy những ưu điểm và hạn chế của mỗi giáo trình biểu hiện qua các mặt sau:

Giáo trình Piano phổ thông tại NVTPHCM nhìn chung về mặt cấu tạo chương trình là có quy củ, cách bố trí các bài giống như các giáo trình của Nga. Giáo trình đã có một số điểm bổ sung để thích ứng với điều kiện của HSSV Nhạc viện:

- Đối với chuyên ngành Thanh nhạc, giảm bớt yêu cầu về kỹ thuật (không học Phức điệu) nhưng lại có bổ sung phần Hòa tấu với các tác phẩm hòa tấu 4 tay đơn giản, dễ nghe và các tác phẩm Piano của các nhạc sĩ Việt Nam.

- Đối với các chuyên ngành Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy do đặc thù về ngành học nên yêu cầu về trình độ Piano trong giáo trình được xây dựng ở mức cao hơn.

- So sánh chương trình thi giữa hai nhóm bộ môn thì hợp lý về số lượng bài thi và mức độ khó.

- Giáo trình có số lượng bài vở phong phú, thuận tiện cho HSSV lựa chọn.

- *Piano phổ thông* là môn học bắt buộc từ trình độ TC.

Tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế:

- Vẫn nặng về “lý thuyết”, chưa mang tính thực tế vì chưa trang bị những kỹ năng đặc thù cho các chuyên ngành khác nhau.

- Trình độ bài vở cần được nâng cao hơn nữa để dần dần không có khoảng cách quá xa giữa trình độ chuyên ngành chính và Piano phổ thông.

- Chưa có kiểm tra giữa kỳ.

Giáo trình Piano phổ thông tại HVANH có những ưu điểm sau:

- Thời gian học tập nhiều hơn cả ở trình độ TC và ĐH (từ 3 đến 3,5 năm); bổ sung các bài phức điệu vào giảng dạy đối với Thanh nhạc bậc ĐH.

- Thể loại bài dự thi được quy định rõ ràng với yêu cầu khác nhau về thể loại trong chương trình thi; có quy định về chương trình thi tốt nghiệp với số lượng 3 bài ở các thể loại khác nhau ở cả trình độ TC và ĐH.

Các mặt hạn chế:

- Chưa có kiểm tra giữa kỳ.

- Chưa chú trọng đến việc trang bị kỹ năng luyện ngón thông qua học Gam vì vậy người học gặp khó khăn khi cần sử dụng Piano để luyện thanh và dịch giọng các tác phẩm thanh nhạc.

- Chưa có yêu cầu về các kỹ năng thực hành vì vậy các HSSV khi tốt nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu chuyên môn, mục đích và tiêu chí của bộ môn (không thể đàn được phần đệm Piano ở các tác phẩm đơn giản, không đàn được các mẫu luyện thanh phức tạp...)

- Giáo trình mới chỉ ở hình thức liệt kê danh sách, chưa được in ấn phát hành chính thức.

- Trình độ chênh lệch giữa Piano phổ thông và chuyên ngành còn quá xa; các đối tượng học Thanh nhạc bậc ĐH (chưa biết sử dụng pedal, kỹ thuật tay đàn không đủ để thể hiện các tác phẩm Phức điệu từ 2 bè trở lên...).

Giáo trình Piano phổ thông tại HVANQGVN có những thế mạnh sau:

- Có những điểm khác biệt (nếu so sánh với giáo trình của NVTPHCM), đó là không giảm bớt phần kỹ thuật, bao gồm các phần: Bài kỹ thuật, bài Phức điệu, Sonatine hoặc Biến tấu, bài Tiểu phẩm...

- Bổ sung phần đệm hát (những tác phẩm Thanh nhạc có phần đệm Piano) nhằm trang bị kỹ năng đệm.

- Tăng cường kiểm tra giữa học kỳ (Gam là một trong hai bài kiểm tra bắt buộc giữa kỳ của Thanh nhạc); tăng cường số lượng bài thi lên 3 bài; có thể loại tác phẩm bắt buộc khi thi tốt nghiệp ĐH môn Piano phổ thông (1 chương Sonate).

Các mặt hạn chế:

- Giáo trình chưa in thành sách gây nhiều bất tiện cho HSSV khi tìm bài và do đó dễ dẫn đến tình trạng giảng viên giao bài không đồng đều về trình độ trong cùng một lớp.

- Piano phổ thông mới chỉ áp dụng giảng dạy cho Thanh nhạc ở bậc ĐH (không giảng dạy ở bậc TC) nên kỹ năng Piano được trang bị trong quá trình học hầu như chưa đủ để hỗ trợ cho luyện tập chuyên ngành; số lượng các tác phẩm giới thiệu chưa phong phú để lựa chọn.

- Về mặt hướng tới thực hành: Mặc dù có những cải tiến tăng cường học thêm một số thể loại như học Gam, học nhiều Etude, thêm phần bài đệm hát...nhưng môn học Piano phổ thông vẫn chưa phát huy được hiệu quả trong hỗ trợ chuyên ngành, nhất là giáo trình dành cho Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy hầu như không có bước đột phá mới.

Qua các phân tích trên, chúng ta có thể nhận thấy một số điểm khác biệt ảnh hưởng đến kết quả giảng dạy Piano phổ thông giữa các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp tại Việt Nam và nước ngoài:

Mặc dù đã có những điều chỉnh bước đầu để phù hợp với đặc thù của ngành học nhưng nhìn chung giáo trình Piano phổ thông trên cả nước được biên soạn trên cơ sở đơn giản hóa giáo trình Piano chuyên nghiệp mà chưa có sự đột phá, đầu tư nghiên cứu sâu; chưa tạo được sự khác biệt về tác dụng và ý nghĩa của vấn đề trang bị kỹ năng Piano nếu so sánh với giáo trình Piano chuyên ngành.

Vẫn còn tình trạng “cung không đủ cầu”, số lượng giảng viên Piano trong các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp Việt Nam phần lớn chưa đáp ứng đủ cho nhu cầu học tập của mọi đối tượng cũng như cho việc hỗ trợ các hoạt động đào tạo khác.

HSSV ở một số chuyên ngành tại các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp tại Việt Nam được học đàn Piano trong một khoảng thời gian khá dài (6 - 7 năm) từ TC lên ĐH nhưng nhìn chung kết quả thu được chưa thật sự khả quan. Người học phần lớn chưa ứng dụng trình độ tay đàn Piano của mình vào công việc thực tế.

Tại các Nhạc viện nước ngoài, số lượng giảng viên Piano luôn chiếm ưu thế nếu so sánh với giảng viên các chuyên ngành khác do nhu cầu đào tạo kỹ năng Piano cho các chuyên ngành là rất lớn: Piano là môn học bắt buộc, áp dụng từ cấp

học thấp nhất của bất kỳ một chuyên ngành nào và được xem như là chuyên ngành thứ hai với những quy định chặt chẽ cả về số lượng và thể loại bài học.

Riêng đối với bậc ĐH các chuyên ngành Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy tại các Nhạc viện nước ngoài, do tính chất đặc thù của ngành học nên nhất thiết đối tượng khi tuyển vào phải có trình độ ĐH Piano bởi vì có kỹ năng Piano tốt sẽ là điều kiện hết sức thuận lợi giúp người học không ngừng hoàn thiện kiến thức trong quá trình nghiên cứu và học tập. Ở Việt Nam thì ngược lại, số lượng sinh viên đầu vào các chuyên ngành Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy đã tốt nghiệp trung cấp Piano là rất hiếm hoi, đa số được tuyển thẳng bỏ qua điều kiện cần thiết là phải có một trình độ Piano nhất định...

So sánh giữa đào tạo Thanh nhạc tại các Nhạc viện nước ngoài với đào tạo Thanh nhạc trong nước chúng ta có thể thấy được sự khác biệt rõ rệt trong vấn đề trang bị kỹ năng thực hành Piano cho người học Thanh nhạc:

Đào tạo Thanh nhạc ở nước ngoài	Đào tạo Thanh nhạc trong nước
- Học viên có những giờ được làm việc riêng với người đệm đàn (đề cao khả năng làm việc độc lập, thúc đẩy khả năng sáng tạo của học viên). - Có giờ hòa tấu (đệm hát) và chương trình Piano Concert cuối kỳ cho học viên Thanh nhạc (chú trọng việc trang bị kỹ năng Piano). - Giảng viên giảng dạy Piano phổ thông là những giáo sư, nghệ sĩ công huân có uy tín nghề nghiệp và khả năng sư phạm cao.	- Học viên thường chỉ được làm việc với người đệm đàn trong khoảng thời gian ngắn trước khi thi cuối kỳ. - Không có giờ hòa tấu và chương trình Concert dành riêng cho Piano phổ thông. - Vấn đề giảng dạy Piano phổ thông còn bị xem nhẹ, có sự phân biệt khi so sánh với dạy Piano chuyên nghiệp.

- Giáo trình được thiết kế phù hợp cho từng loại đối tượng học (coi trọng vấn đề trang bị kỹ năng Piano phổ thông, tạo điều kiện thuận lợi cho người học). - Giảng viên Thanh nhạc trong giờ lên lớp có thể trực tiếp đệm đàn những bài tập luyện thanh (vocalise) và các tác phẩm không quá phức tạp cho học viên, giảng viên có thể phân tích được tính chất âm nhạc thông qua giai điệu và hình tượng âm nhạc của phần đệm Piano (thể hiện tính chuyên nghiệp cao).	- Có nơi còn chưa có giảng viên chuyên trách và chưa có giáo trình riêng phù hợp với đặc thù ngành học. - Phần lớn giảng viên Thanh nhạc không có đủ kỹ năng Piano để hỗ trợ trong quá trình lên lớp: Không thể đàn luyện thanh các dạng bài tập phức tạp có yêu cầu về kỹ thuật cao như passage, arpeggio dài do phần đệm Piano khó xử lý, không thể đệm hát theo đúng tông phổ (thậm chí có trường hợp vẫn còn không thành thạo trong sử dụng khóa Fa); không thể góp ý đối với việc thể hiện bè Piano của người đệm đàn khi phần đệm chưa đạt yêu cầu (thể hiện tính không chuyên nghiệp)...
--	---

Cũng cần phải nói kỹ hơn về nguyên nhân của vấn đề đệm đàn Piano cho Thanh nhạc trong một số trường hợp còn hời hợt và không hiệu quả (tình trạng này vẫn còn đang tồn tại khá phổ biến tại các nhạc viện trong nước) là không chỉ xuất phát từ nhận thức, thái độ và cách thức làm việc của giảng viên đệm mà còn có liên quan đến vấn đề trang bị kỹ năng Piano phổ thông trong quá trình đào tạo Thanh nhạc đã không được quan tâm và đầu tư đúng mức:

Trong tài liệu *Những vấn đề sư phạm Thanh nhạc* (nhà xuất bản Âm nhạc năm 2014), GS.NSND Trung Kiên đã nêu lên thực tế hiện nay tại một số cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp đang thực hiện quy định trong một tuần lên lớp chuyên ngành Thanh nhạc 2 tiết, thì sẽ có 1 tiết người học được làm việc với giảng viên đệm đàn. Tuy nhiên, "...*công tác đệm đàn trong đào tạo Thanh nhạc ở nước ta còn*

*chưa đạt được những yêu cầu cần thiết tối thiểu cho việc học tập của sinh viên. Đa số các lớp Thanh nhạc không thể hiện đầy đủ phần đệm đàn và bảo đảm chất lượng tốt. Về số lượng giờ đệm đàn còn rất ít, học sinh chỉ được học với giảng viên đệm đàn một số giờ trước khi kiểm tra và thi học kỳ..." [10; 203]. Một số giảng viên đệm đàn còn chưa nhận thức đúng về vai trò của phần đệm Piano trong các tác phẩm Thanh nhạc là góp phần minh họa, làm rõ tính chất âm nhạc của tác phẩm đó bằng những hình tượng âm nhạc cụ thể. Ví dụ như trong bài hát *Con cá Forelle* – Schubert, yêu cầu bè đệm Piano phải làm rõ hình tượng sóng nước được thể hiện rất sinh động và duyên dáng... (ví dụ 5 - phụ lục 1.9. *Con cá Forelle* - F.Schubert).*

Vẫn còn tình trạng "giảng viên đệm đàn ít quan tâm tới chất lượng đệm, không xem bài đệm trước; hiện tượng khá phổ biến là bỏ bớt nốt khi đệm, đặc biệt đối với tác phẩm khó ở bậc Đại học..." [10; 203].

Chúng tôi cho rằng, một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng này là do khả năng sử dụng Piano cũng như kiến thức về kỹ thuật chơi đàn Piano của một số giảng viên Thanh nhạc chưa đủ để đáp ứng cho hoạt động giảng dạy nên đã không đánh giá được phần đệm Piano có đạt hiệu quả hay không cũng như không thể góp ý trực tiếp cho người đệm khi phần đệm không đạt yêu cầu. Điều này đã tạo nên tâm lý chủ quan, xem nhẹ công việc đệm đàn từ phía giảng viên đệm.

Có một thực tế là, phần lớn giảng viên Thanh nhạc do khả năng Piano có hạn nên chỉ cho HSSV thực hành một số bài tập quen thuộc trong luyện thanh với phần đệm Piano tương đối đơn giản mà không tạo cơ hội cho người học được tiếp xúc với các bài tập kỹ thuật phức tạp. Ngoài ra, việc không đàn được phần đệm các tác phẩm Thanh nhạc kinh điển theo đúng tổng phổ cũng đã làm giảm giá trị nghệ thuật và giá trị thẩm mỹ của các tác phẩm, không tạo được sự lôi cuốn đối với người học trong quá trình thể hiện.

Về vấn đề này, trong công trình nghiên cứu *"Những vấn đề sư phạm Thanh nhạc"* (nhà xuất bản Âm nhạc năm 2014), GS.NSND Trung Kiên cũng đã nhận

định: "...do trình độ đánh đàn Piano của đa số giảng viên còn yếu, do vậy ngại cho học sinh tập hát những bài tập kỹ thuật. Thiếu sót này dẫn đến tình trạng các sinh viên đại học nói chung khi hát những tác phẩm Thanh nhạc có những phần đòi hỏi kỹ thuật cao như: *passage, staccato, trillo...* bộc lộ những yếu kém rõ rệt..." [10; 79]

e/ Khảo sát về PPGD Piano phổ thông tại các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp Việt Nam

** Đánh giá chung:*

Hiện nay qua tìm hiểu tại cả 3 cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp lớn của Việt Nam (HVNQGVN, HVANH và NVTPHCM), chúng tôi nhận thấy không có sự khác biệt gì lớn về PPGD giữa Piano chuyên ngành và Piano phổ thông (mặc dù mục tiêu đào tạo không giống nhau):

Qua khảo sát một số giờ lên lớp môn Piano phổ thông tại cả 3 nơi, chúng tôi thấy rằng về quy trình lên lớp, cách thức tiến hành giờ học...là hầu như không có sự khác biệt. Có nghĩa là trên cơ sở giao bài tập phù hợp với khả năng và trình độ người học, trong quá trình lên lớp giảng viên sẽ giới thiệu về tác phẩm, nêu lên những yêu cầu về kỹ thuật và hướng dẫn phương pháp tập luyện, kết hợp với đàn mẫu để giúp cho người học có cái nhìn khái quát về bố cục tác phẩm.

Phương pháp giảng dạy truyền thống “một thầy một trò” chiếm vai trò chủ đạo; thông thường giảng viên luôn yêu cầu người học phải luyện tập chính xác và chi tiết từng tay, từng đoạn trước khi ghép các bè với nhau. Tùy theo trình độ và khả năng tiếp thu của học viên mà cách thức lên lớp cũng không hoàn toàn giống nhau: đối với những người mới bắt đầu học đàn Piano, giảng viên sẽ phải hướng dẫn tỉ mỉ, giải thích và thị phạm nhiều; với đối tượng học đã có trình độ Piano cơ bản, giảng viên sẽ yêu cầu người học ở mức độ cao hơn: Học viên được hướng dẫn cách nghe và cách kiểm soát tiếng đàn để có thể cảm nhận được tác phẩm và từ đó lựa chọn được cách thể hiện phù hợp.

Nhìn chung, phương pháp giảng dạy môn Piano phổ thông như đã mô tả ở trên tại các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp đã phát huy được những mặt tích

cực nhất định: giúp cho người học có khái niệm về kỹ năng Piano cơ bản, bước đầu có ý thức trong xử lý các tác phẩm đơn giản, trang bị được một số kỹ thuật cơ bản làm cơ sở để người học có thể tiếp tục phát triển và hoàn thiện kỹ năng Piano ở trình độ cao hơn.

Tuy nhiên bên cạnh những mặt tích cực, chúng tôi nhận thấy PPGD hiện nay vẫn nặng về truyền kiến thức, truyền nghề; người học còn thụ động trong tiếp nhận kiến thức, chưa có sự chủ động trao đổi ý kiến với giảng viên hướng dẫn hay nói một cách khác là chưa thể hiện được tính phản biện cao trong học tập. Giảng viên hầu như chưa tạo được các cơ hội cũng như phương pháp học tập đa dạng để người học lựa chọn. Ngoài ra, trong quá trình lên lớp vẫn đề tạo nên sự liên kết và hỗ trợ kiến thức giữa Piano với từng ngành học còn chưa được giảng viên quan tâm; người học vẫn phải tuần tự trải qua các cấp độ bài học từ đơn giản đến phức tạp với các yêu cầu về nội dung thể loại như là đối với học sinh Piano chuyên nghiệp. Điều này đã gây nên tâm lý không thích học, ngại tập luyện từ phía người học và là một trong những nguyên nhân chính của thực trạng vấn đề học tập môn Piano phổ thông còn mang tính đối phó và chưa đạt được kết quả như mong muốn.

Lẽ ra, với đặc điểm của đối tượng học lớn tuổi (mặc dù có những hạn chế trong phát triển kỹ thuật tay đàn nhưng lại có những thuận lợi trong nhận thức, trong lĩnh hội tinh thần tác phẩm...), thì tùy theo từng trường hợp, từng hoàn cảnh và với từng đối tượng cụ thể, giảng viên phải uyển chuyển và linh hoạt để lựa chọn PPGD thích hợp:

Với những đối tượng học đa dạng này, để giờ học đạt hiệu quả giảng viên nên kết hợp giữa PPGD truyền thống với một số PPDH hiện đại như các phương pháp kích thích hoạt động học tập, phương pháp học theo nhóm, phương pháp khơi dậy lòng tự tin vào năng lực bản thân ...(vấn đề này chúng tôi sẽ phân tích kỹ hơn trong chương III) nhằm mục đích giúp người học lĩnh hội được tri thức một cách tốt nhất. Hiện nay HSSV chưa phát huy khả năng làm việc độc lập và tăng cường hoạt động tự học nên mục tiêu là phải hướng tới một PPGD nhằm tạo được sự chuyển

biến từ học tập thụ động sang chủ động (tự học); xây dựng cho HSSV thói quen làm việc độc lập, có thể tự mình tìm ra phương án giải quyết đối với từng nhiệm vụ cụ thể.

Việc áp dụng một giáo trình chung cho tất cả mọi đối tượng mà không chú ý đến tính đặc thù riêng của mỗi chuyên ngành đã không tạo được động lực cũng như sự hứng thú học tập môn Piano phổ thông; trong một số trường hợp đã dẫn đến tình trạng chán nản từ phía người học do nội dung học có phần cứng nhắc và máy móc.

** Kết quả đào tạo:*

Có một thực tế đang diễn ra tại các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp, đó là một bộ phận không nhỏ HSSV không có ý thức học đàn Piano ngay từ năm đầu tiên (hay rơi vào các trường hợp người học chưa có khái niệm gì về kỹ năng chơi đàn), việc không thường xuyên đến lớp trả bài và tập luyện thực hành bài vở đã dẫn đến tình trạng nợ thi học phần đàn triền miên từ năm này qua năm khác. Điều này làm cho việc học đàn Piano không có ý nghĩ tích cực (kỹ năng Piano hầu như không phát triển gì thêm qua từng năm để hỗ trợ cho việc học tập các chuyên ngành); số lượng SVHS đạt kết quả thi môn Piano phổ thông xếp loại giỏi ngày càng giảm trong khi tỷ lệ SVHS bỏ thi lại gia tăng.

Tổng hợp kết quả thi môn Piano phổ thông tại HVANQGVN, HVANH và NVTPHCM năm học 2014 – 2015:

Cơ sở đào tạo	Ngành học	Số lượng HSSV	Xếp loại kết quả	Tỷ lệ %
Nhạc viện tp Hồ Chí Minh	Trung cấp Sáng tác, Chỉ huy, Âm nhạc học, Thanh nhạc	19/53	Giỏi	35,84%
		20/53	Khá	37,73%
		13/53	Vắng thi, KĐĐK dự thi	24,52%
		7/44	Giỏi	15,90%

	Đại học Sáng tác, Chỉ huy, Âm nhạc học, Thanh nhạc	27/44	Khá	61,36%
		10/44	Vắng thi, KĐĐK dự thi	22,72%
Học viện Âm nhạc Huế	Trung cấp Gõ GH, Thanh nhạc, Lý luận	1/68	Giỏi	1,47%
		13/68	Khá	19,11%
		16/68	Trung bình	23,52%
		38/68	Yếu, vắng thi, KĐĐK dự thi	55,88%
	Đại học Sáng tác, Lý luận, Chỉ huy, Thanh nhạc	4/65	Giỏi	6,15%
		17/65	Khá	26,15%
		13/65	Trung bình	20%
		31/65	KĐĐK dự thi	47,69%
Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam	Đại học Accordeon, Thanh nhạc, Sáng tác, Lý luận, Chỉ huy	22/149	Giỏi	14,76%
		34/149	Khá	22,81%
		7/149	Trung bình	4,69%
		80/149	Vắng thi, KĐĐK dự thi	53,69%

1.2.3. Môn Piano phổ thông tại một số cơ sở đào tạo âm nhạc trên thế giới

a/ Nhạc viện Bắc Kinh (Trung Quốc)

Chuyên ngành	Số tiết Piano phổ thông	Số học kỳ	Nội dung thi cuối kỳ
Vocal	1 tiết (45')/tuần	04	2 tác phẩm: Etude + Tự chọn
Sư phạm	1 tiết (45')/tuần	04	2 tác phẩm: Etude + Tự chọn
Sáng tác	1 tiết (45')/tuần	04	2 tác phẩm: Etude và Sonate cổ điển

			(1 chương – tốc độ nhanh)
Các chuyên ngành khác	1 tiết (45’)/tuần (là môn tự chọn)	01	2 tác phẩm: Etude và Sonate cổ điển (1 chương – tốc độ nhanh)

b/ Học viện Âm nhạc F. Liszt (Hungary)

Chuyên ngành	Số tiết Piano phổ thông	Số học kỳ	Nội dung thi cuối kỳ
Vocal	4 tín chỉ	04	3 chương trình kiểm tra 1 chương trình thi
Chỉ huy; Sáng tác; Lý luận;	12 tín chỉ	06	5 chương trình kiểm tra 1 chương trình thi
Organ	9 Tín chỉ	06	5 chương trình kiểm tra 1 chương trình thi
Harpsichord	4 tín chỉ	02	1 chương trình kiểm tra 1 chương trình thi
Các chuyên ngành khác	02 tín chỉ	02	1 chương trình kiểm tra 1 chương trình thi

c/ Trường Âm nhạc Stuttgart – Musikhochschule Stuttgart (Đức)

Chuyên ngành	Số tiết Piano phổ thông	Số học kỳ	Nội dung thi cuối kỳ
Đại học Thanh nhạc – Bachelor singing	2 tiết (60’)/tuần	08	3 tác phẩm ở các phong cách khác nhau, trong đó có 1 tác phẩm được sáng

			tác sau năm 1945
ĐH các nhạc cụ Giao hưởng – Bachelor string, wind, harp, percussion	2 tiết (60’)/tuần	08	3 tác phẩm ở các phong cách khác nhau, trong đó có 1 tác phẩm được sáng tác sau năm 1945
Cao học Thanh nhạc – Master singing	2 tiết (60’)/tuần	04	1 tác phẩm Thanh nhạc có phần đệm Piano/ Lied – accompaniment by Schubert, Schumann..., 1 phức điệu của Bach và 1 tác phẩm tự chọn
Cao học các nhạc cụ Giao hưởng – Master instrumental pedagogic string and wind instruments	1 tiết (30’)/tuần	04	3 tác phẩm ở các trường phái khác nhau mang tính chất âm nhạc thính phòng – solo and chamber music pieces

d/ Học viện Malmo (Thụy Điển)

- Piano phổ thông là môn tự chọn, được áp dụng cho bậc Đại học và Cao học.
- Chương trình gồm từ 5 - 10 tín chỉ.
- Chia làm 2 thể loại: Cổ điển và Jazz.

e/ Đại học Los Angeles - BA Music (Mỹ)

Piano phổ thông là môn bắt buộc, bao gồm 5 học phần (trên tổng số 90 học phần của 4 năm Đại học), được học trong 2 năm cuối của chương trình đào tạo Cử nhân âm nhạc, phân bố như sau:

- Giai đoạn 1: 3 học phần Piano phổ thông (trên tổng số 31 học phần Giáo dục chuyên ngành ĐH Âm nhạc) nhằm mục đích trang bị kỹ năng Piano cơ bản:

+ Class Piano Instruction 1 (1 unit)

+ Class Piano Instruction 2 (1 unit)

+ Class Piano Instruction 3 (1 unit)

- Giai đoạn 2: 2 học phần Piano phổ thông (trên tổng số 6 học phần Ứng dụng) nhằm mục đích thực hành kỹ năng Piano vào từng yêu cầu cụ thể:

+ Piano 1 (1 unit)

+ Piano 2 (1 unit)

Thông qua những số liệu trên, có thể thấy rằng mặc dù có sự khác nhau về thời gian học, chương trình thi...nhưng Piano phổ thông là một môn học quan trọng và cần thiết cho các chuyên ngành khác. Cũng cần phải nói thêm rằng, để thi vào các chuyên ngành âm nhạc trình độ ĐH của các nước tại các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp thì yêu cầu chuẩn đầu vào dành cho các thí sinh là phải có một trình độ Piano nhất định. Các sinh viên chuyên ngành Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy đều có trình độ Piano tương đương ĐH, nhiều sinh viên có thể biểu diễn Piano với sự hoàn hảo trong thể hiện các tác phẩm vì vậy trong chương trình đào tạo của một số trường với các chuyên ngành này đã không có môn Piano phổ thông nữa.

Tóm lại, nếu nhìn vào bảng thống kê ở trên thì nhiều quốc gia có số giờ học Piano không nhiều nhưng do trình độ cơ bản của HSSV là ngang tầm chuyên nghiệp nên thời lượng môn Piano phổ thông trong chương trình đào tạo ĐH có thể không cần nhiều. Đây là điểm khác biệt so với HSSV của Việt Nam có trình độ và kiến thức về âm nhạc không cao, chưa biết hoặc có trình độ chơi Piano còn thấp.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Trong chương 1 chúng tôi đã giới thiệu cơ sở lý luận và thực tiễn của đề tài nghiên cứu, trình bày khái quát về quá trình du nhập và vai trò của đàn Piano trong đời sống âm nhạc Việt Nam. Cây đàn Piano với những tính năng vượt trội đã trở thành nhạc cụ phổ thông rất cần thiết cho những người hoạt động âm nhạc chuyên nghiệp.

Hiện nay việc giảng dạy môn Piano phổ thông tại các trung tâm đào tạo âm nhạc lớn của cả nước là chưa có sự thống nhất về chương trình, giáo trình và nội dung giảng dạy. Mỗi cơ sở đào tạo đều thiết kế một giáo trình riêng trên cơ sở biên soạn lại, đơn giản hóa nội dung chương trình giảng dạy Piano chuyên nghiệp mà chưa có những nghiên cứu và điều chỉnh phù hợp để đáp ứng cho đặc thù từng ngành học. Yêu cầu chuẩn đầu ra cũng như trình độ bắt buộc cho từng năm không được qui định rõ ràng và chặt chẽ. Tiêu chí về thể loại bài thi và kiểm tra còn mang tính hình thức, dễ dãi. Có nơi vẫn chưa có đội ngũ giảng viên chuyên trách, tình trạng dạy kiêm nhiệm cả Piano chuyên ngành và Piano phổ thông đã không thể hiện được tính chuyên nghiệp trong đào tạo, phần nào dẫn đến những quan niệm sai lầm khi xem nhẹ vấn đề giảng dạy Piano phổ thông (mấu chốt là tâm lý của giảng viên và HSSV vẫn cho rằng Piano phổ thông là một môn phụ không cần phải dành nhiều thời gian và công sức để học môn này).

Trong chương I chúng tôi cũng đã phân tích sự khác biệt giữa giảng dạy Piano phổ thông với giảng dạy Piano chuyên ngành; đánh giá thực tế vấn đề trang bị kỹ năng Piano phổ thông tại Việt Nam (về giáo trình, PPGD, kết quả đạt được...); so sánh về chương trình giảng dạy môn Piano phổ thông của các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp trong nước với một số nhạc viện nước ngoài..., làm cơ sở đề xuất hướng xây dựng giáo trình riêng phù hợp với đặc điểm của từng ngành học nhằm phát huy vai trò hỗ trợ của Piano đối với vấn đề nâng cao mặt bằng kiến thức cho SVHS âm nhạc chuyên nghiệp.

Chương 2

PIANO TRONG VIỆC NÂNG CAO KHẢ NĂNG CẢM THỤ ÂM NHẠC ĐỐI VỚI HỌC SINH SINH VIÊN CHUYÊN NGHIỆP

2.1. Ý nghĩa của việc trang bị kỹ năng Piano cho mọi ngành học

2.1.1. Tính năng vượt trội của cây đàn Piano

Cây đàn Piano không hổ danh khi được gọi là “ông vua của các loại nhạc cụ” với âm sắc lúc cuồng nhiệt mạnh mẽ, lúc du dương êm ái; khả năng diễn tả rất phong phú và đa dạng, nhất là về mặt xử lý cường độ tinh tế – như chính tên gọi của nó; vẻ đẹp của âm sắc kết hợp với sự tinh tế, duyên dáng của âm thanh khi thể hiện đã mang lại cho cây đàn Piano hiệu quả nghệ thuật cao:

- Piano được xem như “ban nhạc một người” (one - man band): chức năng một dàn nhạc giao hưởng lớn có nhiều nhạc công có thể chuyển soạn cho một cây Piano mà vẫn giữ được hiệu quả âm nhạc cao. A.Rubinstein đã nói về sự đa dạng này của đàn Piano như sau: “*Các bạn nghĩ đây chỉ là một nhạc cụ? không, đấy là một trăm nhạc cụ*” [77; 146].

- Tính linh hoạt của Piano hơn hẳn các nhạc cụ khác, Piano có thể xử lý được các kỹ thuật phức tạp và thể hiện được những tính chất âm nhạc khác nhau trong khi hầu hết các đàn phím (ngoại trừ đàn Orgue, Accordeon) không thể giữ được trường độ ngân dài của các nốt. Đây chính là một trở ngại khi cần thể hiện những tác phẩm có chuyển động chậm, trữ tình, duyên dáng.

- Âm vực của cây đàn Piano rất rộng: là cây đàn duy nhất có 88 phím riêng biệt và có thể chơi cùng lúc những nốt ở âm vực cao nhất với âm vực thấp nhất (không có nhạc cụ nào cho phép diễn tả nhiều nốt trên một âm vực trải rộng như Piano). Ở âm vực trầm, âm thanh hơi tối, càng lên cao càng sáng, có thể sử dụng toàn bộ khả năng âm thanh của đàn Piano để thể hiện vào tác phẩm. Ở sắc thái khê, sự truyền cảm vẫn rất mạnh mẽ, âm thanh dịu dàng êm đẹp. Có thể chơi trên Piano

các dạng kỹ thuật từ đơn giản đến phức tạp, xử lý cả phần giai điệu và bè đệm cùng một lúc.

- Khả năng diễn tấu của Piano rất phong phú trong xử lý các thay đổi về cường độ: từ êm nhẹ du dương, trữ tình (**PPP**) cho đến giận dữ, bão táp, cao trào (**fff**) nhờ sự tinh tế và hoàn thiện trong cấu tạo bộ máy của cây đàn. Điều này đã tạo nên hiệu quả nghệ thuật rất lớn của cây đàn Piano khi sử dụng (trước đây các nhà chế tạo nhạc cụ đã buộc phải làm đàn Harpsichord /Clavecin có hai lớp bàn phím: một để chơi những đoạn nhạc êm ái và một bàn phím khác để chơi những phần bè với âm lượng lớn hơn) [69] (xem phụ lục 1.4. *đàn Harpsichord*).

- Đàn Piano sử dụng 2 loại phím (phím trắng và phím đen): các phím trắng được sắp đặt theo hệ thống gam Đô, các phím đen chen vào giữa hai phím trắng chia đôi các quãng 1 cung thành bán cung. Hệ thống phím đen hình thành lối sắp đặt theo gam ngũ cung (pentatonic). Cấu tạo của bàn phím thuận tiện cho hai tay có thể đàn các dạng kỹ thuật phức tạp: những nét chạy một chiều, chạy gấp khúc, nhảy cách quãng, các nốt nhấn lại, trémolo... Mỗi tay thường chỉ đàn hợp âm đến 5 nốt, tuy nhiên trường hợp nhiều nhất có thể lên đến 6-7 nốt (ngón cái có thể bấm vào 2-3 phím liên bậc cùng một lúc). Do đó, hợp âm trong Piano dùng có thể thoáng, nhưng cũng có thể rất đậm tạo hiệu quả âm thanh vang lên chặt chẽ, dày và khít. Lúc cần giữ âm thanh ngân dài, có thể sử dụng pedal. Hiệu quả sử dụng pedal làm cho âm thanh vang, các nốt ngân dài quyện vào nhau thành một nền hoà thanh chặt chẽ, mượt mà, tạo nên một cảm giác ấm áp (tuy nhiên, không nên quá lạm dụng pedal bởi vì nếu không ngắt đúng chỗ, các nốt của hợp âm trước và sau sẽ trộn lẫn vào nhau, tạo thành một hiệu quả hoà thanh khác hẳn, sẽ làm âm thanh bị nhòe, giảm giá trị nghệ thuật của tác phẩm).

Những khả năng thể hiện phong phú của cây đàn Piano như đã nêu trên đã trả lời cho câu hỏi tại sao trong môi trường âm nhạc hàn lâm, Piano luôn được chọn là nhạc cụ phù hợp nhất trong hòa tấu với giọng hát và các nhạc cụ khác rất hiệu quả, đồng thời cũng đảm đương xuất sắc vai trò độc tấu đối thoại với cả một dàn

nhạc giao hưởng. Đó cũng là lý do để lý giải cho việc các nhạc sĩ thiên tài thế giới các thời kỳ đã dành cho đàn Piano một kho tàng tác phẩm lớn và đồ sộ, phong phú nhất, đa dạng nhất về quy mô và thể loại.

2.1.2. Vị trí của cây đàn Piano trong đào tạo các chuyên ngành âm nhạc

Với những tính năng ưu việt của mình, như đã đề cập ở phần trên, Piano đã trở thành nhạc cụ phổ thông rất cần thiết cho những người hoạt động âm nhạc chuyên nghiệp. Sự nắm vững kỹ thuật Piano sẽ giúp người học phát triển tư duy đa âm thanh, có ý thức về hòa tấu, có khái niệm rõ ràng về hòa âm, phức điệu. Đàn Piano góp phần phát triển tai nghe một cách phong phú hơn thông qua việc tạo cơ hội cho người học tiếp xúc với những màu sắc hòa âm khác nhau, phát triển khả năng cảm nhận âm nhạc.

a/ Đối với chuyên ngành Sáng tác

Piano là môn kiến thức cơ sở ngành quan trọng đối với HSSV chuyên ngành Sáng tác. Ngoài việc giúp cho người học được tiếp cận với các tác phẩm âm nhạc của các nhạc sĩ nổi tiếng trên thế giới, hiểu được ngôn ngữ âm nhạc của mỗi một nền văn hóa nhằm mở rộng kiến thức trong quá trình sáng tạo, cây đàn Piano còn là phương tiện hỗ trợ không thể thiếu đối với những người học chuyên ngành Sáng tác: Có kỹ năng Piano tốt sẽ là điều kiện thuận lợi cho người học trong quá trình sáng tác, soạn hòa âm, phối khí, chuyển soạn các thể loại âm nhạc...

Thông qua cây đàn Piano, người học có thể tự trình bày những ý tưởng, cảm xúc và hình tượng âm nhạc trong tác phẩm của mình bằng âm thanh. Hay nói một cách khác, **Piano giúp cho người viết cảm nhận được hiệu quả tác phẩm một cách cụ thể bằng tai nghe chứ không phải bằng mắt hay bằng sự tưởng tượng.**

Tại các Nhạc viện hàng năm có không ít tác phẩm viết cho Piano nhưng thật sự bao nhiêu tác phẩm có chất lượng được sử dụng? Rất ít tác phẩm viết cho đàn Piano được thẩm định về giá trị nghệ thuật. Tác phẩm viết cho Piano nhưng không dựa trên sự nắm vững về kỹ thuật và khả năng diễn tấu của cây đàn mà chỉ dựa vào sự tưởng tượng của người viết thì khó có thể đạt đến giá trị nghệ thuật cao.

Phương pháp thuận lợi hay được các nhạc sĩ sử dụng từ trước đến nay khi viết tác phẩm cho dàn nhạc Giao hưởng (cũng như viết cho các thể loại âm nhạc thính phòng, khí nhạc...) là viết khái quát cho đàn Piano, sau đó mới điều chỉnh và hoàn thiện cho dàn nhạc Giao hưởng. Theo đánh giá chung, đây là phương pháp tốt nhất để có một ý niệm khái quát về toàn cảnh của tác phẩm trước khi lên khung tỉ mỉ. Do đó, nếu người nhạc sĩ có thể hoàn toàn làm chủ cây đàn Piano, thuần thục trong kỹ thuật diễn tấu thì sẽ có được những điều kiện vô cùng thuận lợi trong quá trình sáng tác. Lịch sử đã chứng minh các nhạc sĩ nổi tiếng trên thế giới (W.Mozart, L.Beethoven, F.Schubert, R.Schumann, F.Mendelssohn, F.Chopin, F.Liszt, P.Tchaikovsky, M.Glinka, C.Saint-Saens, M.Ravel, C.Debussy, A.Rubinstein, S.Prokofiev, S.Rachmaninoff, A.Scriabin...) đều là những nghệ sĩ Piano kiệt xuất trước khi trở thành những nhạc sĩ sáng tác thiên tài [69] (xem phụ lục 1.5. *nhạc sĩ thiên tài trường phái Cổ điển V.A.Mozart*).

b/ Đối với chuyên ngành Lý luận

Thực tế đã chứng minh người học ngành Lý luận không thể chỉ nghiên cứu lý thuyết suông mà phải có sự cảm nhận âm nhạc thông qua đàn Piano (không phải ngẫu nhiên mà chuyên gia nước ngoài khi tuyển chọn học sinh Lý luận sau khi kiểm tra trình độ kiến thức, thường yêu cầu được nghe đàn Piano để hiểu được khả năng cảm thụ âm nhạc của mỗi học sinh).

Điều kiện bắt buộc đối với các nhà lý luận là phải có khả năng đọc (*đọc không vang*: nghiên cứu sách vở, tài liệu...và *đọc vang*: đọc tổng phổ các tác phẩm âm nhạc). Trong quá trình nghiên cứu, bên cạnh việc sử dụng các tư liệu âm thanh tự vang (CD, VCD, DVD...), bắt buộc người học ngành Lý luận âm nhạc phải đọc được tác phẩm thông qua khả năng chơi đàn Piano để có thể nắm vững tác phẩm (về hòa thanh, về cấu trúc, ngôn ngữ âm nhạc, về phong cách...)

Tình trạng đào tạo trong các Học viện nặng về lý thuyết, xem nhẹ kỹ năng thực hành vẫn còn tồn tại khá phổ biến: Đã có trường hợp sinh viên Lý luận khi được yêu cầu phân tích Sonate Mozart, chỉ phân tích được về hình thức và cấu trúc

tác phẩm bằng mắt nhưng lại không thể đàn thuộc lòng chủ đề của bất kỳ một bản nào trong số 10 Sonate của Mozart và ngay cả khi nhìn sách cũng không thể thị tấu được do kỹ năng Piano còn thấp. Nhiều trường hợp HSSV Lý luận có trình độ chuyên môn tốt nhưng không qua được các đợt tuyển chọn du học của chuyên gia nước ngoài cũng vì trình độ tay đàn Piano không đáp ứng được yêu cầu...

Tóm lại, việc biết đàn Piano và phải có một trình độ kỹ thuật tay đàn nhất định sẽ tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho người học không chỉ trong công việc nghiên cứu, mà cả trong việc giảng dạy các môn kiến thức cơ sở âm nhạc sau này. Thông qua việc trình bày các ví dụ minh họa trên đàn, giảng viên sẽ giúp người học cảm nhận được tác phẩm âm nhạc một cách cụ thể và toàn diện, tránh được tình trạng phân tích về cấu trúc các phần trong tác phẩm, về chủ đề hay công năng hòa thanh....chỉ bằng mắt (tình trạng này vẫn đang còn diễn ra khá phổ biến trong các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp).

c/ Đối với chuyên ngành Chỉ huy

Nắm vững kỹ thuật đàn Piano chính là điều kiện tiên quyết, là đòi hỏi bắt buộc đối với bất cứ ai học chuyên ngành Chỉ huy. Sự trợ giúp của đàn Piano sẽ tạo ra những điều kiện thuận lợi cho người học trong việc đọc tổng phổ (đặc thù công việc của người chỉ huy là luôn phải làm việc với tổng phổ): tiếp thu một cách tỉ mỉ và chi tiết phần dàn nhạc hay hợp xướng vì đàn Piano là một phương tiện thuận lợi, có khả năng thu tóm được các bè trong dàn nhạc cũng như trong dàn hợp xướng, rèn luyện được tai nghe âm nhạc chuẩn xác, hình thành thẩm mỹ âm nhạc tinh tế.

Đặc thù của chuyên ngành Chỉ huy đòi hỏi khả năng nghe được nhiều bè, do bởi Piano là dàn nhạc thu nhỏ nên việc trang bị kỹ năng Piano là vô cùng cần thiết trong việc rèn luyện tai nghe nhạy và chính xác các bè, khả năng nghe các bè vang lên cùng một lúc. Ngoài ra, việc chơi trên đàn Piano các tác phẩm hòa tấu 4 tay rất có ý nghĩa trong vấn đề rèn luyện khả năng phối hợp cùng làm việc giữa các bè, đây là một trong những đặc trưng công việc của người Chỉ huy.

Đàn Piano chiếm vị trí quan trọng, có tác dụng hỗ trợ rất lớn đối với chuyên

ngành Chỉ huy: Hiện nay tại các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp Việt Nam cũng như đối với các nhạc viện trên thế giới trong qui trình đào tạo chuyên ngành Chỉ huy (từ Trung cấp đến Đại học) HSSV thường tiến hành chỉ huy các tác phẩm Hòa tấu thính phòng, Giao hưởng theo tổng phổ được thể hiện trên đàn Piano vì lý do khó có thể huy động dàn nhạc và dàn hợp xướng phục vụ thường xuyên trong quá trình luyện tập. Ngoài ra trong quá trình học, Piano được sử dụng để hỗ trợ vấn đề rèn luyện khả năng nghe chính xác thông qua việc yêu cầu người học cùng một lúc phải tiến hành hai nhiệm vụ: xướng âm một bè và đàn trên Piano các bè còn lại.

Tóm lại, với những chuyên ngành Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy rất cần phải biết sử dụng thành thạo đàn Piano do bởi Piano có tác động trực tiếp đến quá trình nghiên cứu và tiếp nhận kiến thức. Các nhà chỉ huy nổi tiếng trên thế giới như H.V.Karajan, L.Bernstein, S.Rattle, G.Solti, T.Beecham, M.Sargent...cũng đều là những nghệ sĩ dương cầm tài ba (xem phụ lục 1.6. *nhà chỉ huy xuất sắc người Áo - Hebert Von Karajan*).

Ở Việt Nam đối với những trường hợp các nhạc sĩ, các nhà chỉ huy có trình độ tay đàn Piano khá vững vàng đều gặt hái được những thành công nhất định (Đỗ Hồng Quân, Đặng Hữu Phúc, Nguyễn Đình Lượng, Nguyễn Hữu Tuấn, Lê Phi Phi...). Tác phẩm của họ đạt hiệu quả nghệ thuật cao do bởi bên cạnh những tố chất như năng khiếu bẩm sinh, kiến thức văn hóa nghệ thuật sâu rộng...thì một phần quan trọng đó là nhờ có trình độ Piano vững vàng. Điều này đã hỗ trợ rất nhiều trong quá trình làm việc, giúp cho các nhạc sĩ khai thác được các tính năng vượt trội của cây đàn, tìm được tiếng nói chung giữa hai nền văn hóa phương Tây và phương Đông thông qua sự thể hiện trên đàn Piano - một nhạc cụ có xuất xứ từ châu Âu - các tác phẩm mang đậm tính chất âm nhạc dân tộc (Ví dụ 1 - phụ lục 1.7. *Trống cơm - Đặng Hữu Phúc*).

d/ Đối với chuyên ngành Thanh nhạc

Đối với đào tạo Thanh nhạc, các giáo trình giảng dạy Thanh nhạc của các giáo sư, chuyên gia đầu ngành đang được sử dụng tại các cơ sở đào tạo âm nhạc

chuyên nghiệp hiện nay đều nhấn mạnh đến sự cần thiết phải biết sử dụng đàn Piano đối với ca sĩ. Thông qua Piano, người học có thể tự vỡ bài, chủ động làm quen với tác phẩm, hiểu được những yêu cầu của tác phẩm và sự kết hợp nhuần nhuyễn thống nhất giữa giai điệu chính và phần đệm Piano. Đặc điểm của Thanh nhạc là đơn âm, tự do nên Piano vừa giúp cho việc cảm nhận được tác phẩm; vừa có ý nghĩa rất quan trọng trong việc giúp định vị âm chuẩn, khả năng nghe màu sắc hòa thanh, phức điệu và rèn luyện sự nhạy cảm về tiết tấu, nâng cao kiến thức về thẩm âm nói chung.

Piano giữ vị trí quan trọng trong quá trình đào tạo và hoàn thiện một ca sĩ chuyên nghiệp vì những lý do sau:

Thông qua đàn Piano, người học có cơ hội tiếp cận với các tác phẩm âm nhạc kinh điển của thế giới; điều này sẽ giúp cho việc bổ sung và củng cố những kiến thức về âm nhạc. Piano đóng một vai trò hết sức quan trọng, cần thiết cho người hát từ giai đoạn tiếp cận một tác phẩm Thanh nhạc cho đến khi tác phẩm đó được thể hiện một cách hoàn chỉnh.

Trong quá trình phát triển kỹ thuật Thanh nhạc, một trong những yêu cầu đặt ra là thể hiện chính xác về cao độ của âm thanh. Trong số những nguyên nhân của việc hát không chuẩn xác, còn có cả nguyên nhân do hạn chế về tai nghe, cảm giác về âm thanh không nhạy. Để khắc phục tình trạng này, ngoài việc điều chỉnh hoạt động của cơ quan phát âm cho phù hợp với yêu cầu, còn cần đến sự hỗ trợ của đàn Piano thông qua luyện tai nghe các bè, kiểm soát việc nắm vững giai điệu của tác phẩm Thanh nhạc trên đàn.

Luyện thanh là một yêu cầu bắt buộc, có ý nghĩa quan trọng trong quá trình học tập hoàn thiện giọng hát với sự hỗ trợ của Piano - là nhân tố có tác động trực tiếp trong rèn luyện kỹ thuật chuyên ngành - thông qua việc tiến hành trên đàn các mẫu âm theo hệ thống từ đơn giản tới phức tạp, từ ngắn tới dài có giai điệu và tiết tấu lên cao hoặc xuống thấp dần từng nửa cung; nhằm phát triển giọng theo những

yêu cầu kỹ thuật khác nhau, rèn luyện kỹ năng hát chuẩn xác cao độ, phát triển khả năng diễn xuất, giúp cho việc thể hiện tác phẩm có xúc cảm nghệ thuật...

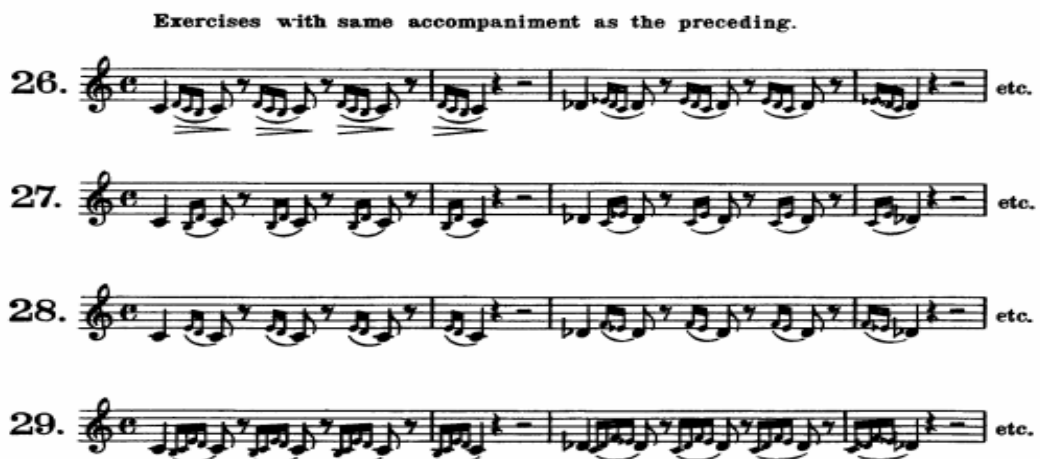
Ngoài ra, nếu có kỹ năng Piano tốt người học có thể chủ động trong làm việc độc lập (luyện thanh, vỡ bài) mà không quá phụ thuộc vào giảng viên hướng dẫn.

Ví dụ 2:



Những bài tập luyện thanh trên đàn Piano giúp cho việc rèn luyện và phát triển các kỹ thuật Thanh nhạc như hát liền giọng (*cantilena*), hát nảy (*staccato*), hát nhanh nhiều nốt (*passage*), hát rung láy (*trillo*), hát từ nhỏ tới to (*crescendo*), hát từ to tới nhỏ (*diminuendo*)...

Ví dụ 3:



Với vai trò kết nối giữa luyện tập mẫu âm và xử lý các tác phẩm Thanh nhạc, các bài luyện tập Vocalise có giai điệu phát triển và tiết tấu rõ ràng (không có lời ca) với phần đệm Piano hoàn chỉnh thể hiện những hình tượng âm nhạc khác nhau. Các bài tập luyện thanh kinh điển được sử dụng trong các Nhạc viện hiện nay được viết bởi các nhà sư phạm, bậc thầy cả về kỹ thuật Thanh nhạc và kỹ thuật Piano như Giuseppe Concone, S.Rachmaninoff, M.Glinka...nên đã tạo được sự phối hợp vô cùng ăn ý giữa giọng hát (giai điệu) và phần Piano (bè đệm). Phần Piano đóng vai trò hết sức quan trọng tạo nên màu sắc cho tác phẩm với những hình tượng âm nhạc phong phú minh họa cho nội dung và tính chất âm nhạc của từng tác phẩm (ví dụ 4 - phụ lục 1.8. *Vocalise - S. Rachmaninoff*).

e/ Đối với các chuyên ngành Giao hưởng

Đối với các chuyên ngành nhạc cụ Giao hưởng vấn đề rèn luyện và phát triển khả năng nghe cao độ luôn được chú trọng bởi vì cấu tạo của một số nhạc cụ như Violin, Viola, Violoncello, Contrabasse...đều không có phím ngăn cách rõ ràng giữa các nốt (như Guitar hay Piano), ngón tay bấm trên phím chỉ là theo cảm giác (có qui định và phụ thuộc vào tai nghe) vì thế nếu tay bấm chỉ cần xê dịch khoảng cách dù rất nhỏ là cao độ đã không chuẩn xác. Trong khi đó, về cơ học cây đàn Piano có cấu tạo bộ dây được định hình để tạo ra cao độ chính xác nên hầu hết các loại nhạc cụ đều dựa vào cao độ chuẩn xác, có sẵn của cây đàn Piano để lên dây. Vì vậy, **học Piano chính là môi trường rèn luyện tốt để củng cố và phát triển khả năng nghe chuẩn xác.**

Thông qua các bài tập luyện Gam trên đàn Piano, kỹ thuật ngón bấm của HSSV ngành nhạc cụ Giao hưởng được phát triển. Việc luyện tập Gam (chạy liên bậc diatonic và cromatic...), luyện tập các cách tạo âm thanh legato, nonlegato, staccato với những sắc thái, cường độ khác nhau đi liền với việc rèn luyện tai nghe giúp cho việc nâng cao chất lượng âm thanh, xác định tốt cao độ, âm chuẩn, trường độ, tiết tấu, nhịp, tốc độ, sắc thái, qua đó người học có thể phát triển khả năng thể hiện cảm xúc âm nhạc của mình...

Tiếp xúc với đàn Piano người học sẽ được phát triển tư duy đa âm thanh, làm quen với những màu sắc hòa âm khác nhau, tiếp xúc với âm nhạc đa âm, đa bè, có thêm khái niệm rõ ràng về hòa âm, phức điệu; có ý thức về hòa tấu (đặc trưng của những nhạc cụ Giao hưởng là chỉ đảm nhiệm phần giai điệu, bị hạn chế về bè và tính năng của các nhạc cụ). Điều này – việc nắm vững các bè tiến hành trong tác phẩm - sẽ giúp ích cho người học khi biểu diễn một tác phẩm nào đó được rõ ràng, mạch lạc. Ngoài ra, đối với các chuyên ngành nhạc cụ hơi thuộc bộ Gỗ hay bộ Đồng, việc chơi đàn Piano sẽ tạo sự cân bằng lực cho các ngón tay (có thể sử dụng được linh hoạt cả 10 ngón tay).

Theo kết quả nghiên cứu của công trình khoa học cấp Bộ năm 2001 “*Những tiêu chí xác định năng khiếu âm nhạc để tuyển chọn học sinh cho các cơ sở đào tạo âm nhạc trên phạm vi toàn quốc*” (GS Trần Thu Hà chủ biên) đã xác định: điều kiện thuận lợi để phát triển năng khiếu chuyên ngành, trên cơ sở áp dụng theo mô hình về phương thức đào tạo của một số nhạc viện châu Âu, đối với chuyên ngành Gỗ tại Nhạc viện Hà Nội (nay là HVANQGVN), học sinh trúng tuyển vào trường trong 2 năm đầu sẽ được tiếp xúc với đàn Piano trước. Việc học kỹ thuật chơi đàn Piano sẽ giúp người học phát triển về khả năng hoạt động nhanh nhẹn, linh hoạt và độc lập của ngón tay, cổ tay, chân; củng cố tai nghe định âm. Những học sinh có năng khiếu tốt, tiếp thu nhanh và có thể lực đảm bảo thì ở cuối năm thứ 2 học đàn Piano đã có thể phối hợp sử dụng Pedal. Sau 2 năm học Piano, việc xác định lại khả năng học chuyên ngành Gỗ của mỗi học sinh sẽ trở nên chính xác hơn.

Điều này cho thấy việc học đàn Piano là vô cùng cần thiết, bên cạnh việc học tiết tấu thì học sinh chuyên ngành Gỗ rất cần được bổ sung phần định âm thông qua việc chơi đàn Piano. Ngoài ra, có kỹ năng sử dụng Piano sẽ là điều kiện tốt để tiếp tục học Xylophone, Vibraphone, Marimba...

Chính vì lẽ đó mà trong chương trình đào tạo của các Nhạc viện tiên tiến trên thế giới, Piano là môn học bắt buộc dành cho HSSV của mọi ngành học ngay từ năm đầu tiên và kéo dài trong suốt thời gian học. Đặc biệt, cuối mỗi kỳ học trong

năm, để báo cáo kết quả đạt được và tạo động lực trong học tập, các nhạc viện thường tổ chức những chương trình Piano concert dành cho các đối tượng học Piano không chuyên này.

Việc chú trọng vấn đề trang bị kỹ năng Piano cho mọi chuyên ngành đã tạo được những hiệu quả tích cực: Trong quá trình lên lớp, các giảng viên chuyên ngành về nhạc cụ phương Tây hoặc Thanh nhạc của các trường âm nhạc và các nhạc viện nước ngoài đều có trình độ tay đàn Piano cơ bản để có thể tự đệm đàn Piano (theo đúng tổng phổ) cho HSSV đối với những tác phẩm không quá phức tạp. Điều này tạo ra được hiệu quả cao trong giờ lên lớp, tạo nên hứng thú cho người học trong quá trình tiếp thu kiến thức đồng thời giúp cho việc tận dụng tối đa năng lực của người dạy, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, tránh được sự lãng phí về thời gian và tiền của .

2.2. Vai trò của Piano đối với vấn đề trang bị kiến thức âm nhạc nền tảng

Piano cũng đã trở thành nhạc cụ cần thiết, có chức năng hỗ trợ trong quá trình giảng dạy các môn kiến thức cơ sở ngành. Tại các Nhạc viện trên thế giới, bất kỳ một giờ học nào của các môn học trang bị kiến thức âm nhạc nền tảng như *Hòa thanh*, *Hợp xướng*, *Ký xướng âm*, *Lịch sử âm nhạc*, *Phức điệu*, *Phân tích tác phẩm*, *Đọc tổng phổ*...cũng đều cần tới sự trợ giúp của cây đàn Piano.

Chẳng hạn như trong giảng dạy môn *Hòa thanh trên đàn* tại nhạc viện Minsk (Belarus), giảng viên hướng dẫn bố trí một nhóm học trực tiếp trong đó mỗi người tham gia đều phải thực hành trên đàn Piano riêng. Giảng viên đưa ra tình huống bài tập trên đàn và yêu cầu sinh viên nghe, đồng thời từng người phải đưa ra cách giải quyết trên cây đàn của mình. Đây là một cách truyền đạt kiến thức hiệu quả, thể hiện sự tương tác cao trong quá trình lên lớp, đòi hỏi người học phải tập trung cao độ, rèn luyện khả năng nghe chuẩn xác, khả năng phân tích, so sánh để đưa ra nhận định đối với một vấn đề.

Đàn Piano, ngay từ chính bản thân nó, đã là một phương tiện trợ giúp đắc lực đối với tiến trình học *Hòa thanh* thông qua việc tạo cơ hội cho HSSV được nghe về

công năng, sự tiến hành các bè khi thể hiện các tác phẩm trên đàn. Và ngược lại, việc luyện tai nghe hòa thanh cũng rất có ích trong quá trình tập luyện tác phẩm: Một khi nhận thức được mối quan hệ về mặt hòa thanh giữa hai hợp âm khi chơi đàn, người học có thể dễ dàng phát hiện ra sự xuất hiện của chúng khi các hợp âm đó được nhắc lại ở một giọng khác, điều này sẽ giúp cho việc ghi nhớ nhanh hơn, hiệu quả hơn và tiết kiệm được thời gian trong quá trình luyện tập.

Hoặc đối với vấn đề giảng dạy các môn *Phân tích tác phẩm* hay *Lịch sử âm nhạc thế giới* hiện nay, trong điều kiện khoa học công nghệ ngày càng phát triển giảng viên thường hay sử dụng các thiết bị nghe, nhìn để giới thiệu và minh họa những tác phẩm liên quan đến nội dung bài giảng. Tuy nhiên, sẽ là chủ động và hiệu quả hơn nếu giảng viên có thể kết hợp thêm với đàn Piano ở những chỗ cần dừng lại để tập trung phân tích sâu một yếu tố nào đó của tác phẩm (sự tương phản giữa các chủ đề, âm hình chủ đạo trong các phần, ngôn ngữ thể hiện của giai điệu, màu sắc hòa thanh hay tính chất âm nhạc, sự phát triển của giai điệu trong từng bè...). Trong những trường hợp như vậy, có lẽ các thiết bị hỗ trợ giảng dạy của khoa học công nghệ hiện đại khó có thể làm tốt hơn nếu so sánh với sự linh hoạt và chủ động của cây đàn Piano.

Piano cũng có ý nghĩa hết sức quan trọng, không thể thiếu trong tiến trình lên lớp các môn *Ký xướng âm*, *Hợp xướng* với vai trò định vị âm chuẩn, dẫn dắt sự tiến hành từng bè và rèn luyện khả năng nghe được nhiều bè cùng một lúc. Đối với môn *Đọc tổng phổ*, tầm cỡ âm vực rộng của đàn Piano là điều kiện thuận lợi để giảng viên sử dụng như là phương tiện hỗ trợ hiệu quả giúp cho việc giới thiệu và minh họa về tầm cỡ các loại nhạc cụ trong dàn nhạc, âm thanh thực tế khi vang lên của mỗi một loại nhạc cụ trong từng bộ...

Có một thực tế là tại các cơ sở đào tạo âm nhạc trong nước, SVHS các chuyên ngành nhạc cụ Dân tộc, Thanh nhạc và một số nhạc cụ biểu diễn phương Tây vì đặc thù ngành học nên việc tiếp thu kiến thức các môn cơ sở ngành thường không hiệu quả bằng các đối tượng học nhạc cụ phím (Piano, Organ, Accordeon,

Guitar) và Sáng tác, Lý luận, Chỉ huy vì lý do không quen nhìn tổng phổ có nhiều bè ở các khóa khác nhau cũng như ít có cơ hội luyện tai nghe các bè vang lên cùng một lúc nên người học đã gặp khó khăn trong quá trình tiếp nhận kiến thức, đặc biệt đối với các môn *Ký xướng âm, Hòa thanh, Phức điệu*. Chính vì vậy, có một sự khác biệt lớn trong cách thức lên lớp các môn kiến thức âm nhạc cho các đối tượng này giữa các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài.

Nếu như ở các nước, do đời sống văn hóa tinh thần cao, việc giáo dục âm nhạc trong xã hội luôn được quan tâm và đầu tư đúng mực nên HSSV khi được tuyển vào các nhạc viện ở tất cả mọi chuyên ngành đã có một sự đồng đều về kiến thức âm nhạc; đặc biệt mọi đối tượng học đều có một thời gian dài tiếp xúc với Piano (thông qua các giờ học âm nhạc và sinh hoạt ngoại khóa ở trường phổ thông, ngoài ra phần lớn được học đàn từ trước khi vào trường và sau đó tiếp tục học trong suốt các năm từ trung cấp lên đến đại học) nên đã có kỹ năng Piano cơ bản khá vững vàng. Đây chính là điều kiện hết sức thuận lợi giúp cho người học tiếp thu các môn kiến thức cơ sở ngành nhanh và hiệu quả.

Học viên hoàn toàn có thể sử dụng kỹ năng Piano để tham gia vào các hoạt động thực hành trong quá trình lên lớp theo yêu cầu của giảng viên như xây dựng công năng cho một giai điệu có sẵn được thực hiện trực tiếp trên đàn (đối với môn Hòa thanh). Giảng viên cũng có thể kiểm tra khả năng nghe và thể hiện cao độ chính xác của học viên bằng cách yêu cầu từng cá nhân kết hợp giữa hát một bè và đàn các bè các bè còn lại trên đàn (đối với môn Ký xướng âm) hoặc giảng viên tiến hành rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm thông qua việc giao trách nhiệm đối với mỗi học viên trong lớp hướng dẫn việc luyện thanh trên đàn cho tất cả các bè (đối với môn Hợp xướng)...

Ngược lại, tại các trường âm nhạc chuyên nghiệp trong nước, tất cả mọi chuyên ngành không thể cùng học chung các môn kiến thức như *Ký xướng âm, Hòa thanh, Lịch sử âm nhạc, Phân tích tác phẩm, Phức điệu*...do mặt bằng về trình độ không đồng đều, khả năng tiếp nhận kiến thức có sự chênh lệch. Điều này không có gì là đáng ngạc nhiên vì phần lớn đối tượng được tuyển vào ở bậc ĐH tại một số nơi

chỉ mới được trang bị phần nào kiến thức chuyên ngành; kiến thức chung về âm nhạc còn sơ sài, đa số chưa được tiếp xúc với đàn Piano nên còn thiếu những kỹ năng cần thiết để theo học các môn cơ sở ngành. Chúng ta đã biết thông qua việc chơi đàn Piano, những nền tảng kiến thức âm nhạc được xây dựng và phát triển (vấn đề này chúng tôi sẽ phân tích kỹ hơn ở các tiểu mục tiếp theo trong chương 2, đó là Piano giúp HSSV trong xác định cao độ chính xác, trong hình thành và phát triển tư duy phức điệu, trong phát triển khả năng cảm thụ âm nhạc và tích lũy vốn kiến thức cho HSSV). Chính vì hoàn cảnh thực tế như vậy, nếu áp dụng cách thức đào tạo như các Nhạc viện nước ngoài (tất cả mọi chuyên ngành đều tham gia nghe giảng chung các môn kiến thức cơ sở, chỉ phân thành từng nhóm riêng trong giờ bài tập thực hành), việc truyền đạt kiến thức sẽ không đạt hiệu quả cao.

Qua tìm hiểu, chúng tôi được biết tại HVANQGVN, môn *Ký xướng âm* của bậc Trung cấp đối với một khóa học phải tổ chức dạy riêng cho 5 nhóm chuyên ngành khác nhau (mỗi nhóm có từ 15 – 20 học sinh):

- Nhóm 1: Sáng tác, Lý luận, Chỉ huy
- Nhóm 2: Nhạc cụ Dây và Piano
- Nhóm 3: Thanh nhạc
- Nhóm 4: Nhạc cụ biểu diễn phương Tây
- Nhóm 5: Nhạc cụ Dân tộc

Đối với các môn *Phân tích tác phẩm*, *Lịch sử âm nhạc*, *Hòa thanh* bậc Đại học, đối tượng học lại được phân thành 4 nhóm chuyên ngành:

- Nhóm 1: Biểu diễn nhạc cụ phương Tây
- Nhóm 2: Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy
- Nhóm 3: Thanh nhạc
- Nhóm 4: Nhạc cụ Dân tộc

Với môn *Phức điệu*, đối tượng học được phân thành 2 nhóm ở các chuyên ngành:

- Nhóm 1: Piano
- Nhóm 2: Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy

Tại NVTPHCM cũng có sự phân loại về đối tượng học với những môn học này nhưng có sự thay đổi và điều chỉnh cụ thể như sau: Đối với môn *Ký xướng âm* bậc Đại học, năm thứ nhất phân thành 2 nhóm chuyên ngành riêng biệt:

- Nhóm 1: Sáng tác, Lý luận, Chỉ huy
- Nhóm 2: Biểu diễn nhạc cụ phương Tây, Thanh nhạc và nhạc cụ Dân tộc

Bắt đầu từ năm thứ hai đối tượng học được phân thành 3 nhóm chuyên ngành:

- Nhóm 1: Sáng tác, Lý luận, Chỉ huy
- Nhóm 2: Biểu diễn nhạc cụ phương Tây và Thanh nhạc
- Nhóm 3: Nhạc cụ Dân tộc

Đối với các môn *Phân tích tác phẩm*, *Hòa thanh* bậc Đại học, đối tượng học được phân thành 2 nhóm chuyên ngành:

- Nhóm 1: Sáng tác, Lý luận, Chỉ huy
- Nhóm 2: Biểu diễn nhạc cụ phương Tây, Thanh nhạc và nhạc cụ Dân tộc

Có thể thấy, mặc dù việc phân loại và sắp xếp đối tượng học các môn kiến thức cơ sở ngành ở các nơi tùy thuộc vào điều kiện và hoàn cảnh cụ thể nên không hoàn toàn giống nhau nhưng có một điểm chung nhất đó là dù người học ở cùng một năm, một bậc học nhưng sự tiếp thu kiến thức môn học lại không đồng nhất, vì vậy việc phân loại đối tượng học là điều bắt buộc phải làm và thường tuân thủ theo nguyên tắc sau:

- Các chuyên ngành Sáng tác, Lý luận, Chỉ huy được xếp thành một nhóm vì lý do đặc thù nghề nghiệp đòi hỏi phải có nền tảng kiến thức chung toàn diện nên nội dung chương trình học các môn kiến thức âm nhạc thường sâu rộng hơn so với các chuyên ngành khác.

- Nhóm thứ hai bao gồm Piano và một số nhạc cụ biểu diễn phương Tây, mặc dù khối lượng kiến thức phải tiếp nhận không có gì là khác biệt nếu so sánh với các chuyên ngành Thanh nhạc, nhạc cụ Dân tộc...nhưng vì do có một trình độ cảm nhận Piano nhất định, là điều kiện thuận lợi (có kỹ năng đánh đàn Piano hoặc có điều kiện thường xuyên tiếp xúc với Piano nên khả năng nghe, cảm nhận âm nhạc tốt) nên việc tiếp nhận kiến thức thường nhanh nhạy hơn nhóm thứ ba (là những chuyên ngành còn lại).

Nhằm hướng tới mục tiêu trang bị kỹ năng Piano để góp phần nâng cao mặt bằng kiến thức cho người học, chương trình đào tạo tại các trường âm nhạc chuyên nghiệp trong nước những năm gần đây đã bước đầu phổ cập môn Piano phổ thông cho mọi chuyên ngành ở bậc Cao học. Tuy nhiên, để có thể tiến tới mục tiêu giảng dạy môn Piano cho tất cả các ngành học từ bậc Trung cấp đến Đại học (nhằm khắc phục tình trạng phải đào tạo các môn chung theo từng nhóm chuyên ngành, gây lãng phí về thời gian và kinh phí như hiện nay), cần phải xem xét thực tế đội ngũ CBGD môn Piano phổ thông, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo có đáp ứng được cho nhu cầu...để trên cơ sở đó xây dựng được lộ trình phổ cập môn Piano theo từng giai đoạn phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế (hiện tại khoa Piano HVANQGVN có trên 250 HSSV và học viên Cao học, 36 giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng; khoa Piano - Accordeon - Organ HVANH có trên 200 HSSV và học viên Cao học, 13 giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng; khoa Piano NVTPHCM có trên 400 HSSV và học viên Cao học, 41 giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng; như vậy căn cứ trên số liệu về giảng viên và SVHS hiện nay của cả ba cơ sở đào tạo thì trung bình một giảng viên phải dạy 10 HSSV; tuy nhiên để đáp ứng cho nhu cầu giảng dạy Piano cho tất cả mọi chuyên ngành thì số lượng giảng viên phải bổ sung thêm ít nhất phải gấp 4 lần con số hiện có).

2.2.1. Piano trong việc giúp HSSV xác định cao độ chính xác và xây dựng thẩm mỹ âm nhạc tinh tế

Xác định âm chuẩn cũng như rèn luyện tai nghe cao độ là một trong những yêu cầu vô cùng quan trọng đối với những HSSV theo đuổi con đường âm nhạc. Có được tai nghe chuẩn xác là điều kiện thuận lợi để phát triển tài năng âm nhạc. Mặc dù âm chuẩn một phần được định hình sẵn trong con người, phụ thuộc vào năng khiếu của mỗi người, nhưng nếu có môi trường rèn luyện tốt thì khả năng xác định âm chuẩn của mỗi người sẽ ngày càng được củng cố và phát triển hơn.

Xác định âm chuẩn (cao độ chính xác) là một trong các bài toán khó đối với các chuyên ngành âm nhạc. Luyện tập cao độ chính xác không chỉ là đòi hỏi với các HSSV mà còn là yêu cầu khắt khe đối với các nghệ sĩ đã trưởng thành. Quá trình luyện tập để có được cao độ chính xác ngoài việc luyện trên cây đàn theo chuyên môn chính của mình thì cần phải luyện tai nghe (phải có môi trường luyện tập chuẩn xác) qua nhiều nguồn âm thanh khác nhau như: xem hòa nhạc, nghe các chương trình âm nhạc qua radio, vô tuyến truyền hình, đĩa DVD...nhưng một phần quan trọng hơn cả đó là luyện tập trên cây đàn Piano. Vì lý do đó mà HSSV ở tất cả mọi chuyên ngành tại các trường âm nhạc, các nhạc viện nước ngoài đều có giờ lên lớp Piano song song cùng với chuyên ngành chính trong suốt cả thời gian học tập.

Cần phải nói thêm rằng cây đàn Piano có 88 phím (Grand Piano), tương ứng với 88 âm bậc cao độ khác nhau, các cao độ này đã được tính toán và lựa chọn kỹ càng, có đặc tính là được xây dựng trên khoảng tầm cỡ âm thanh tốt nhất mà tai con người có thể nghe và phân biệt được. Nếu tần số âm thanh cao hơn hoặc trầm hơn thì thính giác của con người không còn phân biệt được sự khác nhau về cao độ (âm thanh mất đi tính âm nhạc và còn có tác động không tốt lên hệ thần kinh con người nếu nghe nhiều). Do đó có thể nói, cây đàn Piano “chứa đựng” mọi âm thanh của âm nhạc.

Chính vì vậy, trong những năm đầu tiên khi HSSV bắt đầu học âm nhạc thì việc tập nghe cao độ luôn phải được chú trọng. So sánh về âm chuẩn của các nhạc

cụ dây, kèn, bộ gõ, bộ gảy với đàn Piano thì cây đàn Piano do cấu tạo của mình luôn chiếm ưu thế vì hệ thống dây được định hình để luôn luôn phát ra cao độ một cách chính xác. Khi lên dây, hầu hết các loại nhạc cụ đều dựa vào cao độ chuẩn xác, có sẵn của cây đàn Piano (theo đánh giá của nhiều nhà chuyên môn, học sinh khoa Piano tại các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp luôn có được tai nghe cao độ chuẩn do hàng ngày được tiếp xúc với những âm thanh có cao độ chính xác).

Trong quá trình học tập, việc rèn luyện cho học sinh có được tai nghe âm nhạc chuẩn xác, có thẩm mỹ âm nhạc tinh tế là cả một quá trình rèn luyện lâu dài. Việc rèn luyện tai nghe và phát triển khả năng cảm thụ âm nhạc có thể thông qua việc thị phạm của giảng viên hướng dẫn hay cũng có thể qua việc nghe, xem các nghệ sĩ trong nước và quốc tế biểu diễn. Học sinh còn có thể được rèn luyện tai nghe qua các môn kiến thức như *Lịch sử âm nhạc*, *Phân tích tác phẩm* hoặc qua quá trình tự tích lũy của bản thân... Qua các giờ học luyện tai nghe, quá trình đào tạo được chuyển thành quá trình tự đào tạo; học sinh từ chỗ bị động lệ thuộc hoàn toàn vào giảng viên đã chủ động, tích cực trong học tập, nghiên cứu. Trong quá trình học, giảng viên cần tạo điều kiện cho học sinh luyện nghe, cần phân tích sâu vào tác phẩm để định hướng cho người học sự cảm thụ những giá trị thẩm mỹ mà tác phẩm mang lại. Học sinh có thể kiểm tra độ đúng sai, tạo âm thanh chuẩn, đẹp, sau đó có thể tự điều chỉnh để đạt đến sự cân đối, hài hòa âm lượng giữa 2 tay. Việc rèn luyện cho học sinh có khả năng “nghe trước” hay hình dung trước tác phẩm sẽ đàn là vô cùng quan trọng. Điều này giúp cho học sinh có khả năng tự chuẩn bị trước, có ý thức xây dựng chất lượng của âm thanh sẽ chơi (độ chuẩn, trường độ, tiết tấu, sắc thái...). Đây cũng là một phương pháp rất hiệu quả giúp cho học sinh có thể rút ngắn thời gian tập đàn và tăng cường được chất lượng âm thanh trong khi học.

2.2.2. Piano trong việc hình thành và phát triển tư duy phức điệu

Âm nhạc là những dòng thác âm thanh “tuôn trào” theo nhiều hướng với những cung bậc khác nhau nhưng vẫn tuân thủ những luật lệ về cấu trúc hòa thanh, hình thức một cách chặt chẽ. Khám phá được những quy luật cấu thành tác phẩm

trong những chuỗi âm thanh xen kẽ, đan quyện với nhau nhiều tầng, nhiều bè là một việc không dễ dàng. Luyện tập kỹ năng tai nghe “tách bè” sẽ mang lại lợi ích nhiều mặt cả về tư duy âm nhạc cũng như khả năng phân tích, tổng hợp của trí nhớ.

Kỹ năng cảm thụ âm thanh nhiều bè theo chiều dọc (hợp âm) và chiều ngang (giai điệu) sẽ giúp ích cho HSSV khi biểu diễn một tác phẩm nào đó được rõ ràng, mạch lạc. Các giai điệu, bè đệm, các thành phần khác trong câu được phân biệt, tạo nên một bức tranh âm nhạc sống động và logic. Theo quan điểm của J.S.Bach (nhạc sĩ thiên tài Đức, “cha đẻ” của thể loại âm nhạc Phức điệu), việc luyện tập các tác phẩm phức điệu không chỉ nhằm mục đích phân biệt được các bè mà còn hướng đến sự phát triển tư duy logic và nghệ thuật.

Tính phức điệu có mặt ở tất cả các tác phẩm âm nhạc và là một trong những thủ pháp sáng tác được sử dụng rộng rãi nhất của các nhạc sĩ. Nếu HSSV không làm chủ được khả năng tai nghe nhiều bè (phức điệu) thì sẽ bị hạn chế trên con đường làm nghệ thuật của mình. Cây đàn Piano với khả năng diễn tấu phong phú nên có thể chơi được những hợp âm phức tạp hoặc các tác phẩm phức điệu với nhiều bè được tiến hành cùng một lúc. Các tác phẩm phức điệu viết cho Piano rất phong phú về số lượng cũng như bao gồm nhiều cấp độ từ dễ đến khó (có thể từ 2 bè đến 5 bè) là cả một kho tàng quý báu để những HSSV theo học âm nhạc có điều kiện lựa chọn, tập luyện và trang bị cho bản thân những kiến thức âm nhạc bổ trợ cho chuyên môn chính của mình.

Chơi các bản phức điệu sẽ rèn luyện tính kiên trì, rèn luyện tai nghe từng nốt một cách kỹ càng là những kỹ năng cần thiết cho những người làm công tác âm nhạc. Để có thể tạo ra được kỹ năng này, yêu cầu đặt ra là *“làm việc với các bản phức điệu cần phải ngay từ đầu, từ khi mới bắt đầu luyện tập âm nhạc”* [76; 104].

Mặt khác, khi đã có tư duy phức điệu, HSSV học các chuyên ngành âm nhạc khác sẽ cảm nhận được các bè chính, bè phụ, bè đệm...để khi chơi trong dàn nhạc, chơi hòa tấu hoặc biểu diễn các tác phẩm có Piano đệm thì có sự chủ động với phần bè của mình trong khi vẫn nắm bắt được vững vàng các phần âm nhạc của bè Piano.

Hòa tấu với Piano hoặc với dàn nhạc là kỹ năng cần phải rèn luyện một cách cơ bản để có thể vừa làm chủ phần thể hiện của mình đồng thời vẫn phối hợp ăn ý với các bè của các nhạc cụ khác.

2.2.3. Piano trong việc phát triển cảm thụ âm nhạc, tính logic và luyện tập cơ chế “t động hóa”

Cũng như trong hội họa, nếu cái đẹp được người họa sĩ biểu hiện thông qua màu sắc và đường nét thì trong âm nhạc cái đẹp được thể hiện qua âm thanh. Qua đó có thể nói rằng, cao độ âm thanh có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển tư duy sáng tạo nghệ thuật của HSSV.

Qua quá trình luyện tập kỹ thuật đúng đắn trong đó có luyện tập tai nghe cao độ thì khả năng tư duy nghệ thuật càng được nâng cao. Nathean Perelman từng nói: *“Dành cho âm thanh âm nhạc – đó là sự sáng tạo”* [77; 149] vì âm thanh âm nhạc có tính năng đa dạng, phong phú, thể hiện nhiều “màu sắc” khác nhau do đó có thể diễn tả tất cả các cảm xúc của con người nhất là tiếng đàn Piano. Rèn luyện và thể hiện được hết những cung bậc cảm xúc này thì cần phải có một tư duy phong phú về nghệ thuật và thẩm mỹ. Vì vậy có thể nói rằng rèn luyện và tạo ra những tiếng đàn Piano có cảm xúc, có “chất hát” là một lợi thế để giúp người nghệ sĩ cảm nhận được hết cái đẹp của âm nhạc.

Mặt khác, cây đàn Piano là một cây đàn đòi hỏi người chơi phải biết phối hợp một cách hợp lý không chỉ là các giác quan (thính giác, thị giác, cảm giác, trí tưởng tượng...) mà còn phải phối hợp với các bộ phận của cơ thể con người từ các cơ của 10 ngón tay, bàn tay, cổ tay, cánh tay, lưng phối hợp với hai bàn chân... Có nghĩa là nhiều cơ quan trong con người phải biết phối hợp chặt chẽ để thực hiện ra những âm thanh đã được chuẩn bị sẵn trong tư duy, tiềm thức.

Hơn nữa nhiều cảm giác “mới” mà trí não phải biết cách vận dụng theo một cơ chế mới, không có trong tiềm thức bình thường của con người. Ví dụ: khái niệm khi đánh đàn phải “thả lỏng”. Đây là khái niệm ảnh hưởng cả tư duy và trên thực tế. Để đạt được phải có sự luyện tập vì không có một cơ chế nào khi vừa phải dùng sức

để vận động mà lại trong trạng thái thả lỏng. Hoặc tạo ra tiếng đàn “mềm”, “cứng” trong khuôn khổ chỉ qua sự tiếp xúc của đầu ngón tay vào mặt phím đàn. Hoặc khi đã có những cảm giác trên, hệ thống trí não sẽ có cơ chế “tự động hóa” để không chỉ có một âm thanh duy nhất có tính chất như vậy mà có thể hàng trăm, hàng nghìn âm thanh cũng có những tính chất tương tự.

Trên đây ta có thể nhận thấy rằng, âm nhạc với nhiều khái niệm trừu tượng với nhiều thang bậc màu sắc phong phú nhất là thể hiện các tác phẩm trên đàn Piano rất cần thiết tính nghệ thuật, cảm xúc “thăng hoa” nhưng mặt khác đòi hỏi đồng bộ tính logic, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trong cơ thể để có thể điều khiển những cảm xúc này đạt được hiệu quả cao trong sự chính xác tuyệt đối.

2.2.4. Piano trong việc tích lũy vốn tác phẩm âm nhạc

Được mệnh danh là Vua của các loại nhạc cụ bởi sự đa dạng trong kỹ thuật diễn tấu cùng khả năng thể hiện tuyệt vời, đàn Piano với những tính năng vượt trội đã được các nhạc sĩ sáng tác trên thế giới dành cho một kho tàng tác phẩm đồ sộ nhất, phong phú nhất và đa dạng nhất cả về quy mô cũng như thể loại. Chính vì vậy, có kỹ năng Piano tốt người học sẽ có nhiều cơ hội tiếp cận và khám phá các tác phẩm âm nhạc kinh điển ở những thể loại khác nhau (không chỉ các tác phẩm viết cho Piano mà còn cả các tác phẩm viết cho một số nhạc cụ khác, những tác phẩm lớn viết cho dàn nhạc); chủ động trong việc tìm hiểu, nghiên cứu phong cách thời đại, chủ đề tư tưởng của tác giả, những thủ pháp sáng tác, ngôn ngữ và phương thức thể hiện âm nhạc trong các tác phẩm của các trường phái...

Việc nắm vững cấu trúc nội tại của tác phẩm, phân tích được tính hệ thống cũng như tính logic trong sự phát triển của các tác phẩm âm nhạc sẽ góp phần làm phát triển khả năng tư duy âm nhạc của người học. Ngoài ra, thông qua việc thể hiện các tác phẩm trên đàn Piano, người học được cung cấp một số kiến thức nền tảng về âm nhạc; luyện tai nghe để có những trải nghiệm về âm thanh, nắm vững cấu tạo các hợp âm, cảm nhận cá tính của từng nốt nhạc nhằm hiểu được cách tái tạo âm thanh để có thể tự thực hiện và bổ sung cho bản thân những kinh nghiệm trong quá trình sáng tạo.

Những âm thanh trong các tác phẩm kết tinh từ trí tuệ của những vĩ nhân, thiên tài, các nhạc sĩ bậc thầy đã trở thành nguồn cảm hứng, nguồn năng lượng phong phú thúc đẩy quá trình tập luyện, học tập và nghiên cứu, đồng thời thông qua việc chơi đàn Piano, các giá trị văn hóa, nghệ thuật cũng sẽ được tích lũy dần theo thời gian làm giàu thêm kiến thức của người học.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Chương 2 đã đi sâu phân tích tính năng vượt trội của cây đàn Piano nhằm nêu bật vai trò quan trọng và cần thiết của cây đàn Piano trong vấn đề trang bị kiến thức âm nhạc nền tảng, phát triển tư duy âm nhạc và nâng cao trình độ cảm thụ nghệ thuật của HSSV tại các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp. Trong môi trường đào tạo âm nhạc hàn lâm, có kỹ năng Piano tốt sẽ là điều kiện thuận lợi đối với mọi đối tượng học trong việc hỗ trợ nghiên cứu chuyên sâu vào từng ngành học (Sáng tác, Lý luận, Chỉ huy, Thanh nhạc, các nhạc cụ Giao hưởng) và mở rộng kiến thức.

Với khả năng thể hiện vô cùng phong phú, Piano đã trở thành phương tiện hữu dụng, có chức năng hỗ trợ trong quá trình giảng dạy các môn kiến thức cơ sở ngành. Tại các Nhạc viện trên thế giới, bất kỳ một giờ học nào của các môn học trang bị kiến thức âm nhạc nền tảng như *Hòa thanh*, *Hợp xướng*, *Ký xướng âm*, *Lịch sử âm nhạc*, *Phức điệu*, *Phân tích tác phẩm*, ...cũng đều cần tới sự góp mặt của cây đàn Piano như là một phương tiện trợ giúp đắc lực với vai trò định vị âm chuẩn, dẫn dắt sự tiến hành từng bè, củng cố và phát triển khả năng nghe chuẩn xác, rèn luyện khả năng nghe được nhiều bè cùng một lúc. Trong một số trường hợp cụ thể Piano là phương tiện hỗ trợ cần thiết tạo nên sự cuốn hút và sinh động của môn học, gây hứng thú cho người học.

Thông qua việc sử dụng thành thạo cây đàn Piano, HSSV đặc biệt ở các chuyên ngành Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy mới có cơ hội thể nghiệm và cảm nhận được tác phẩm âm nhạc một cách cụ thể bằng tai nghe chứ không phải bằng mắt hay bằng sự tưởng tượng. Đàn Piano đã tạo được hiệu quả nghệ thuật rất lớn trong việc hỗ trợ cho Thanh nhạc trên các lĩnh vực đào tạo cũng như biểu diễn mà khó có một nhạc cụ nào có thể làm tốt hơn. Có thể nói, Piano có ý nghĩa quan trọng đối với vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo Thanh nhạc tại các trường âm nhạc chuyên nghiệp.

Ngoài ra, thông qua Piano người học có cơ hội tiếp xúc với các tác phẩm phức điệu, giúp cho việc rèn luyện khả năng phân biệt được các bè và hướng đến sự

phát triển tư duy logic và nghệ thuật. Có tư duy phức điệu, HSSV học các chuyên ngành âm nhạc, đặc biệt là các nhạc cụ Giao hưởng sẽ cảm nhận được các bè chính, bè phụ, bè đệm...để khi hòa tấu cùng với các nhạc cụ khác hoặc biểu diễn các tác phẩm có Piano đệm sẽ chủ động với phần bè của mình và nắm bắt được các phần âm nhạc của bè Piano.

Chương 2 cũng đã nêu lên thực trạng việc giảng dạy các môn kiến thức cơ sở ngành hiện nay, phân tích nguyên nhân của vấn đề trên và đề xuất xây dựng lộ trình phổ cập môn Piano cho các ngành học theo từng giai đoạn phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế nhằm từng bước khắc phục tình trạng phải đào tạo các môn chung theo từng nhóm chuyên ngành, gây lãng phí về thời gian và kinh phí như hiện nay.

Chương 3

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY MÔN PIANO PHỔ THÔNG TẠI CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO ÂM NHẠC CHUYÊN NGHIỆP

Như các phần trước chúng tôi đã trình bày những thế mạnh của cây đàn Piano với những tính năng cần thiết cho những người hoạt động trong lĩnh vực âm nhạc từ HSSV cho đến các nghệ sĩ đã trưởng thành. Có thể nói rằng, cây đàn Piano có nhiều lợi thế để người học các chuyên ngành khác nhau dựa vào đó phát triển những kiến thức bổ trợ cho chuyên ngành chính của mình. “Làm chủ” những kiến thức cơ bản chơi Piano mặc dù sẽ có nhiều khó khăn nhưng những lợi ích về mặt tư duy, kiến thức mà nó mang lại là rất lớn.

Tuy nhiên để HSSV nhanh chóng nắm bắt các kiến thức này và không cảm thấy khó khăn trong quá trình học tập, giảng viên cần nghiên cứu sâu về vấn đề PPGD và giáo trình. Trong lĩnh vực sư phạm, **PPGD** và **giáo trình** là hai thành tố không thể thiếu được để bất kể một bộ môn nào cũng có thể làm tốt chức năng truyền đạt kiến thức cho HSSV học tập một cách có hiệu quả, mặt khác khơi dậy lòng ham muốn tìm hiểu kiến thức, nâng cao tính tự giác, tự chủ trong học tập và rèn luyện. Những phương pháp này phải luôn được đổi mới, phù hợp với những đòi hỏi của tình hình thực tế và điều kiện xã hội.

Trên cơ sở xác định được mục đích của vấn đề trang bị kỹ năng Piano cho các ngành học nhằm hướng đến một phương pháp đào tạo thống nhất, khoa học và nâng cao chất lượng đào tạo, phù hợp với mục đích và yêu cầu của từng ngành học, chúng tôi có đề xuất một số giải pháp liên quan đến vấn đề PPGD và giáo trình để đẩy mạnh chất lượng giảng dạy môn Piano phổ thông hiện nay.

3.1. Xây dựng các tiêu chí chung

3.1.1. Mục tiêu hướng đến

a/ Phát triển khả năng thể hiện của HSSV

Đây là điều kiện quan trọng trong quá trình học tập, khả năng thể hiện có thể chia thành nhiều mức độ khác nhau:

- Khả năng thể hiện do năng khiếu tự thân.
- Khả năng thể hiện thông qua sự hướng dẫn của giảng viên, sự rèn luyện, tích lũy kiến thức của người học trong quá trình học tập, nghiên cứu và thưởng thức, cảm nhận cái đẹp cũng như ý nghĩa của tác phẩm âm nhạc.
- Khả năng thể hiện tác phẩm âm nhạc còn được phát triển thông qua mối liên hệ giữa tác phẩm âm nhạc với hình tượng âm nhạc trong cuộc sống xã hội; thông qua sự tích lũy vốn sống, tư duy, tình cảm trong cuộc sống thực tế mà người học đã trải qua.

Do đó, bên cạnh sự nỗ lực không ngừng trau dồi tích lũy kiến thức của bản thân người học, vai trò của người thầy cũng rất cần thiết, như là một nhân tố tác động trực tiếp đến quá trình nhận thức của học viên, tạo mọi điều kiện thuận lợi giúp cho quá trình phát triển khả năng thể hiện của người học.

b/ Phát triển năng lực tự học

Là điều rất quan trọng và cần thiết trong điều kiện hiện nay; ngày nay, việc dạy và học các môn chuyên ngành âm nhạc không chỉ đơn thuần cung cấp và tiếp nhận kiến thức bởi thực tế nhà trường không thể cung cấp đầy đủ tri thức và hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp cho người học. Với xu thế dạy - học theo hướng tích cực như hiện nay, người học phải tự mình vận động một cách tự giác, khoa học để tự mình chiếm lĩnh những kiến thức trên các lĩnh vực khoa học và nghệ thuật. Để việc tự học có hiệu quả, mục đích nhiệm vụ tự học phải có tính chất thiết thực, vừa sức, có tính định hướng cao và cố gắng tập trung dứt điểm từng vấn đề trong từng thời kỳ nhất định.

** Tác động nội dung học vấn:*

Đây là giai đoạn quan trọng nhất quyết định sự thành công của tự học, bao gồm những bước cơ bản sau:

- Tiếp cận thông tin: Quá trình tự nhận thức thực sự được bắt đầu từ đây và thường diễn ra dưới các dạng chủ yếu như đọc sách, nghe giảng, tham dự các chương trình hòa nhạc, sử dụng các nguồn tài liệu nghe nhìn, tham quan viện bảo tàng...

- Vận dụng thông tin để giải quyết vấn đề: Trên cơ sở những kiến thức tích lũy được từ nhiều nguồn khác nhau, người học lựa chọn được những giải pháp tối ưu nhất để áp dụng trong quá trình tập luyện, tự học, tự nghiên cứu.

** Bồi dưỡng năng lực tự học:*

Vấn đề rèn luyện cho người học có những phương pháp, thói quen nghiên cứu, học tập, sáng tạo không chỉ trong thời gian trên lớp mà còn trong quá trình công tác sau này là vô cùng cần thiết. Thời gian tự học là điều kiện để người học luyện tập bài vở và tiếp nhận các thông tin liên quan đến nội dung học tập từ nhiều nguồn khác nhau: sách vở, băng, đĩa...để làm phong phú thêm hiểu biết của mình giúp cho việc học tập đạt kết quả.

Bồi dưỡng năng lực tự học không những giúp người học nắm vững phương pháp học tập và kỹ năng vận dụng tri thức một cách chắc chắn và bền vững, mà còn là dịp tốt để rèn luyện ý chí và năng lực hoạt động sáng tạo là những điều mà không ai cung cấp được nếu người học không thông qua hoạt động bản thân, là những phẩm chất cần thiết cho sự phát triển và thành công của mỗi con người.

"Trong thời đại mà khoa học, kỹ thuật phát triển nhanh chóng như hiện nay, nhà trường dù tốt đến mấy cũng không đáp ứng được nhu cầu đa dạng và đang phát triển của cuộc sống. Vì vậy, chỉ có tự học, tự bồi dưỡng mỗi người mới có thể bù đắp được cho mình những lỗ hổng về kiến thức để thích ứng với yêu cầu cuộc sống đang phát triển. Như vậy, tự học là một trong những phẩm chất quan trọng nhất mà nhà trường hiện đại cần trang bị cho học sinh vì nó có ích không chỉ khi các em còn ngồi trên ghế nhà trường mà cả khi đã bước vào cuộc sống" [24; 302].

Để có thể tự học có hiệu quả cần phải tuân thủ quy trình như thế nào? Đây là câu hỏi không hề đơn giản vì nội dung tự học phụ thuộc vào từng đối tượng cụ thể,

chẳng hạn như đối với người học chuyên ngành Thanh nhạc, để trang bị kỹ năng Piano một cách nhanh chóng cần phải tăng cường độ làm việc đến mức tối đa, ngoài bài tập ở lớp, giảng viên cần chủ động giao một số bài tập cho HSSV tự làm việc và tiến hành kiểm tra cuối mỗi đợt. Đối với các chuyên ngành Sáng tác, Lý luận và Chỉ huy, người học cần rèn luyện thói quen nghiên cứu kỹ tác phẩm trước khi bắt tay vào tập luyện (cần phải tư duy về tác phẩm như là một tổng thể chung); điều này sẽ giúp cho việc mở rộng khả năng âm nhạc, kỹ thuật, kiến thức về tác phẩm và óc phán đoán, suy xét một cách bền vững và chắc chắn; tránh được sự lãng phí thời gian tập luyện không hiệu quả.

3.1.2. Những tiêu chí đối với giảng viên

Chúng ta đều biết, bất kỳ một hệ thống đào tạo nào cũng phải hội đủ các yếu tố chính như: *người dạy, người học, chương trình giáo trình và cơ sở vật chất* thích ứng. Chất lượng giáo dục của mọi cơ sở đào tạo đều phụ thuộc vào trình độ năng lực chuyên môn và năng lực sư phạm cũng như phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ giảng dạy. Chính vì lẽ đó mà hơn bao giờ hết, vai trò của người thầy có ý nghĩa hết sức cần thiết, là chủ thể tác động vào mọi nhân tố của quá trình giáo dục (thể hiện ở chỗ là người xác định mục tiêu, nội dung dạy học, thiết kế và tổ chức hoạt động, dự kiến các tình huống có thể xảy ra và dự kiến phương hướng, cách thức giải quyết tương ứng). Đặc biệt, vai trò này tác động trực tiếp đến quá trình nhận thức của người học thông qua các chức năng định hướng, khơi gợi, điều chỉnh... nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi giúp cho quá trình phát triển khả năng thể hiện của người học. Chính vì vậy, trong Văn kiện của Đại hội Đảng lần thứ X cũng đã nêu rõ: cần phải “*đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên...*”

Những yêu cầu đối với một giảng viên có năng lực bao gồm các tiêu chuẩn sau:

- Có trình độ chuyên môn cao, có kiến thức vững vàng về các lĩnh vực âm nhạc và tâm lý sư phạm.

- Sử dụng nội dung đào tạo, chương trình, giáo trình phù hợp.
- Theo dõi tiến bộ của học viên, tham gia và hỗ trợ khi học viên gặp khó khăn trong quá trình học.
- Đa dạng hóa các PPDH để đáp ứng nhu cầu của học viên.
- Có quan điểm đào tạo đúng, phương pháp đào tạo khoa học, cụ thể là:
 - + Khả năng vận dụng các chiến lược dạy hiệu quả để đưa người học tham gia quá trình học tập, xây dựng lộ trình phát triển và hoạch định tiến độ công việc phải hoàn thành đối với từng học viên;
 - + Xây dựng nội dung giảng dạy phù hợp với trình độ và năng lực của học viên (tùy theo từng chuyên ngành mà giáo trình giảng dạy có sự điều chỉnh phù hợp với đặc thù riêng của từng ngành);
 - + Biết cách tổ chức giờ lên lớp đa dạng với các hình thức học khác nhau để học viên có thể trải nghiệm nhiều hơn: lên lớp theo hình thức nhóm để có sự trao đổi, so sánh, đánh giá kết quả thể hiện của các thành viên trong nhóm; mỗi học viên có thể chủ động đưa ra cách giải quyết những vấn đề đối với một tình huống, một tác phẩm cụ thể (hiểu biết về phong cách, trường phái, về đặc điểm sáng tác, những yêu cầu trong thể hiện tác phẩm và cách khắc phục các vấn đề về kỹ thuật...). Sử dụng câu hỏi, thảo luận nhóm trong quá trình lên lớp để thúc đẩy tiến trình học và kiểm tra kiến thức của học viên về những vấn đề cụ thể liên quan đến nội dung giảng dạy.
 - + Giới thiệu nội dung tiết học theo một cấu trúc có tổ chức, giúp học viên đi từ các kiến thức đã biết tới kiến thức mới; khi xây dựng nội dung giảng dạy, giảng viên cần phải cân nhắc những vấn đề như: Xác định rõ mục đích và nhiệm vụ của một giờ lên lớp, liên kết yêu cầu về nội dung của giờ học hiện tại với những kiến thức trong các bài học trước và sự gắn kết với giai đoạn kế tiếp, tổng kết những nhiệm vụ đã thực hiện trong mỗi giờ lên lớp, đánh giá những gì đã đạt được và những gì học viên có thể làm được nhờ kết quả của bài học.

Bên cạnh những yêu cầu chung về năng lực người thầy như đã đề cập ở trên, đối với đội ngũ giảng viên dạy Piano phổ thông phải có sự chuyên môn hóa cao (phân trách nhiệm giảng dạy cho từng chuyên ngành hoặc từng nhóm chuyên ngành để có sự đầu tư nghiên cứu chuyên sâu). Giảng viên cần phải có khả năng gợi mở, nắm bắt tâm sinh lý, nhạy bén linh hoạt với từng đối tượng học để nghiên cứu, lựa chọn và thiết kế giáo trình, PPGD phù hợp.

Mặc dù hiện nay đội ngũ giảng viên dạy Piano phổ thông đã được chuẩn hóa về bằng cấp, phần lớn có trình độ từ thạc sĩ trở lên nhưng như thế vẫn chưa đủ mà yêu cầu ở đây là phải phát huy năng lực sư phạm, bao gồm năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm (kỹ năng vận dụng PPDH, kỹ năng tư duy, ứng xử sư phạm...), đạo đức nhà giáo và nền tảng kiến thức văn hóa xã hội.

Để duy trì năng lực sư phạm, giảng viên phải tích cực cập nhật các chiến lược giảng dạy. Dạy Piano phổ thông hoàn toàn khác với dạy Piano chuyên ngành, đa số người học đã có trình độ âm nhạc ở một mức độ nhất định đòi hỏi giảng viên không chỉ trau dồi trình độ tay đàn Piano mà còn phải không ngừng tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ hiểu biết về văn hóa chung cũng như kiến thức âm nhạc nền tảng. Đặc biệt, người dạy cũng phải có những kiến thức về các chuyên ngành âm nhạc khác: Thanh nhạc, Sáng tác, Lý luận, Chỉ huy và các loại nhạc khí để tạo được sự gắn kết, bổ trợ kiến thức giữa Piano với các ngành học nhằm đạt được hiệu quả cao trong quá trình truyền đạt kiến thức (giảng viên có thể sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành khi lên lớp nhằm tạo sự liên kết giữa Piano với ngành học, chẳng hạn như yêu cầu học viên phân biệt được sự tương phản giữa chủ đề chính và chủ đề phụ, làm rõ màu sắc hoà thanh trong phần chuyển điệu, tìm ra các motiv âm hình chủ đạo của chủ đề mở đầu; hoặc yêu cầu thể hiện rõ các phần chủ đề trong các tác phẩm phức điệu...đối với các ngành LLSTCH; hoặc đối với chuyên ngành Thanh nhạc, giảng viên phải hướng dẫn người học tư duy trong xử lý câu nhạc, đoạn nhạc một cách tinh tế, chú ý cách “phát âm” câu nhạc như khi hát, biết cách “thở”, “lấy hơi” theo từng nét nhạc...). Làm được như vậy thì hiệu quả của giờ lên lớp sẽ cao

hơn và làm cho môn Piano phổ thông có ý nghĩa thiết thực với từng ngành học cụ thể.

Tuỳ theo từng trường hợp, từng hoàn cảnh và với từng đối tượng cụ thể, giảng viên phải tạo ra các cơ hội và phương pháp học tập đa dạng để người học có thể lựa chọn loại hình phù hợp với mình; giảng viên cần phải uyển chuyển, khéo léo và hết sức linh động trong giảng dạy (lựa chọn bài phù hợp với trình độ người học, tạo cơ hội cho học viên được làm quen với nhiều trường phái, ngôn ngữ âm nhạc của các thời kỳ khác nhau để phục vụ hiệu quả cho vấn đề học tập chuyên ngành của mình).

Xã hội phát triển ngày càng cao, đòi hỏi chất lượng giáo dục cũng phải được cải tiến không ngừng, người thầy với vai trò là chủ thể của hoạt động giáo dục cũng phải không ngừng tự hoàn thiện bản thân để tạo được những tác động tích cực trong quá trình giảng dạy. Muốn cải cách nâng cao chất lượng giảng dạy cho người học, người thầy phải tự nâng cao chính mình. Muốn đòi hỏi sự nỗ lực của người học, trước hết phải đòi hỏi chính bản thân mình. Vai trò của người thầy có ý nghĩa vô cùng đặc biệt, họ hiểu rõ được học sinh của mình và đánh thức ở người học sự say mê đối với âm nhạc, hướng họ vào kỷ luật học tập, tình yêu và sự đam mê với nghệ thuật.

3.1.3. Những tiêu chí đối với người học

a/ Khó khăn và thuận lợi

**** Khó khăn:***

Đối tượng cần được trang bị kỹ năng Piano mà chúng tôi đang đề cập ở đây là những thanh niên trong độ tuổi trưởng thành (17 - 25), đã có sự phát triển khá hoàn chỉnh về thể chất và tâm sinh lý. Tuy nhiên do đầu vào đa dạng, không thống nhất về độ tuổi và trình độ; phần lớn lại chưa được làm quen với đàn Piano và đặc biệt những yêu cầu về thể lực chưa đáp ứng được với những tiêu chuẩn dành cho người học đàn Piano. Học đàn Piano ở độ tuổi lớn đòi hỏi sự kiên nhẫn rất cao do cơ tay cứng nên việc thực hành luyện tập trên đàn không thể linh hoạt và nhanh

nhạy như lứa tuổi nhỏ vì thế mà việc giảng dạy cho các đối tượng này là khá khó khăn phức tạp, đòi hỏi phải có sự khéo léo, kiên trì và sáng tạo từ phía người dạy (tùy theo từng trường hợp, từng hoàn cảnh và với từng đối tượng cụ thể, giảng viên phải tạo ra các cơ hội và phương pháp học tập đa dạng để người học có thể lựa chọn loại hình phù hợp với mình). Về phía người học, nếu không có quyết tâm cao, không đầu tư thời gian và kiên trì bền bỉ trong khổ luyện thì sẽ không thể gặt hái được thành công trong học tập.

** Thuận lợi:*

Tuy nhiên, ngoài những khó khăn đã nêu trên, những đối tượng học lớn tuổi này (nếu so sánh với học sinh sơ cấp được tuyển vào Piano chuyên nghiệp từ lứa tuổi nhỏ) cũng có một số thuận lợi nhất định theo như đánh giá của các nhà sư phạm Việt Nam và nước ngoài (tài liệu hướng dẫn *Tăng cường năng lực sư phạm cho giảng viên các trường đào tạo giáo viên trung học phổ thông và trung cấp chuyên nghiệp*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam - 2010), biểu hiện cụ thể như sau:

Do đã có sự trưởng thành trong nhận thức mà người học bắt tay vào học tập với các mục tiêu và động cơ mạnh mẽ hơn, đây chính là ưu thế nếu so sánh với việc học đàn Piano ở lứa tuổi nhỏ (việc phải làm đi làm lại một động tác dễ gây nên sự nhàm chán và không tập trung). Khả năng cảm thụ âm nhạc cũng là một lợi thế to lớn khác, do đã có một trình độ kiến thức âm nhạc nhất định nên người học có thể dễ dàng cảm nhận được những mối liên hệ về thang âm, điệu thức, hợp âm, tiết tấu, tính chất âm nhạc...; điều này sẽ giúp cho việc nắm vững và ghi nhớ bản nhạc được nhanh và lâu bền hơn.

Đối tượng học lớn tuổi hiểu được lý do vì sao họ phải học trước khi tiếp cận với một vấn đề mới nên sẽ xây dựng được phương pháp học tập hiệu quả, biết cách đặt ra những mục tiêu trong từng giai đoạn khác nhau nhằm hướng tới việc duy trì và sử dụng những gì mà họ đã học được tốt hơn và lâu dài hơn; sẽ đầu tư năng lượng để tìm kiếm những ích lợi mà họ có thể có được thông qua học tập và những bất lợi nếu họ không học về vấn đề này.

b/ Yêu cầu về phẩm chất

Luật Giáo dục khẳng định: “...đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” (Điều 39, Luật Giáo dục, 2005).

Cụ thể trong lĩnh vực âm nhạc, ngoài những năng lực và phẩm chất của người học đã nêu trên, còn có những yêu cầu về phẩm chất thể hiện qua các mặt sau:

- Khả năng sáng tạo.
- Hứng thú, động lực trong học tập.
- Khả năng tập trung cao.
- Trí tưởng tượng nhạy bén.
- Sự khát khao thể hiện những tìm tòi sáng tạo.

Những phẩm chất này gắn bó mật thiết với nhau, đòi hỏi giảng viên trong quá trình giảng dạy để đạt được mục tiêu đó phải hướng dẫn HSSV thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Một là, cho người học tiếp cận với các tác phẩm nghệ thuật, rèn luyện óc quan sát, nghiên cứu, phân tích và đánh giá tác phẩm.
- Hai là, thông qua các tác phẩm âm nhạc, gợi mở cho người học những giá trị thẩm mỹ, rèn luyện tai nghe và sự cảm nhận âm nhạc.
- Ba là, trong quá trình lên lớp, giảng viên truyền đạt cho người học những kiến thức, kinh nghiệm để có thể nắm vững và làm chủ phương tiện đang sử dụng (đàn Piano), khai thác được mọi tính năng của cây đàn nhằm giúp cho việc thể hiện tác phẩm trong quá trình luyện tập cũng như phục vụ cho mục đích học tập, nghiên cứu vào ngành học của mình trên cơ sở đảm bảo phối hợp hài hòa cả ba mặt: kỹ

thuật, cảm xúc, sáng tạo. Ba yếu tố này luôn song hành trong cả quá trình đào tạo, chúng bổ sung cho nhau và là nguyên tắc sư phạm cơ bản nhất.

3.1.4. Tiêu chí về phương pháp giảng dạy

Hiện nay, theo nghiên cứu của các nhà giáo dục học, trên thế giới có rất nhiều PPGD khác nhau, mỗi phương pháp có những mặt mạnh, mặt yếu khác nhau và tùy từng đối tượng, môn học cũng như tiêu chí cụ thể để có thể áp dụng riêng lẻ từng phương pháp cũng như kết hợp một số phương pháp với nhau nhằm tăng cường các mặt mạnh, giảm thiểu các mặt hạn chế đưa đến nhiều lợi ích cho người học hơn nữa. Theo tác giả S. Hidalgo thống kê trong cuốn “*Tips on how to teach effectively*” tạm dịch là *Cách thức dạy hiệu quả* (Rex Book Store, Manila, Philippines, 1994), trên thế giới có đến 60 PPGD khác nhau được công nhận.

Tuy nhiên phần lớn các phương pháp đều thống nhất những điểm cần được chú trọng trong thời đại hiện nay:

- Lấy người học làm trung tâm, khơi dậy tính tự chủ trong học tập.
- Hướng đến tính thực tiễn.
- Thay đổi các hình thức giảng dạy để thu hút người học.
- Chú trọng các đặc thù của từng môn học.
- Phương pháp và nội dung giảng dạy phải phù hợp và là một thể thống nhất.

Phương pháp sư phạm về âm nhạc cũng nằm trong hướng đi này giống như các PPGD khác. Giảng dạy bộ môn Piano phổ thông cũng như giảng dạy các bộ môn nghệ thuật khác cũng phải có được tính sáng tạo, tính thực tiễn và đào tạo tư duy nghệ thuật... Ngoài ra còn phải tính đến những đặc thù riêng của từng chuyên ngành nói riêng cũng như trong tổng thể ngành âm nhạc nói chung. Nếu các giáo trình cũng như PPGD không nắm bắt được các tiêu chí chung và riêng thì sẽ không đạt được mục đích đề ra.

3.2. Đề xuất hướng xây dựng những giáo trình riêng cho từng chuyên ngành khác nhau

Piano phổ thông có điểm khác căn bản với Piano chuyên ngành ở chỗ: đối tượng tiếp nhận thông tin khác nhau, thậm chí có cách biệt về mặt trình độ, tuổi tác. Do đó giảng viên cũng phải áp dụng những phương pháp khác nhau để đạt được yêu cầu mong muốn. Nếu chỉ áp dụng một giáo trình chung cho các chuyên ngành thì hiệu quả học tập không cao, sẽ xảy ra trường hợp đối với đối tượng này bài rất dễ nhưng với đối tượng khác thì lại không đơn giản, có thể không vượt qua được (đối với nhiều chuyên ngành, chơi Piano là rất khó, phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: năng khiếu, trình độ, tuổi tác, chuyên ngành đang học...).

Mỗi chuyên ngành đòi hỏi những kỹ năng âm nhạc khác nhau nên yêu cầu về chương trình cũng như mục đích giảng dạy phải thay đổi hướng tới thực tế. Vì vậy yêu cầu đặt ra là chương trình giảng dạy Piano phổ thông phải đi sát thực tế với đòi hỏi đặc thù của từng chuyên ngành. Có như vậy thì Piano phổ thông mới có thể mang lại lợi ích thiết thực, giúp người học có thêm những kiến thức bổ trợ cho chuyên môn chính của họ. Mặt khác điều này cũng sẽ là động lực thúc đẩy HSSV tự giác luyện tập môn Piano.

Mỗi một giảng viên đều xây dựng những mục tiêu giảng dạy đối với từng đối tượng học cũng như mỗi học viên đều có những mục đích, động cơ đối với việc học đàn Piano. Vì vậy, chương trình giảng dạy luôn phải có sự điều chỉnh phù hợp với nhu cầu của người học; Nhạc viện hoàng gia Mỹ (RAC) - the Royal American Conservatory trong chương trình giảng dạy Piano phổ thông đã xây dựng các mục tiêu về trình độ Piano cho từng chuyên ngành như sau:

- Sinh viên Thanh nhạc khi hoàn thành chương trình học sẽ có đủ kỹ năng Piano để nắm vững các bè Thanh nhạc, đàn được phần đệm các tác phẩm và trong trường hợp cần thiết có thể dịch giọng phần đệm cho phù hợp với giọng hát thực tế.

- Sinh viên học các nhạc cụ khác khi tốt nghiệp sẽ được trang bị đủ kỹ năng Piano để có thể chơi trên đàn các phần bè của dàn nhạc giúp cho việc kiểm soát và nắm vững tác phẩm; có thể đàn phần đệm Piano hỗ trợ cho học sinh trong quá trình giảng dạy sau này.

- Sinh viên ngành Sư phạm âm nhạc kết thúc chương trình học sẽ có đủ kỹ năng Piano để có thể thị tấu phần đệm và các bè giai điệu trong dạy hát tập thể, đặt được công năng phần đệm và dịch giọng phần đệm phù hợp với giọng hát của người học, có thể ứng tác các đoạn nhạc phục vụ cho giảng dạy.

- Sinh viên ngành Sáng tác, Lý luận âm nhạc có trình độ Piano vững vàng để hỗ trợ trong quá trình sáng tác và trong thể hiện các tác phẩm viết ra, nắm vững kiến thức âm nhạc thông qua Piano (các bài tập trên đàn Piano cung cấp cho người học những kiến thức về *Lý thuyết âm nhạc*: cấu trúc các quãng, tiết tấu, hòa thanh, thể loại và hình thức âm nhạc...; *Lịch sử âm nhạc*: tác giả, tác phẩm, phong cách sáng tác trong từng thời kỳ và giai đoạn...; *Thẩm mỹ nghệ thuật*: chủ đề tư tưởng của tác phẩm, sự cảm nhận và đánh giá về tính nghệ thuật, tính thẩm mỹ...)

Chương trình giảng dạy môn Piano phổ thông tại trường âm nhạc Stuttgart – Musikhochschule Stuttgart (Đức) xây dựng các tiêu chí về trình độ Piano cần trang bị nhằm đáp ứng cho các công việc ở các lĩnh vực khác nhau, cụ thể là:

- Trang bị kỹ năng thực hành Piano cho người học nhằm mục đích sử dụng như là phương tiện hỗ trợ hiệu quả trong công việc giảng dạy sau này (giảng viên Thanh nhạc hay nhạc cụ có thể sử dụng Piano để hỗ trợ cho sinh viên trong quá trình lên lớp - đệm các Lied, Sonata, Concerto...)

- Trang bị kỹ năng Piano giúp người học có thể tham gia trong các dàn nhạc, nắm vững phần Piano trong các tác phẩm hòa tấu nhằm bảo đảm sự phối hợp giữa các bè cùng làm việc hiệu quả.

- Trang bị kỹ năng Piano làm phương tiện phục vụ đắc lực trong lĩnh vực nghiên cứu (chú trọng khả năng thị tấu, không đặt nặng vấn đề thực hành biểu diễn).

Nhằm hướng đến một phương pháp đào tạo thống nhất và khoa học để nâng cao chất lượng đào tạo, phù hợp cho mục đích và yêu cầu của từng ngành học; trên cơ sở có sự tham khảo nội dung chương trình giảng dạy ở các nhạc viện, chúng tôi có đề xuất về **chương trình giảng dạy môn Piano phổ thông** như sau:

Đối với những đối tượng học Piano phổ thông, bên cạnh những kỹ thuật cơ bản thì trong chương trình giảng dạy cần phải bổ sung thêm 40% - 50% kiến thức mới (tạo cơ hội cho người học được tiếp cận với nhiều thể loại âm nhạc, nhiều trường phái với những ngôn ngữ biểu hiện phong phú và đa dạng). Giáo trình Piano phổ thông phải có tính chất “mở”, linh hoạt do đối tượng học không có quy chuẩn thống nhất về đầu vào và đầu ra.

Tính chất “mở” có nghĩa là không áp dụng nội dung giảng dạy của từng năm, từng bậc học một cách máy móc và cứng nhắc mà phải tùy vào trình độ, năng lực của từng cá nhân người học, tùy vào từng đặc thù chuyên ngành để giảng viên xây dựng những nội dung nhiệm vụ học tập phù hợp. Công việc này khá là phức tạp, do thời gian đào tạo không được xuyên suốt cả quá trình học, trình độ của người học cũng không đồng nhất, còn nhiều hạn chế mà lượng kiến thức truyền đạt là phong phú nên giảng viên phải phối hợp nhiều phương pháp trong quá trình lên lớp; chú trọng nhiều đến việc hướng dẫn, gợi mở, tạo cho người học ý thức làm việc độc lập; khuyến khích việc chủ động nêu ra câu hỏi, tạo cho người học sự tích cực tư duy, thói quen làm việc độc lập, có thể tự mình tìm ra phương án giải quyết về mặt kỹ thuật cũng như về mặt xử lý tác phẩm.

Trong quá trình lên lớp giảng viên có thể linh động trong yêu cầu đối với người học như không bắt buộc phải đàn hết toàn bộ tác phẩm (có những bài tập chỉ yêu cầu đàn đúng chủ đề), không cần phải đàn đúng tốc độ, không nhất thiết phải

thuộc lòng nhưng trong quá trình tập luyện phải kết hợp nghe đĩa để có sự cảm nhận chính xác về phong cách và thể loại tác phẩm...

Ngoài những kỹ thuật cơ bản làm nền tảng ban đầu (phần cứng) thì tùy theo từng chuyên ngành, từng đối tượng cụ thể mà có sự vận dụng linh hoạt, bổ sung bài vở phù hợp với yêu cầu và mục đích học tập của người học (phần mềm).

3.2.1. Đối với các ngành Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy

a/ Mục tiêu và yêu cầu

Để phục vụ hiệu quả cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu, bắt buộc người học phải tiếp xúc nhiều với các thể loại tác phẩm, rèn luyện kỹ năng thị tấu, đọc tác phẩm nhanh. Do thời gian học đàn Piano là có hạn nên học viên để có thể đạt đến mục tiêu được trang bị nhiều kỹ năng Piano thì không thể áp dụng quy trình học theo kiểu tuần tự nâng dần trình độ, không nhất thiết phải trải qua đủ các thể loại tác phẩm ở các giai đoạn, các thời kỳ, mà điều cần quan tâm ở đây đó là tạo cho người học có nhiều cơ hội tiếp cận các tác phẩm đa dạng trong cấu trúc và ngôn ngữ âm nhạc... Sau năm học đầu tiên, người học phải được làm quen với Pedal, tiếp xúc với các tác phẩm của Chopin, Debussy...(chọn các tác phẩm đơn giản hay chỉ yêu cầu đàn các trích đoạn).

Tại HVANQGVN, HSSV ngành Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy lên lớp môn Piano phổ thông với các nội dung về thể loại tác phẩm như sau:

- Bài kỹ thuật (Gamme, Etude, Phức điệu...)
- Tác phẩm lớn (Sonate, Rondo, Variation...)
- Bài tự do (Romance, Valse, Nocturne, Balade...)
- Bài Việt Nam (các tác phẩm của các nhạc sĩ Việt Nam)

Tuy nhiên đối với 2 thể loại cuối (bài tự do và bài Việt Nam) chỉ yêu cầu thể hiện trong các kỳ thi tốt nghiệp. Các thể loại trên được tập trung ở hai dòng chính là

Cổ điển và Lãng mạn. Cũng có những trường hợp HSSV khá được làm quen với các tác phẩm của M.Ravel, B.Bartok, C.Deussy, S.Rachmaninoff, S.Prokofiev... nhưng không phổ biến.

Ví dụ 8: D.Kabalevski, *Valse Lente* ô nhịp 1 đến 20

Valse Lente

Dimitri KABALEVSKI

Lent et tranquille ♩ = 92

Un poco più mosso ♩ = 112

poco cresc

Vì vậy, mục tiêu hướng đến của việc xây dựng giáo trình mới môn Piano phổ thông cho các ngành Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy là tạo cơ hội cho người học được tiếp cận với nhiều thể loại tác phẩm có ngôn ngữ và phong cách âm nhạc hiện đại với các thủ pháp sáng tác khác nhau và ngôn ngữ thể hiện đa dạng phong phú, chẳng hạn như được làm quen với các sáng tác của Karlheinz Stockhausen (1928), nhạc sĩ người Đức, viết các tác phẩm cho Piano: *Clusters* với những âm thanh mạnh và dữ dội; John Cage (1912 – 1992), nhạc sĩ người Mỹ, đã sáng tạo ra cách chơi đàn Piano rất nổi tiếng “Piano préparé” với kiệt tác *Amores...*, chứ không chỉ đơn thuần học kỹ năng đánh đàn và càng không nên chỉ làm quen với âm nhạc Cổ điển.

b/ Những nội dung cần bổ sung

Kỹ năng thị tấu cho HSSV các chuyên ngành Lý luận, Sáng tác và Chỉ huy là không thể xem nhẹ, nội dung này nhất thiết phải được bổ sung vào giáo trình, được

tiến hành sau khi người học đã được trang bị những kỹ năng cơ bản về đàn Piano. Theo quan điểm của các nhà sư phạm Piano trên thế giới (Leonhard Deutsch, *Piano guided sight – reading*, 1950), thị tấu là một kỹ năng cần thiết giúp cho người học có được kiến thức âm nhạc nhanh nhạy. Rèn luyện khả năng thị tấu không có gì đi ngược với quan điểm luyện tập kỹ các tác phẩm mà ngược lại, khả năng đọc tốt sẽ rất hữu ích trong quá trình hoàn thiện tác phẩm cũng như tạo cho người học có nhiều động lực để thể hiện tác phẩm có hiệu quả. Đối với những người học Piano như là một chuyên ngành phụ, việc rèn luyện kỹ năng thị tấu có ý nghĩa tích cực, là yêu cầu bắt buộc vì điều này sẽ giúp cho việc phát triển kiến thức âm nhạc. Để chơi một tác phẩm Piano chính xác cần đến sự phối hợp của cả tai, mắt và đôi tay. Kỹ năng đọc tác phẩm nhanh sẽ giúp người chơi đàn nghiệp dư mở rộng khả năng âm nhạc, phát triển tư duy phán đoán, suy xét theo hướng nhanh nhạy và bền vững.

Cũng theo quan điểm của Leonhard Deutsch, cách hiệu quả nhất giúp học viên phát triển kỹ năng đọc nhanh đó là phải có sự phối hợp giữa thầy và trò trong quá trình làm việc. Thầy giáo giữ vai trò dẫn dắt và học viên được hướng dẫn dần theo; khi cùng hòa đàn, người dạy sẽ đưa ra những chỉ dẫn cụ thể; thông qua nguyên tắc hợp tác, học viên kết hợp được các kỹ năng lắng nghe, cảm nhận và chơi đàn cùng một lúc. Học đàn Piano đòi hỏi phải có đôi tai nhạy cảm, “nghe” là một phần quan trọng trong việc tìm hiểu cách tái tạo âm thanh và là một yêu cầu bắt buộc trong quá trình học tập. Thông qua việc lắng nghe và cảm nhận tính chất của từng nốt nhạc, đoạn nhạc...người học có thể tìm được cách giải quyết các vấn đề trong xử lý tác phẩm.

Để đọc được một tác phẩm mới cần đến sự thực hành và kinh nghiệm, kỹ năng thị tấu trang bị cho học viên những kinh nghiệm này. Khi chơi đàn cùng với học viên, giảng viên có thể kiểm soát phương pháp luyện tập của người học giúp cho người học khi thực hành sẽ thể hiện chính xác hơn.

Tóm lại, để phát triển được kỹ năng đọc tác phẩm nhanh, người học cần trang bị thói quen tiếp cận tác phẩm âm nhạc bằng tư duy, nghiên cứu bài thật kỹ trước khi vỡ bài, nắm được các ký hiệu, các thuật ngữ âm nhạc, có kiến thức về phân tích tác phẩm (hiểu được cấu trúc, hình thức, phân câu, phân đoạn, cao trào từng đoạn, cao trào cả bài...). Khi thi tấu có thể không đàn hết toàn bộ tác phẩm mà chỉ đàn những phần chính (chủ đề 1, chủ đề 2, phần phát triển...), cũng như có thể không nhất thiết phải đàn đủ hết các nốt của từng hợp âm mà chỉ chú ý tới màu sắc hoà thanh.

Đối với chuyên ngành Chỉ huy, ngoài những yêu cầu như đã nói ở phần trên (yêu cầu thi tấu nhanh, yêu cầu được làm quen với nhiều thể loại và phong cách...) trong nội dung chương trình học phải **tăng cường các tác phẩm Cổ điển, phần hòa tấu 4 tay** và đặc biệt phải chú ý đến **kỹ năng đọc tổng phổ**. Điều này sẽ rất có ích cho người học trong rèn luyện khả năng nghe và nhìn chính xác nhiều bè (nhiều tác phẩm viết cho dàn nhạc như các bản Giao hưởng, Concerto thường được thu gọn cho 4 tay trên đàn Piano).

3.2.2. Đối với chuyên ngành Thanh nhạc

a/ Mục tiêu và yêu cầu

Người tốt nghiệp Piano phổ thông có thể tự đệm đàn luyện thanh, tự vỡ bài hoặc có thể chơi phần đệm piano trong các Romance, Aria đơn giản...hoặc tự đệm các bài ca khúc Việt Nam.

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần lựa chọn các bài tập Piano là những tác phẩm có giai điệu đẹp như một bài ca: giản dị, dễ nghe, dễ nhớ, giàu cảm xúc; tạo cơ hội cho người học làm quen với các tác phẩm có cấu trúc cân đối hoàn chỉnh với giai điệu du dương, âm hình bè đệm mang tính biểu cảm cao nhằm tạo nên sự gần gũi với đặc thù của bộ môn Thanh nhạc.

b/ Những nội dung cần bổ sung

Tại một số nhạc viện nước ngoài trong chương trình giảng dạy Piano phổ thông cho chuyên ngành Thanh nhạc có sử dụng các tác phẩm Thanh nhạc kinh điển biên soạn lại cho đàn Piano nhằm mục đích tạo sự gắn kết giữa Piano và Thanh nhạc và gây được hứng thú đối với người học.

Ví dụ 9: E.Grieg, *Solveig's Song*, nhịp 1 đến 16

Solveig's Song

E. Grieg

Andante

7

cantabile

12

cresc

f

dim

Hiện nay, một số cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp trong nước cũng đã xây dựng nội dung chương trình môn Piano phổ thông cho chuyên ngành Thanh nhạc (ngoài phần kỹ thuật cơ bản, bổ sung thêm phần hòa tấu 4 tay, các tác phẩm Thanh nhạc có phần đệm Piano), tuy nhiên hiệu quả đạt được chưa thật sự thuyết phục. Thiết nghĩ, việc bổ sung **các tác phẩm Thanh nhạc kinh điển chuyển soạn cho Piano** là một yếu tố quan trọng mà chúng ta nên lưu ý khi xây dựng giáo trình Piano phổ thông cho chuyên ngành Thanh nhạc. Việc chơi trên đàn Piano tác phẩm của các nhạc sĩ nổi tiếng trên thế giới ngoài mục đích "gắn kết" như đã nêu trên còn hướng tới vấn đề rèn luyện cho người đàn cách nghe và xử lý câu nhạc, đoạn nhạc một cách tinh tế giống như tư duy khi hát (cách “phát âm” từng nét nhạc, cách “lấy

hơi” theo từng câu nhạc...). Ngoài ra, thời gian luyện tập bài vở của sinh viên Thanh nhạc không quá nhiều như đối với các chuyên ngành khác nên giảng viên Piano phổ thông cần đẩy nhanh tiến độ học bằng cách giao một số lượng bài nhất định cho sinh viên tự làm việc và chỉ kiểm tra vào cuối đợt học.

Nhấn mạnh về sự gắn kết và bổ trợ kiến thức giữa Piano và Thanh nhạc, F.Chopin - nhạc sĩ, nghệ sĩ Piano thiên tài thời kỳ Lãng mạn - luôn đề cao việc tạo ra tiếng đàn legato đẹp như giọng hát trong thể hiện tác phẩm (J.P. Casarotti, *Chopin, the piano teacher*, www.forte-piano-pianissimo.com/Chopin_the_teacher.html). Chopin đã từng khuyên học trò của mình không nên tập đàn quá nhiều mà cần phải dành thời gian học hát và nghe những ca sĩ nổi tiếng trình diễn để khi chơi đàn sẽ biết cách chủ động trong phối hợp bàn tay với cổ tay, cánh tay và vai nhằm tạo ra tiếng đàn có sức biểu cảm; biết được cách phân câu cho một giai điệu; biết cách sử dụng cổ tay của mình như cách một ca sĩ hít thở khi trình bày một giai điệu. Bởi vì ông cho rằng, việc phân câu hỏng như một diễn giả đọc diễn văn bằng thứ ngôn ngữ mà bản thân không hiểu, chỉ học thuộc lòng nên có thể sẽ dẫn đến tình trạng không chỉ nuốt các âm tiết mà còn dừng lại ở giữa một từ...; một nhạc công nếu phân câu sai, cho thấy âm nhạc không phải là tiếng mẹ đẻ của anh ta mà là một thứ tiếng ngoại quốc mà anh ta không hiểu nên cũng giống như diễn giả nói trên, không thể tạo ra bất kỳ hiệu quả nào đối với người nghe.

Tài liệu *Thinking as you play* tạm dịch là *Tư duy trong thể hiện* của Sylvia Coast do Nhà xuất bản Indiana University ấn hành năm 2006, cũng đề cập đến sự kết hợp giữa Thanh nhạc và Piano trong quá trình tiếp cận một tác phẩm mới, đó là cần phải luyện tai nghe bằng cách hát các bè để nắm vững tác phẩm, để xử lý từng câu nhạc khi đàn có cảm xúc, tinh tế như khi hát. Đây chính là yêu cầu, nhiệm vụ mà học viên phải thực hiện trong quá trình tiếp cận một tác phẩm âm nhạc bởi vì người học cần phải biết những gì mình sẽ đàn; ngoài ra, việc chơi trên đàn những giai điệu đã quen thuộc với tai nghe sẽ tạo được hứng thú cho người học, làm cho

việc “khai phá” tác phẩm trở nên dễ dàng hơn đặc biệt trong giai đoạn bắt đầu học đàn.

Trở lại vấn đề bổ sung các tác phẩm Thanh nhạc kinh điển nước ngoài vào chương trình giảng dạy, thiết nghĩ cũng cần đưa vào giáo trình các ca khúc Việt Nam có phần đệm Piano hoặc các chuyển soạn cho đàn Piano các sáng tác nổi tiếng của nhạc sỹ Việt Nam viết cho Thanh nhạc qua các thời kỳ. Thông qua việc thể hiện các tác phẩm Thanh nhạc Việt Nam trên Piano, người học sẽ có được những gợi ý trong việc lựa chọn âm hình bè đệm phù hợp với tính chất âm nhạc dân tộc trong quá trình đệm hát trên cơ sở thể hiện tính biểu cảm cao.

Ví dụ 10: Nguyễn Đình Thi, *Người Hà Nội*, nhịp 14 đến 18

NGƯỜI HÀ NỘI

Nhạc & lời: Nguyễn Đình Thi

The musical score for "Người Hà Nội" is presented in two systems. The first system shows the vocal melody and piano accompaniment for the lyrics "Hà Nội đẹp sao! Ôi nước hò". The second system continues with "Gươm xanh thắm lòng. Bóng Tháp Rùa". The piano accompaniment consists of a rhythmic pattern of eighth notes in the right hand and a more complex bass line in the left hand, providing a steady accompaniment for the vocal line.

Để đáp ứng cho công việc luyện thanh và định vị âm chuẩn cho các đối tượng học Thanh nhạc, giảng viên Piano phổ thông cần tăng cường **các bài luyện Gam và Etude** trong chương trình giảng dạy. Thông qua việc thường xuyên luyện Gam, kỹ thuật ngón bấm của người học được phát triển liên tục tạo được sự phát triển đồng

đều các yếu tố để làm nên chất lượng âm thanh. Kỹ thuật Gam không chỉ giúp cho việc nâng cao chất lượng âm thanh, mà còn gắn với rèn luyện tai nghe, xác định tốt cao độ âm chuẩn, trường độ, tiết tấu, nhịp, tốc độ, sắc thái, góp phần phát triển khả năng thể hiện cảm xúc âm nhạc của người học.

Tuy nhiên trong quá trình tập luyện, không nhất thiết phải đàn đủ các dạng kỹ thuật khác nhau (không cần phải đàn đủ các dạng: cách quãng 3 hay quãng 6 mà có thể chỉ đàn một dạng cách quãng 8) và không cần phải đàn ở tốc độ nhanh mà yêu cầu ở đây là phải đàn chuẩn xác, nắm vững kỹ thuật chạy ngón để có thể tự luyện tập. Để hỗ trợ cho dịch giọng 1/2 cung trong luyện thanh trên đàn, cần phải làm quen với các Gam có đầy đủ dấu hóa.

Cùng với Gam, Etude cũng là một thể loại có ý nghĩa quan trọng trong việc giải quyết những vấn đề về kỹ thuật. Thông qua luyện Gam và Etude, những kỹ thuật diễn tấu cơ bản được đặt nền móng vững chắc (ví dụ 11 - Phụ lục 1.10. *Gam C major*)

Ngoài giờ lên lớp trang bị kỹ năng chơi Piano, cần phải có giờ học thị tấu riêng; tăng cường rèn luyện **thị tấu đơn giản** trong nội dung giảng dạy. Giảng viên cần hướng dẫn cho người học cách thức nghiên cứu, phân tích kỹ tác phẩm trước khi thể hiện; tìm ra được những đoạn giống nhau trong tác phẩm cũng như tìm được cách khắc phục những vấn đề về kỹ thuật... Ngoài ra, để đáp ứng cho đặc thù chuyên ngành Thanh nhạc, người học phải được rèn luyện các kỹ năng để có thể dịch giọng một cung và nửa cung.

Bổ sung **môn Opera – Clavir** vào chương trình đào tạo nhằm trang bị những kỹ năng cần thiết để học viên có thể tự chơi trên đàn Piano từng trích đoạn Opera. Môn học này còn khá mới mẻ đối với các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp trong nước nhưng lại rất cần thiết đối với bất cứ ai học Thanh nhạc. Việc thể hiện trên đàn Piano các Aria trích từ các vở nhạc kịch sẽ giúp người học có được một cái nhìn tổng thể về tính chất âm nhạc cũng như giá trị nghệ thuật của tác phẩm, hiểu được các nhân vật; điều này sẽ rất có ích, giúp cho việc thể hiện và xử lý tác phẩm

đạt hiệu quả. Ngoài ra, các tác phẩm Opera được chuyển soạn lại cho đàn Piano cũng rất hữu ích trong quá trình tập luyện của các ca sĩ (giúp cho việc nắm vững được các bè của các nhân vật và phần đệm của dàn nhạc).

Thực tế đào tạo hiện nay tại các trường âm nhạc chuyên nghiệp là phần lớn người học chưa phát huy được những gì đã học để phục vụ cho học tập. Chẳng hạn như người học chuyên ngành Sáng tác hiếm khi viết được tác phẩm cho đàn Piano đạt hiệu quả cao, phần lớn vẫn còn rất lúng túng trong việc lựa chọn âm hình bè đệm cho phù hợp với giai điệu. Người học chuyên ngành Thanh nhạc không thể tự đệm hát...

Xuất phát từ lý do trên, chúng tôi có suy nghĩ là nên đưa học phần về **Phương pháp đệm** vào chương trình giảng dạy (chủ yếu là dành cho các đối tượng học Thanh nhạc). Với mục đích là giới thiệu kỹ năng đệm đàn một cách khái quát, mục tiêu hướng đến của học phần là tạo cơ hội cho học viên được làm quen với một số thể loại tác phẩm Thanh nhạc kinh điển nước ngoài thời kỳ Cổ điển và Lãng mạn (các romance, aria đơn giản của V.A.Mozart, L.V.Beethoven, F.Schubert, R.Schumann, F.Chopin, F.Mendelssohn, P.Tchaikovsky, M.Glinka...); hiểu được sự kết hợp giữa phần bè Piano và giai điệu chính để có thể đảm đương được phần đệm Piano của tác phẩm trong quá trình luyện tập.

Ví dụ 12: F.Schubert, *Tauschung*, nhịp 1 đến 10

SỰ LỰA DỜI Tauschung

Etwas geschwind F. Schubert

6

Thông qua học phần này, người học cũng sẽ được làm quen với phần đệm các ca khúc của nhạc sĩ Việt Nam; được trang bị những kiến thức cơ bản về cách đệm hát để có thể tự soạn phần đệm đơn giản cho những ca khúc Việt Nam không có phần đệm Piano (không yêu cầu người học phải đệm hay nhưng phải biết chọn hòa thanh và facture âm hình đệm phù hợp).

Học phần này có thể xem như là một gợi ý có tính hỗ trợ và tham khảo với mục đích làm cho việc học tập môn Piano phổ thông có ý nghĩa thực tiễn, gắn với yêu cầu thực tế của từng chuyên ngành. Sau khi học sinh đã học qua những kỹ thuật cơ bản về cách chơi đàn Piano, bắt đầu khoảng từ năm thứ 3 của bậc trung cấp trở đi nên được học về cách soạn đệm.

Để thực hiện được công việc này đòi hỏi phải biên soạn, nghiên cứu một chương trình giảng dạy riêng. Trước tiên cần phân biệt rõ có 2 dạng đệm đàn:

Thứ nhất là đệm cho đàn hoặc hát theo đúng nghĩa chính thống, sử dụng phần đệm có sẵn của nhạc sĩ sáng tác. Với dạng này người học chỉ cần có trình độ kỹ thuật tay đàn trong một chừng mực nhất định, thích ứng với yêu cầu đòi hỏi của tác phẩm cần đệm là có thể làm quen và xử lý được. Trong quá trình học, người học có thể làm quen với dạng này qua các giờ hòa tấu.

Dạng thứ hai là đệm đàn mà không có phần đệm viết sẵn, thực tế là phần lớn các tác phẩm Thanh nhạc của các nhạc sĩ Việt Nam đang được sử dụng trong chương trình đào tạo không có phần đệm Piano. Vì vậy, có kỹ năng đệm đàn tốt sẽ làm tăng giá trị nghệ thuật của tác phẩm, tạo được xúc cảm cho người hát. Tuy nhiên, đây lại là công việc phức tạp mà học viên chưa từng được làm quen. Công việc này đòi hỏi người đệm đàn ngoài khả năng kỹ thuật tay đàn của mình còn phải sử dụng đến kiến thức hòa thanh kết hợp với những tìm tòi sáng tạo của bản thân.

Hiện nay HSSV Thanh nhạc đã được học kỹ thuật đàn Piano, được học về hòa thanh. Vì vậy, mục đích của giáo trình là cần xây dựng những hướng dẫn để người học biết kết hợp những yếu tố đó (từ cách phối âm cho đến việc lựa chọn được âm

hình phần đệm phù hợp với tính chất âm nhạc trong từng tác phẩm), đưa ra những gợi ý để trên cơ sở đó người học có những sáng tạo riêng trong công việc đệm đàn.

Sự trợ giúp của cây đàn Piano – một nhạc cụ cổ điển rất phong phú và sinh động trong khả năng thể hiện và diễn tấu với một âm vực rộng, đã góp phần đáng kể trong việc tạo ra những âm hình bè đệm. Âm hình đệm giúp cho giai điệu nổi bật lên, làm sáng tỏ nội dung và tính chất âm nhạc, đồng thời làm cho việc biểu diễn giai điệu được dễ dàng hơn:

- Giai điệu mang tính chất vũ khúc và trữ tình (Valse) thì phần âm hình đệm phải làm rõ nhịp điệu $\frac{3}{4}$ (tức là trong 1 ô nhịp gồm có 1 phách mạnh và 2 phách yếu. Phần đệm phải phụ họa đúng công năng hòa thanh, bám sát giai điệu.

Ví dụ 13: F.Chopin, *Ước vọng*, nhịp 1 đến 8

Ước vọng

Allegro ma non troppo F. Chopin

Figuration melodique

- Nhưng cũng với giai điệu được viết ở nhịp $\frac{3}{4}$, có thể sử dụng âm hình bè đệm khác nhằm tạo sự thay đổi về sắc thái và tính chất âm nhạc. Ở ví dụ 14, giai điệu dàn trải, tình cảm thiết tha nên tiết tấu bè đệm đã có sự thay đổi để phù hợp với tính chất âm nhạc, thể hiện được tính biểu cảm cao.

Ví dụ 14: J.Brahms, *Love song*, nhịp 1 đến 10

LOVE SONG

MINNELIED

J. BRAHMS

With much tenderness but not too slowly

Wood-land

birds soweetly_ call, When mylove - is near - ing, she who holds my heart in

Một dạng khác của sự thay đổi âm hình đệm (giai điệu vẫn ở nhịp $\frac{3}{4}$) – sắp xếp hợp âm theo chiều dọc của nốt giai điệu (hợp âm “cột đèn”), lối tiên hành này thường được sử dụng minh họa cho giai điệu có tính chất ngâm ngợi, trang nghiêm và huy hoàng.

Ví dụ 15: F.Liszt, *Dear love, thou'rt like a blossom*, nhịp 1 đến 11

DEAR LOVE, THOU'RT LIKE A BLOSSOM

F. LISZT

Adagio

Dear

pp

una corda

ppp

love, thou'rt like a blos som, so fair and sweet and pure!

Tuy nhiên, không phải nhịp $\frac{3}{4}$ luôn được các nhạc sĩ sử dụng để thể hiện nét nhạc mang tính vũ khúc, du dương, trữ tình hoặc chậm rãi, ngọt ngào...mà trong một số trường hợp còn thể hiện tính chất âm nhạc kịch tính, cao trào, dồn dập, vì vậy âm hình bè đệm cũng có sự biến hóa tương ứng.

Ví dụ 16: Ciro Pinsuti, *Bedouin love song*, nhịp 6 đến 11

BEDOUIN LOVE SONG

CIRO PINSUTI

Allegretto, moderato. assai

From the desert I come to thee On my

A - rab shod with fire,

f risoluto

p

Như vậy, các cách thể hiện phần đệm khác nhau phải phù hợp với sắc thái âm nhạc và nội dung của tác phẩm trên cơ sở không làm thay đổi tính chất của giai điệu mà chỉ làm sáng tỏ thêm nội dung giai điệu.

Một số tác phẩm Việt Nam như các bài dân ca được chuyển soạn lại cho đàn Piano trong giáo trình *Phương pháp học đàn Piano* do NGND Thái Thị Liên làm chủ biên và *Tuyển tập các tác phẩm Việt Nam* do Nhà xuất bản Văn hóa ấn hành cũng là những gợi ý hết sức bổ ích đối với người học về cách thức tư duy về bè đệm các tác phẩm Việt Nam. Từ những tài liệu này mà người học sẽ được trang bị thêm những kiến thức về cách đệm đàn, cách lựa chọn âm hình thích hợp cho bè đệm, cách đặt hợp âm sao cho phù hợp về mặt logic, tạo được hiệu quả cao.

Ví dụ 17: Thái Thị Liên, *Trống cơm*, nhịp 1 đến 7

TRỐNG CƠM

Dân ca Quan họ Bắc Ninh

Tempo giuste THÁI THỊ LIÊN

Công việc soạn đệm đòi hỏi khả năng sáng tạo của người học rất nhiều, nó không có một khuôn mẫu nhất định và đòi hỏi ở người đệm phải có một phần tư duy sáng tạo. Với thời gian học tập không nhiều, mục đích của giáo trình là giới thiệu một cách khái quát những kỹ năng ban đầu của việc đệm đàn, đưa ra những hướng dẫn thật căn bản, những kỹ năng tối thiểu mở đường cho những sáng tạo về cách thức đệm đàn, tạo cho người học những tư duy cần thiết khi thể hiện phần đệm cho một tác phẩm, hướng dẫn cho người học cách thức đệm Piano một số ca khúc đơn giản.

Trong giảng dạy có thể kết hợp lên lớp theo từng nhóm từ 4 đến 5 học viên để người học có cơ hội quan sát học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau (chẳng hạn như từ một giai điệu cho sẵn, giảng viên sẽ giới thiệu các cách đệm khác nhau và học viên có nhiệm vụ thảo luận, lựa chọn cách đệm phù hợp nhất hoặc cũng có thể trình bày một cách đệm khác trên cơ sở bảo đảm minh họa đúng tính chất âm nhạc của giai điệu đó). Chúng tôi tin rằng nội dung của học phần này là cần thiết, có tác dụng hỗ trợ rất nhiều cho quá trình học tập vào chuyên ngành của người học.

3.2.3. Đối với các nhạc cụ Giao hưởng

a/ Mục tiêu và yêu cầu

Tại các nhạc viện châu Âu, vấn đề trang bị kỹ năng thực hành Piano cho các chuyên ngành thường hướng đến việc đáp ứng cho yêu cầu cụ thể của công việc sau này của người học, chẳng hạn như **phục vụ cho công việc giảng dạy**: giảng viên các chuyên ngành Giao hưởng trong quá trình lên lớp có trình độ Piano khá vững vàng để có thể tự đệm đàn cho học sinh các tác phẩm lớn có phần đệm Piano (Sonata, Concerto...); hoặc **phục vụ cho công việc biểu diễn**: nghệ sĩ solist có kiến thức, cảm nhận tốt về Piano, nắm vững bè đệm để có thể cùng phối hợp làm việc hiệu quả...

Vẫn còn một khoảng cách khá xa về trình độ Piano của người học nếu so sánh giữa đào tạo của các nhạc viện nước ngoài với chương trình giảng dạy của các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp Việt Nam; vì vậy mục tiêu hướng đến của học phần Piano phổ thông ở đây là tạo cơ hội cho học viên các chuyên ngành nhạc cụ Giao hưởng được thực hành kỹ năng Piano nhiều hơn nhằm phục vụ cho các yêu cầu trong học tập cũng như trong công việc sau này:

- Nắm vững phần đệm Piano của các tác phẩm hòa tấu thính phòng
- Biết phân tích trên đàn các facture của phần đệm
- Có những kỹ năng cơ bản về hòa tấu với Piano (biết tự kiểm soát âm lượng giữa các bè một cách hợp lý nhằm đảm bảo cho các bè được thể hiện một cách hài hòa và sinh động, rèn luyện tính trách nhiệm và kỷ luật cao trong làm việc tập thể).

b/ Những nội dung cần bổ sung

Trên cơ sở đặc thù về tính năng của mỗi nhóm nhạc cụ khác nhau, giáo trình giảng dạy cần tăng cường một số thể loại sau:

Phần lớn là các nhạc cụ mang tính đơn bè hoặc có phức điệu nhưng không phức tạp về hình thức vì vậy cần nâng cao tư duy phức điệu. Cho HSSV làm quen với **các tác phẩm Phức điệu** nhằm rèn luyện khả năng nghe các bè độc lập, điều này sẽ giúp cho việc phát triển khả năng phân tích và tổng hợp của trí nhớ.

Chú trọng rèn luyện các hình thức tự soạn bài, thị tấu. Ngoài ra, tăng cường hình thức **hòa tấu 4 tay** vì kỹ năng hòa tấu là một trong những kỹ năng cần thiết cho các chuyên ngành Giao hưởng.

Bổ sung **các tác phẩm có tiết tấu phức tạp** (các thể loại nhạc mang tính ngẫu hứng cao như nhạc Jazz, Blues, Rock, Funk ...) đối với chuyên ngành Gõ.

Ví dụ 22: Arthur Penn, *La Ballade de Bonnie and Clyde*, nhịp 1 đến 5

La Ballade de Bonnie and Clyde

♩ = 100

Musique du film "Bonnie & Clyde"
Réalisé par Arthur Penn en 1967

Thường xuyên luyện tập các thể loại bài tập củng cố kỹ thuật như **Gam, Etude** để nâng cao kỹ thuật chạy ngón, tạo sự linh hoạt các ngón tay (hỗ trợ cho quá trình tập luyện chuyên ngành) và phát triển khả năng xác định âm chuẩn.

Tăng cường **các tác phẩm mang tính hòa tấu thính phòng** nhằm nâng cao xúc cảm và thẩm mỹ nghệ thuật.

Tóm lại, giáo trình giảng dạy môn Piano phổ thông không nhằm mục đích xây dựng các chuẩn mực, tiêu chí đánh giá đối với người học giống như các yêu cầu trong quy trình đào tạo Piano chuyên nghiệp. Mục đích hướng đến của giáo trình là trang bị kỹ năng Piano phù hợp với từng yêu cầu công việc khác nhau; tạo cơ hội cho người học được tiếp cận với nhiều thể loại tác phẩm mang phong cách, trường

Hiện nay việc đổi mới PPGD đang là một đòi hỏi hết sức bức thiết trong công tác đào tạo. Nghị quyết Trung ương Đảng cũng đề cập: “...*phải áp dụng những phương pháp giáo dục hiện đại để bồi dưỡng cho học sinh năng lực tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề*” [22]. Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII tiếp tục đưa ra những phương hướng chỉ đạo: “*Phải đổi mới phương pháp giáo dục đào tạo... Từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến và phương tiện hiện đại vào quá trình dạy học*” [23].

Yêu cầu của xã hội đặt ra cho con người là phải phát huy không ngừng tính năng động, sáng tạo, tích cực, chủ động, tự học hỏi để bắt kịp với yêu cầu phát triển ngày càng cao của đất nước. Việc đổi mới PPDH đòi hỏi giảng viên không ngừng tìm kiếm các PPDH mới, kết hợp khéo léo với các phương pháp truyền thống hiện có trên cơ sở bảo đảm phù hợp với nội dung giảng dạy theo hướng nâng cao năng lực nội sinh của người học, bồi dưỡng phương pháp tự học, tự khám phá để chiếm lĩnh tri thức.

Các hoạt động đổi mới PPDH rất phong phú, đa dạng nhưng nhìn chung diễn ra trên các hướng sau:

- Đổi mới về cách dạy nhằm làm thay đổi tính chất hoạt động nhận thức của người học: *chuyển từ tái hiện sang sáng tạo*. Chú trọng mối quan hệ hợp tác 2 chiều giữa thầy và trò trong dạy học: thầy tổ chức, hướng dẫn, cố vấn, trọng tài còn trò là chủ thể hoạt động.

- Đổi mới cách học thông qua tăng cường hoạt động tự học của người học nhằm tạo sự chuyển biến từ học tập thụ động sang chủ động (tự học). Chú trọng rèn luyện phương pháp học tập cho mọi đối tượng học. Tăng cường mối quan hệ giữa trí tuệ và tâm hồn, giữa tư duy và cảm xúc: dạy học phải tác động vào tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho người học.

Trong quá trình lên lớp giảng viên có thể lựa chọn sử dụng một số phương pháp sau:

3.3.1. Phương pháp qui nạp và suy diễn [24]

Phương pháp quy nạp có nghĩa là đi từ cái riêng (chi tiết) đến nhận thức chung (tổng thể) nội dung của vấn đề nghiên cứu. Trong giờ học việc biểu diễn thị phạm cũng như sự giới thiệu và phân tích của giảng viên về hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, cách thể hiện tác phẩm đó đúng với phong cách sáng tác của tác giả...giúp cho học viên đi từ những cảm nhận riêng lẻ đối với từng tác phẩm âm nhạc cụ thể đến một nhận định chung về đặc điểm sáng tác, phong cách âm nhạc của mỗi thời kỳ, mỗi trường phái, qua đó tìm ra cách giải quyết các vấn đề về kỹ thuật.

Khi sử dụng phương pháp quy nạp, hoạt động của người dạy và người học diễn ra như sau:

Giảng viên	Sinh viên học sinh
<u>Cách 1</u> : Giới thiệu các tài liệu nghe nhìn, biểu diễn thị phạm tác phẩm, thực hành từng đoạn với những yêu cầu về kỹ thuật khác nhau, dần dần dẫn dắt SVHS khái quát hóa, thấu hiểu các khái niệm, hình thành cách giải quyết vấn đề...	Nắm bắt các sự kiện riêng biệt, từ đó rút ra kết luận, khái quát hóa kiến thức...
<u>Cách 2</u> : Đưa ra những tình huống cụ thể, yêu cầu SVHS suy nghĩ độc lập để đi từ những sự kiện riêng đến quan niệm chung và rút ra những kết luận khái quát.	Suy nghĩ từ những sự kiện để rút ra những kết luận khái quát, giải quyết vấn đề đối với một nhiệm vụ cụ thể.

Phương pháp quy nạp là cần thiết và thường được sử dụng khá phổ biến trong quá trình giảng dạy những vấn đề liên quan đến việc hình thành những khái niệm mà nội dung chỉ có thể làm rõ bằng hình thức quy nạp.

Phương pháp suy diễn là đi từ cái chung (tổng thể) đến cái riêng (chi tiết). Ưu điểm của phương pháp này là tạo ra khả năng nắm bắt các kiến thức trong quá

trình lên lớp nhanh chóng hơn, phát triển tư duy trừu tượng tích cực hơn. Khi sử dụng phương pháp suy diễn, hoạt động của người dạy và người học diễn ra như sau:

Giảng viên	Sinh viên học sinh
Trình bày những khái niệm, nhận định, quy luật chung, từ đó dần dần rút ra cách giải quyết trong những vấn đề khác nhau, những trường hợp riêng biệt và trong mỗi một nhiệm vụ cụ thể.	Lĩnh hội những khái niệm, quy luật chung sau đó mới nắm bắt các hệ quả rút ra từ chúng.

Để áp dụng có hiệu quả phương pháp này vào quá trình giảng dạy, giảng viên có thể thông qua những nguồn tư liệu nghe nhìn để giới thiệu những đặc điểm chung nhất, nổi bật nhất của một vấn đề cụ thể (đặc điểm sáng tác của một giai đoạn, yêu cầu kỹ thuật chung của một thể loại, phong cách thể hiện tác phẩm của mỗi thời kỳ âm nhạc...), và trên cơ sở đó người học sẽ có những tìm tòi, nghiên cứu và sáng tạo để rút ra những nhận định trong từng trường hợp cụ thể.

** Những điểm cần chú ý:*

Hạn chế của phương pháp quy nạp là nó đòi hỏi nhiều thời gian khi tiếp cận một vấn đề mới; ít có khả năng phát triển tư duy trừu tượng bởi vì chủ yếu dựa vào kết quả đã có sẵn.

Mỗi một phương pháp đều có thế mạnh riêng và không thể áp dụng cứng nhắc trong mọi trường hợp; trong quá trình dạy học cần có sự phối hợp một cách hợp lý giữa phương pháp quy nạp và phương pháp suy diễn nhằm tạo được hiệu quả cao nhất.

3.3.2. Các phương pháp kích thích hoạt động học tập của người học

"Khi nghiên cứu nhiều mặt về cấu trúc hoạt động của con người, các nhà khoa học luôn nhấn mạnh đến sự cần thiết phải có yếu tố động cơ. Một hoạt động bất kỳ

chỉ có chất lượng và hiệu quả nếu con người có một động cơ rõ ràng, mạnh mẽ và sâu sắc, khơi dậy khát vọng hoạt động tích cực, sẵn sàng hiến dâng toàn bộ sức lực, vượt qua mọi trở ngại để tiến tới mục đích..." [24; 50]. Các phương pháp kích thích có thể phân làm 2 nhóm:

Phương pháp hình thành hứng thú nhân thức được thể hiện thông qua các bước: *xúc cảm* đối với hoạt động; *có nhận thức* đối với xúc cảm này. Như vậy có thể nói rằng trong quá trình dạy học, điều quan trọng là phải làm phát sinh những xúc cảm lành mạnh đối với hoạt động học tập.

Phương pháp tạo ra sự thành công trong học tập: "*Một trong những phương pháp hiện đại nhằm kích thích hứng thú học tập là tạo ra sự thành công trong học tập đối với những học sinh yếu kém*" [25; 53]. Nếu không có những thành công trong hiện tại thì khó có thể vượt qua mọi trở ngại để đi đến thành công trong tương lai.

Để làm được điều này, trong quá trình lên lớp, giảng viên phải biết cách sử dụng các phương pháp một cách khéo léo nhằm tạo ra những *xúc cảm định hướng*; chẳng hạn như thường xuyên đàn mẫu cho học viên nghe (theo cách đánh giá của các nhà chuyên môn: thị phạm là con đường ngắn nhất đưa người học đến với tác phẩm, gợi mở sự hình dung về tác phẩm), kết hợp với giảng giải và phân tích về nội dung, cấu trúc, hình thức, cách xử lý về kỹ thuật, cách phân câu, phân đoạn khi thể hiện một ý nhạc; giới thiệu và định hướng những tài liệu đọc, nghe, nhìn cần tham khảo. Điều này sẽ giúp cho người học cảm nhận tác phẩm một cách sâu sắc nhất, hình thành xúc cảm nghệ thuật khi tiếp cận tác phẩm.

Để tạo được niềm vui, sự hứng thú trong học tập đối với những trường hợp hạn chế về năng lực, giảng viên nên chọn các bài tập vừa sức và có tính biểu cảm cao nhằm tạo sự hấp dẫn và lôi cuốn người học đồng thời không làm nản chí trong quá trình tập luyện. Điều quan trọng nhất là giảng viên phải luôn động viên, khích lệ trước mọi nỗ lực dù rất nhỏ bé của người học; thường xuyên hướng dẫn, gợi ý cách thức giải quyết vấn đề để người học có thể tiến hành làm việc độc lập.

** Những điểm cần chú ý:*

Tuy nhiên, giảng viên phải biết sử dụng các biện pháp hỗ trợ (các nguồn tư liệu nghe nhìn DVD, CD...) một cách hợp lý với mục đích bước đầu giúp người học có được sự hình dung về tác phẩm, hiểu được các yêu cầu trong xử lý đúng với phong cách và thể loại. Vì nếu lạm dụng quá mức cho phép hoặc là sẽ làm mất đi khả năng sáng tạo của người học, hoặc là sẽ gây ra sự nản chí do trình độ và khả năng tay đàn không đáp ứng kịp với mong muốn.

3.3.3. Phương pháp kích thích nghĩa vụ và trách nhiệm học tập

Quá trình dạy học không chỉ dựa vào hứng thú nhận thức mà còn dựa vào nhiều yếu tố khác, trong đó nghĩa vụ và trách nhiệm của SVHS đối với vấn đề học tập có ý nghĩa đặc biệt. Ý nghĩa về nghĩa vụ và trách nhiệm được hình thành trên cơ sở sử dụng nhiều biện pháp khác nhau.

Xác định nhu cầu và động cơ kích thích hứng thú học tập: Việc làm đầu tiên nhằm khởi phát hoạt động tự học là người học phải làm sao tự kích thích, động viên mình, làm cho mình tự cảm thấy cần thiết và hứng thú bắt tay vào việc học thông qua việc xác định ý nghĩa quan trọng của vấn đề nghiên cứu, khơi gợi tinh thần trách nhiệm đối với công việc, hứng thú đối với nội dung vấn đề và xây dựng phương pháp làm việc.

Cụ thể như trong quá trình lên lớp, giảng viên trước hết phải phân tích cho người học thấy được ý nghĩa quan trọng, mục đích của việc học tập; phân tích những lợi ích gì sẽ thu được nếu duy trì một thái độ học nghiêm túc; đưa ra những yêu cầu, nhiệm vụ để cụ thể hóa nghĩa vụ của người học và giao cho họ thực hiện những yêu cầu đó; khen thưởng khi họ hoàn thành nhiệm vụ; kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ được giao và chỉ ra những khuyết điểm, sai lầm khi cần thiết.

Những biện pháp này giúp các đối tượng học vượt qua mọi khó khăn và cảm nhận được niềm vui thành công trong học tập. Học đàn Piano đòi hỏi sự nỗ lực và bền bỉ trong luyện tập, do đó vấn đề giúp cho người học ý thức được nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong học tập, mà cụ thể ở đây là nhận thức được sự cần thiết

và tác dụng hỗ trợ rất lớn của đàn Piano đối với các ngành học cũng như đối với việc phát triển tư duy, cảm xúc âm nhạc là vô cùng cần thiết. Điều này sẽ giúp học viên có động cơ học tập tích cực và lâu bền.

** Những điểm cần chú ý:*

Cần khen đúng mức tránh cho HSSV tính chủ quan cũng như phê bình, góp ý đúng mực trên tinh thần động viên, khích lệ người học trong mọi tình huống, mọi hoàn cảnh; tránh có những nhận định thành kiến, chủ quan gây ra những tác động tiêu cực đối với tâm lý học viên (không tin tưởng vào năng lực của bản thân...). Ngoài ra, giảng viên phải đưa ra những yêu cầu phù hợp với khả năng, điều kiện thực tế của học viên để họ có đủ khả năng thực hiện những nhiệm vụ đó.

3.3.4. Phương pháp học theo nhóm

Một số nhà giáo dục âm nhạc cho rằng trong lĩnh vực âm nhạc, hình thức lên lớp tốt nhất là *một thầy, một trò* bởi vì một khi thầy giáo hiểu rõ đối tượng thì sẽ xác định được chính xác nội dung và PPDH. Quá trình dạy học sẽ diễn ra tích cực và liên tục nên bảo đảm được tính hiệu quả. Điều đó có những mặt đúng, có những thế mạnh và lâu nay vẫn được sử dụng. Tuy nhiên, tùy theo từng trường hợp nên có sự kết hợp với những PPDH khác để giờ lên lớp đạt được kết quả cao nhất.

Theo quan điểm của lý luận dạy học hiện đại, những cảm xúc, những kinh nghiệm đa dạng và phong phú thường nảy sinh trong quá trình giao tiếp giữa những người học với nhau vì vậy, việc tổ chức học nhóm là hết sức quan trọng.

Dạy học theo nhóm (cần phải hiểu ở đây không phải dạy theo hình thức tập thể, mà là lên lớp cá nhân trước một nhóm để có sự quan sát, đóng góp ý kiến, học không thụ động) là một dạng của phương pháp dạy học tích cực. Khi dạy học theo nhóm các hoạt động riêng lẻ của từng cá nhân người học được tổ chức lại và liên kết với nhau trong hoạt động chung nhằm thực hiện các nhiệm vụ học tập. Hoạt động này sẽ giúp người học lĩnh hội được tri thức một cách tốt nhất:

- Giúp cho việc hệ thống hóa và vận dụng kiến thức, làm cho trí nhớ được lâu bền.

- Giúp nâng cao kỹ năng giải quyết vấn đề.

- Giúp nâng cao kỹ năng nghe, phân tích, đánh giá.

- Giúp phát triển tư duy mạch lạc.

Trong quá trình lên lớp, giảng viên có thể sử dụng phương pháp này thông qua hình thức bố trí một nhóm nhỏ từ 5 - 7 người cùng tham gia trong giờ học và cùng trải qua các hoạt động:

- Quan sát từng thành viên trong nhóm lần lượt thực hiện các nhiệm vụ do giảng viên yêu cầu như chơi trên đàn một đoạn nhạc hoặc một phần bài tập để giải quyết một số vấn đề kỹ thuật cụ thể;

- Lắng nghe những đánh giá góp ý của giảng viên (giảng viên thể hiện lại tác phẩm đó hoặc phân tích những chỗ cần điều chỉnh trên đàn, giảng viên cũng có thể giới thiệu tác phẩm đó qua các nguồn tài liệu nghe nhìn khác để mọi người tham khảo);

- Mọi thành viên trong nhóm đều tham gia đóng góp ý kiến; qua đó nhu cầu khám phá, tìm tòi và sáng tạo của học viên được nảy sinh rất hữu ích cho việc lĩnh hội những tri thức mới. Trước một vấn đề mới, học viên nảy sinh nhu cầu cùng hợp tác trao đổi với các thành viên trong nhóm để tìm ra cách giải quyết (so sánh và lựa chọn để tìm được cách thể hiện phù hợp nhất...).

Học viên không thụ động tiếp nhận kiến thức mà có sự trao đổi qua lại với giảng viên, tiếp nhận những phân tích, tổng hợp kiến thức và định hướng của giảng viên để qua đó mỗi thành viên trong nhóm tự đánh giá, kiểm tra và điều chỉnh công việc của mình. Theo quan điểm của lý luận dạy học hiện đại, *"quá trình trao đổi trong học hợp tác nhóm đã làm tăng khả năng khám phá và phát triển các thao tác tư duy trong quá trình nhận thức... Sự trao đổi giữa các thành viên sẽ tạo điều kiện cho các thông tin được xuất hiện nhiều lần, được nói ra, được giải thích, được tích*

hợp và được cung cấp hợp tác. Những thông tin được nhắc đi nhắc lại nhiều lần sẽ được lưu giữ lâu trong trí nhớ dài hạn..." [24; 412].

** Các điểm cần chú ý:*

Cần lưu ý là không nên nhầm lẫn giữa hình thức học theo nhóm với hình thức *master class* hiện đang được áp dụng khá phổ biến tại các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp trên cả nước. *Master class* cũng diễn ra dưới dạng học theo nhóm nhưng ở trình độ *nâng cao* - là một khóa học bồi dưỡng trình độ, mở rộng kiến thức, học liên tục trong một thời gian ngắn (do giảng viên là những nhà sư phạm có uy tín nên đòi hỏi các đối tượng học phải được chọn lọc và phải có một trình độ chuyên môn khá vững vàng, đồng đều mới có thể theo kịp tiến độ học).

Tuy nhiên, phương pháp học theo nhóm không phải là sự lựa chọn duy nhất trong quá trình tìm kiếm các PPGD tích cực. Trong đào tạo nghệ thuật âm nhạc, **PPGD truyền thống một thầy một trò trong lên lớp chuyên ngành vẫn giữ nguyên giá trị, khó có thể thay đổi.** Vì vậy, chỉ có thể sử dụng phương pháp học theo nhóm trong những trường hợp nhất định, chẳng hạn như khi giảng viên muốn giới thiệu một vấn đề mới, muốn tạo được sự hứng thú trong học tập, muốn kiểm tra đánh giá năng lực chung của lớp một cách nhanh chóng, hoặc rèn luyện một kỹ năng nào đó cho người học...

3.3.6. Phương pháp dạy học hướng vào người học (Learner centered teaching)

Dạy học hướng vào người học hay còn gọi là *lấy học sinh làm trung tâm* là một tư tưởng giáo dục hiện đại, cần nghiên cứu và áp dụng, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi nhu cầu người học đang phát triển rất đa dạng để đáp ứng những đòi hỏi nhiều mặt của đời sống hiện đại, khi mà thông tin thường chỉ vận động theo một chiều từ thầy đến trò và việc phát huy tính tích cực hoạt động, chủ động, sáng tạo, tính phản biện của người học còn chưa được chú ý đúng mức. Theo quan điểm dạy học hiện đại này, người thầy không chỉ truyền thụ kiến thức mà còn phải biết hướng dẫn, điều chỉnh để giúp cho học viên có thể học tập một cách chủ động và sáng tạo.

“...khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện thành nếp tư duy sáng tạo của người học” [25]. Nội dung của tư tưởng hướng vào người học có thể cụ thể hóa như sau:

- Chú ý đến nhu cầu, nguyện vọng của người học
- Chú ý đến kinh nghiệm và trình độ kiến thức hiện có của người học
- Chú ý đến khả năng và điều kiện làm việc cụ thể
- Tìm mọi biện pháp và hình thức khác nhau để kích thích hứng thú, tính tích cực nhận thức của người học
- Tìm cách làm cho người học ít suy nghĩ, hoạt động nhận thức độc lập.
- Thường xuyên kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của học viên.
- Phát huy sức mạnh ý chí của người học bằng nhiều biện pháp khác nhau [24;108]

Phương pháp lấy người học làm trung tâm là sự chuyển dịch trọng tâm từ những gì giảng viên làm tới những gì học viên có thể làm do tác động của các hành động của họ. Phương pháp này chuyển hóa đối tượng học từ một người tiếp nhận thông tin một cách bị động thành một thành viên tích cực trong quá trình học. Với sự hướng dẫn của giảng viên, học viên sẽ tạo dựng kiến thức của mình một cách chủ động, hơn là chỉ tiếp thu kiến thức một cách máy móc từ người dạy.

Quá trình giảng dạy chỉ thật sự có hiệu quả khi chúng ta phát huy được tính tích cực, chủ động và sáng tạo của người học:

- Giảng viên cần khuyến khích học viên đặt ra các câu hỏi với những vấn đề muốn được khám phá, tìm hiểu. Giảng viên có thể chỉ gợi ý giúp cho học viên tự tìm ra hướng giải quyết, tạo cho họ thói quen chủ động trong học hành tập luyện.
- Chú trọng nhiều đến việc hướng dẫn, gợi mở, tạo cho người học ý thức làm việc độc lập, tạo cho người học sự tích cực tư duy, hình thành thói quen nghiên cứu, phân tích trước khi bắt tay vào thực hiện bất kỳ một bài tập nào.

Mục đích chủ yếu của việc rèn luyện khả năng phân tích là hình thành ở người học thói quen tìm hiểu sự vật có chiều sâu (hiểu được tinh thần tác phẩm, những yêu cầu về kỹ thuật...) để tìm ra cách giải quyết hiệu quả. *"Hoạt động trí tuệ của người học bao gồm những thao tác tư duy và hành động thực hành; sự phát triển tính trí tuệ của tư duy là nền tảng của toàn bộ hoạt động của người học..."* [3; 69]

Để giúp đỡ người học trong làm việc độc lập, giảng viên cần trang bị cho họ cách thức tiến hành hoạt động này, cụ thể là:

- Lập kế hoạch (bố trí, sắp xếp công việc, phân phối thời gian cho từng công việc và mức độ phải hoàn thành)

- Xây dựng các nhiệm vụ phải thực hiện
- Lựa chọn cách giải quyết hiệu quả nhất
- Tự kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ
- Đánh giá kết quả đã thực hiện được
- Phát hiện và tìm ra cách khắc phục những tồn tại, hạn chế

Về phía người học, để có thể làm việc có hiệu quả cần phải:

- Rèn luyện cách làm việc độc lập (có khả năng phân tích, nghiên cứu và vận dụng những kiến thức đã biết vào quá trình tập luyện)
- Có phương pháp và kỹ năng tự học, tự tập luyện
- Có ý thức học tập bền bỉ, không nản chí
- Bảo đảm điều kiện làm việc độc lập (thời gian, phòng tập, tài liệu hỗ trợ...)

Giảng viên có thể giúp học viên phát triển các quá trình tư duy của mình bằng cách giao nhiệm vụ cho học viên làm việc độc lập với từng bài tập cụ thể từ việc tìm hiểu, đánh giá một tác phẩm (về nội dung tư tưởng cần chuyển tải, phương thức thể hiện, thủ pháp sáng tác, hình tượng âm nhạc...), tìm được cách giải quyết những vấn đề kỹ thuật. Giảng viên cũng có thể khuyến khích học viên linh hoạt hơn

trong cách tiếp cận một bài tập, để nếu như một phương pháp này không hiệu quả, họ có thể thử các phương pháp khác. Bởi vì với thời gian được học đàn Piano là không nhiều (1 tiết/tuần), khi đã có thói quen làm việc độc lập người học có thể chủ động trong vấn đề tự học và tập luyện, tự tìm ra phương án giải quyết.

Qua thực tế giảng dạy chúng tôi thấy rằng nên có sự kết hợp khéo léo giữa phương pháp *giảng dạy truyền thống* với phương pháp *lấy học sinh làm trung tâm* để tạo được hiệu quả tích cực đối với người học, đặc biệt là với những đối tượng học lớn tuổi. Vấn đề này đã được chúng tôi tiến hành thử nghiệm trong quá trình giảng dạy môn Piano phổ thông cho sinh viên lớp Đại học các chuyên ngành Sáng tác, Lý luận năm thứ 3 tại Học viện Âm nhạc Huế và đã thu được những kết quả tích cực. Từ trước đến nay quy trình giảng dạy thường nặng về truyền kiến thức, áp đặt theo kiểu một chiều (giảng viên giao bài, đàn mẫu, chỉ dẫn những vấn đề về kỹ thuật; người học thụ động tiếp nhận thông tin và thực hiện nhiệm vụ được giao, quá trình hoàn thành một tác phẩm thường mất khá nhiều thời gian) mà chưa tạo được cơ hội cho người học thể hiện tính phản biện trong giờ lên lớp. Vì không chủ động tìm hiểu và nghiên cứu bài học, học viên không cảm thấy hứng thú trong quá trình tập luyện và thường bỏ qua những vấn đề kỹ thuật mà giảng viên đã hướng dẫn khi giao bài.

Để khắc phục tình trạng này, chúng tôi đã thử thay đổi tiến trình lên lớp: trước tiên, giảng viên yêu cầu sinh viên nghiên cứu tác phẩm sẽ học, thu thập các thông tin cần thiết về tác giả, tác phẩm, chủ động đề xuất những giải pháp xử lý các vấn đề kỹ thuật của tác phẩm (trong khả năng có thể của mình) và trình bày những gì đã chuẩn bị trong giờ lên lớp kế tiếp. Giảng viên lắng nghe và bổ sung nếu phần trình bày chưa hoàn chỉnh; thảo luận với sinh viên về cách xử lý các vấn đề kỹ thuật để tìm ra phương án khả thi nhất phù hợp với khả năng của người học.

Để hoàn thành nhiệm vụ được giao, sinh viên bắt buộc phải nghiên cứu các nguồn tài liệu, nghe và xem trước phần trình bày của tác phẩm; qua đó sinh viên nắm vững về những gì sẽ phải thể hiện, cảm nhận được toàn bộ tác phẩm. Việc hình

dung trước những gì sẽ chơi là rất có ích trong quá trình tập luyện; điều này sẽ rút ngắn thời gian tập so với trước đây và làm tăng độ bền của việc lưu giữ tác phẩm trong trí nhớ. Việc chủ động tham gia vào quá trình lên lớp đã gây được những hứng thú trong học tập cũng như động viên, phát huy được khả năng làm việc độc lập của sinh viên.

Để hỗ trợ cho người học trong quá trình xây dựng phương án giải quyết các vấn đề, giảng viên có thể đưa ra câu hỏi phù hợp. Thông qua các câu hỏi, giảng viên đánh giá được mức độ nắm vững kiến thức của người học, khuyến khích họ tư duy trước khi luyện tập, đồng thời tạo ra định hướng đối với nội dung bài học. Việc yêu cầu người học phải đưa ra ý kiến cá nhân sẽ giúp cho giảng viên ngăn ngừa sự bất chước máy móc (không chịu khó tìm tòi suy nghĩ) của học viên. Câu hỏi với “kết mở” – có nhiều đáp án trả lời sẽ đòi hỏi người học xây dựng quan điểm cá nhân và đưa ra quyết định có tính thuyết phục. Đối với những trường hợp chưa thể hiện bài đúng với yêu cầu, thay vì chỉ trích người học, giảng viên nên đặt ra câu hỏi nhằm hướng người học tự thấy được thiếu sót của bản thân và tìm ra cách khắc phục.

Chìa khóa thành công trong giảng dạy đó là tạo cho người học tư duy trong thực hiện nhiệm vụ của mình.

Tuy nhiên, chúng tôi mới chỉ thử nghiệm phương pháp này đối với các lớp Đại học chuyên ngành Sáng tác, Lý luận (đã có một trình độ kiến thức nền tảng tương đối vững và có một trình độ Piano nhất định vì đây là những điều kiện cần thiết hỗ trợ cho quá trình làm việc độc lập); để có thể áp dụng rộng rãi cho mọi đối tượng học thiết nghĩ cần có sự nghiên cứu và phối hợp với một số phương pháp giảng dạy khác để tạo được hiệu quả tích cực.

Trong ví dụ dưới đây (tác phẩm *Le Tambourin* của Jean Philippe Rameau), để giúp cho quá trình tập luyện có hiệu quả, trước tiên giảng viên yêu cầu người học tìm hiểu về tác giả, tác phẩm cùng các vấn đề cần lưu ý trong thể hiện:

- Về tác giả và đặc điểm sáng tác: J.Rameau (1683-1764) là nhạc sĩ kiêm nhà lý luận âm nhạc nổi tiếng của Pháp. Các tác phẩm của ông phần lớn được sáng tác

theo phong cách của trường phái Baroque (là một trào lưu âm nhạc phát triển trong giai đoạn từ năm 1600 đến năm 1750 với thể loại vũ khúc rất phổ biến trong thời kỳ này), thường sử dụng nhịp đôi và nhịp ba. Về mặt hòa âm, sử dụng hai hoặc nhiều giai điệu được trình tấu cùng lúc tạo thành một kết cấu âm nhạc gọi là đối âm; hòa âm thường xuyên biến hóa, điệu tính chủ yếu dựa trên trưởng và thứ. Về mặt tiết tấu (thường nhấn vào phách mạnh, nhịp lấy đà) thường xuyên thay đổi; nốt móc đơn, móc kép và chùm ba thường hay được sử dụng. Những câu nhạc nhanh thường được đàn liền tiếng (*legato*), những câu chậm hơn đàn không liền tiếng (*nonlegato*), dùng rất nhiều nốt hoa mỹ.

- Về nội dung tác phẩm và tính chất âm nhạc: *Tambourin* là điệu múa dân gian cổ vùng Province nước Pháp, tác phẩm có nhan đề như vậy là do tính chất âm nhạc mô phỏng tiết tấu của tiếng trống con - một loại nhạc khí gõ (thuật ngữ "*tambour*" trong tiếng Pháp cổ có nghĩa là *cái trống*). Khác với nhịp điệu khoan thai của *Menuet*, *Tambourin* là một điệu nhạc nhanh, vui, hùng hậu. Điệu múa này viết ở nhịp 2, tiết tấu uyển chuyển sinh động. Giai điệu trong tác phẩm có rất nhiều nét thêu dệt, uốn lượn, thường có những chỗ nhảy lên quãng 5 hoặc xuống quãng 4, kèm theo sự lặp lại của âm hình tiết tấu bè đệm gợi sự liên tưởng đến tiếng trống giữ nhịp. Phần giai điệu du dương, sử dụng hình thức luyến láy, mô phỏng lại tiếng sáo do đó cần lưu ý khi thể hiện phải làm nổi bật tính chất tương phản giữa 2 bè: nếu như bè trầm của tay trái là tiếng trống sôi động hoành tráng thì giai điệu của sáo ở tay phải lại hết sức trong sáng với những nét luyến duyên dáng và tinh tế.

- Về những điểm cần lưu ý khi thể hiện: Trong trích đoạn của tác phẩm *Tambourin* dưới đây yêu cầu khi thể hiện cần chú ý làm rõ màu sắc hòa thanh bậc I - Tonic với bậc V - Dominant ở bè basse được tiến hành luân phiên thay đổi trong từng ô nhạc, là âm hình chủ đạo mô phỏng tiếng trống, làm nền cho tác phẩm. Trong phần giai điệu tay phải, cần lưu ý cách thể hiện sắc thái khác nhau của 2 câu nhạc: Câu 1 gồm 2 tiết nhạc được bắt đầu ở cường độ nhẹ và tăng dần âm lượng cuối mỗi tiết nhạc (như là sự lên giọng ở cuối câu hỏi). Câu 2 (là sự trả lời lại) cần phải thể hiện một cách tự tin, dong dạc và giảm dần cường độ, dịu lại khi giai điệu

đi xuống. Chú ý thể hiện các nốt luyến rất nhẹ, tinh tế mô phỏng với tiếng sáo, mờ dần ở cuối câu nhạc.

Lỗi hay gặp trong trường hợp này đó là các nốt luyến của tay phải ở nhịp 3 và 7 thường vào sớm và bị to đột ngột trong tuyến giai điệu do sử dụng các ngón 2 và 3 là những ngón khỏe của bàn tay. Để khắc phục tình trạng này, khi đàn cần thấp ngón tay với mặt phím nhằm tiết chế được lực bỏ xuống. Đối với các nốt luyến từ nhịp 12 – 16 nên sử dụng tổ hợp các ngón tay 2-3-1 để tạo sự đồng đều về cường độ âm thanh của tất cả các nốt luyến. Ngoài ra, nên nhấc tay sau mỗi tổ hợp các nốt luyến (nốt thứ 2 và thứ 4 của ô nhịp) để tạo cảm giác thoải mái cho bàn tay (bàn tay được thả lỏng, không căng cứng vì phải đàn các nốt luyến liên tục).

Với đối tượng học Piano không chuyên, khi thể hiện tác phẩm giảng viên có thể không nhất thiết yêu cầu phải đàn đến tốc độ như chỉ dẫn. Tuy nhiên, điều quan trọng là học viên phải làm rõ sự tương phản về tính chất âm nhạc giữa hai bè; mô phỏng, phân biệt âm sắc của hai nhạc cụ khác nhau.

Ví dụ 23: J.F.Rameau, *Le Tambourin*, nhịp 1 đến 17

Le Tambourin

Allant Rean - Philippe RAMEAU

The musical score for 'Le Tambourin' is presented in two systems. The first system contains measures 1 through 6, and the second system contains measures 7 through 12. The notation includes a treble clef with a key signature of one sharp (F#) and a 3/4 time signature. The melody is primarily in the treble staff, featuring eighth and sixteenth notes, often with grace notes (accents) above them. The bass staff provides a steady accompaniment with chords and single notes. Measure numbers 7 and 12 are clearly marked at the beginning of their respective lines. The tempo marking 'Allant' is at the top left, and the composer's name 'Rean - Philippe RAMEAU' is at the top right.

** Các điểm cần chú ý :*

Giảng viên cần có kỹ năng giám sát tốt để theo dõi sự tiến bộ của từng học viên, sẵn sàng hỗ trợ khi học viên gặp khó khăn trong luyện tập. Nên khuyến khích học viên tin rằng họ có thể đạt được các mục tiêu trong học tập đã đề ra và không nản lòng khi chưa thành công trong một nhiệm vụ nào đấy. Giảng viên sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình nếu họ hiểu rõ người học, trình độ kiến thức hiện tại, điểm hạn chế cũng như mặt mạnh để lên kế hoạch giảng dạy thích hợp nhằm phát huy năng lực mỗi người.

Ngoài ra, để cho giờ lên lớp mang tính đặc thù riêng, phù hợp với từng ngành học giảng viên nên khéo léo trong lựa chọn phương pháp, cách diễn đạt như sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành nhằm làm tăng hiệu quả giờ học (ví dụ như đối với các chuyên ngành Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy giảng viên có thể đưa ra yêu cầu đối với người học phải thể hiện đúng tính chất âm nhạc của chủ đề chính trong phần trình bày, hoặc tạo được sự tương phản về điệu tính giữa chủ đề chính và chủ đề phụ, cũng như có thể yêu cầu làm rõ màu sắc hoà thanh trong phần chuyển điệu ...)

Với chuyên ngành Thanh nhạc, giảng viên nên hướng cho người học cách "lấy hơi" và xử lý từng câu nhạc, cách liên tưởng để phát âm tiếng đàn Piano đẹp và biểu cảm giống như khi hát. Làm được như vậy thì hiệu quả của giờ lên lớp sẽ cao hơn và làm cho môn Piano phổ thông gắn với từng ngành học cụ thể.

Tuy nhiên, nếu cho rằng PPDH *lấy học sinh làm trung tâm* là toàn bộ nội dung của hoạt động đổi mới thì đó là một quan điểm phiến diện và sai lầm, nó chỉ là một tư tưởng, một phương hướng đổi mới. Với tính đặc thù của đào tạo nghệ thuật, người dạy cũng cần phải biết kế thừa và phát huy những yếu tố tích cực của PPDH truyền thống, kết hợp với việc tiếp nhận và vận dụng một cách sáng tạo, có chọn lọc các PPDH tiên tiến để đạt được kết quả tối ưu nhất trong tiến trình truyền đạt kiến thức.

3.3.7. Khơi dậy lòng tin vào năng lực bản thân

Các nhà lý luận về sư phạm trên thế giới đều đi đến thống nhất trong nhận định: Sự tự tin của học viên là một phần quan trọng cho thành công trong học tập và góp phần nâng cao năng lực. Tự tin có tác động mạnh mẽ, thúc đẩy sự đam mê, tiếp thêm sinh lực cho học viên để đạt được thành công, đặc biệt là trong việc thực hiện những nhiệm vụ mang tính thách thức.

Nhà tâm lý học, giáo dục học nổi tiếng người Mỹ - Howard Gardner trong công trình nghiên cứu khoa học của mình công bố lần đầu năm 1983, chỉ ra rằng tất cả mọi con người đều có sự thông minh, nhưng không phải tất cả đều phát triển chúng đến cùng một cấp độ. Giá trị lớn nhất do lý thuyết của Howard Gardner mang lại là ông hướng sự chú ý tới những người học cụ thể và tầm quan trọng của phong cách học tập phù hợp với từng cá nhân. Ông cho rằng sức mạnh tiềm ẩn của mỗi con người là một yếu tố để phát triển năng lực học tập của họ.

Khi chúng ta phát triển con người thông qua các điểm mạnh của họ, chúng ta không chỉ kích thích sự phát triển mà còn làm tăng niềm tin của họ về việc họ có thể vượt qua những thách thức hoặc một nhiệm vụ khó khăn nào đó. Phát triển điểm mạnh của một cá nhân sẽ tăng cường những hiệu ứng tích cực của học viên đó đối với quá trình học. Một khi sự tự tin và ý thức về giá trị tăng, họ có thể phát triển thế mạnh và cải thiện các điểm yếu.

Trong quá trình lên lớp giảng viên có thể sử dụng nhiều biện pháp hỗ trợ người học nâng cao tinh thần tự tin vào năng lực của mình thông qua các bước sau:

- Thẩm định những gì một học viên có thể thực hiện thành công tại bất kỳ thời điểm nào;
- Giới thiệu các bước tiến hành cho phép học viên dần dần có thể trải nghiệm thành công thông qua việc hoàn thành nhiệm vụ;
- Cung cấp thông tin phản hồi và giúp học viên đi đúng hướng từ đó có thể nhận thấy được sự tiến bộ của mình;

* *Các điểm cần chú ý:*

- Không đưa ra những nhận xét về học viên mang tính so sánh một cách thiếu thiện cảm với các học viên khác trong lớp;
- Giảng viên cần có sự khích lệ, động viên người học không chỉ đối với những thành công mà cả những lúc khó khăn trong quá trình học tập.

3.3.8. *Dạy học phải đảm bảo nguyên tắc "tính vừa sức"*

Một trong những nguyên tắc cơ bản của quá trình dạy học là phải đảm bảo tính vừa sức và phù hợp với đặc điểm lứa tuổi. Ba yếu tố chính ảnh hưởng trực tiếp tới sự quá tải trong học tập là *nhiệm vụ học tập, năng lực của người học và điều kiện học tập*. Để giải quyết được vấn đề này, đó là phải tìm ra câu trả lời cho các câu hỏi sau: đối tượng học có đủ khả năng tiếp thu, có đủ phương tiện và thời gian học tập; trình độ kiến thức cũng như năng lực sư phạm của giảng viên có đáp ứng được?

Đảm bảo tính vừa sức trong học tập là một nguyên tắc quan trọng đòi hỏi giảng viên cần tuân thủ nghiêm ngặt trong giảng dạy. Khi khối lượng và độ phức tạp của bài vở cao hơn khả năng học tập thực tế của người học thì sẽ dẫn đến tình trạng quá tải. Điều đó sẽ rút ngắn thời gian nghỉ ngơi, làm giảm sức khỏe và năng lực học tập. Ngược lại, khi dung lượng và trình độ của bài học thấp hơn mức độ hợp lý, thì nhịp độ học tập giảm xuống, sự nỗ lực và ý chí học tập cũng như sự phát triển trí tuệ và hứng thú học tập đều bị giảm sút.

Chính vì vậy, trong quá trình giảng dạy giảng viên phải lưu ý đến việc lựa chọn bài vở phù hợp với trình độ, năng lực của người học, làm cơ sở để có những nhận định, đánh giá chính xác về khả năng của từng đối tượng học. Ngoài ra, các điều kiện nhằm đảm bảo cho người học về phương tiện học tập (thời gian, phòng tập, tài liệu hỗ trợ...) cũng như năng lực giảng viên có ý nghĩa rất quan trọng.

Về vấn đề này, trong bài viết *Lời khuyên của giáo viên* đăng trên Tạp chí *Giáo viên nhân dân* (số 5, năm 1966), nhà sư phạm nổi tiếng của Nga V. Sukhomlinsky đưa ra một số quan điểm như sau:

- “...*Trí ỉ c và khả năng của mọi học sinh không như nhau*
- *Mỗi một cá nhân đều có cá tính và những đặc điểm riêng nên ta không thể áp dụng thống nhất các quy luật của dạy học và giáo dục lên mọi đối tượng.*
- *Tất cả học sinh không có những tiền đề thống nhất về kết quả học tập, vì vậy điều quan trọng là xác định mỗi học sinh có khả năng gì cũng như là phải tiếp tục phát triển như thế nào năng ỉ c trí tuệ, không được đòi hỏi ở người học những điều vượt quá khả năng cho phép của họ...”.[3;79].*

** Các điểm cần chú ý:*

Tìm kiếm và lựa chọn những PPDH tiên tiến để sử dụng trong quá trình lên lớp là cần thiết bởi vì trên thực tế, không có một khuôn mẫu nhất định nào áp đặt đối với người dạy mà cần phải có sự lựa chọn, vận dụng một cách linh hoạt và khéo léo các PPDH tích cực nhằm phát huy tối đa khả năng sáng tạo để đạt được hiệu quả cao nhất trong quá trình giảng dạy.

Tuy nhiên chúng tôi cho rằng, một trong những vấn đề cần lưu ý khi tìm kiếm con đường đổi mới PPDH là mối quan hệ giữa trí tuệ và tâm hồn, giữa tư duy và cảm xúc. Chính cảm xúc, sự rung động nội tâm là điều rất quý giá trong cuộc sống nói chung cũng như trong dạy học. Nó có tác dụng kích thích lòng yêu nghệ thuật, tính tự giác, tính tích cực học tập, phát triển sức mạnh nội sinh ở người học trong quá trình tìm tòi, sáng tạo ra cái mới. Ngoài ra, cảm xúc là chất xúc tác không thể thiếu để biến nhận thức thành thái độ và niềm tin.

Trong công trình này chúng tôi đã đưa vào phần “*D ỉ kiến nội dung chương trình giảng dạy môn Piano phổ thông cho bậc trung cấp và đại học*”, đề xuất một số kiến nghị về vấn đề nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập môn Piano phổ thông nhưng không phải với tính chất áp đặt mà có thể xem đây như là những ý

kiến đóng góp, những gợi ý để tùy vào điều kiện của từng nơi, từng trường hợp và hoàn cảnh cụ thể mà có sự nghiên cứu, tham khảo và vận dụng (*Phần “Đ kiến nội dung chương trình giảng dạy môn Piano phổ thông đối với bậc TC và ĐH” được trình bày cụ thể trong phần Phụ lục 4 từ trang 166 đến trang 177 của bản luận án này*).

3.4. Một số yêu cầu cần phối hợp trong triển khai giáo trình

3.4.1. Tính kế hoạch và tiến độ trong giảng dạy

Để giáo trình giảng dạy bảo đảm đúng tiến độ, có sự chủ động trong sử dụng thời gian, giảng viên cần lên kế hoạch và nội dung giảng dạy cụ thể trong từng học kỳ, từng năm học. Điều này sẽ giúp cho việc giảng dạy được tiến hành theo một lịch trình hợp lý, cân đối theo kế hoạch định sẵn, đồng thời sử dụng hiệu quả quỹ thời gian. Khối lượng bài vở mà giảng viên giao cho HSSV phải phù hợp với năng lực tiếp thu, trình độ cụ thể trong từng thời điểm của mỗi người nhằm mục đích giúp người học phát huy được hết khả năng của bản thân. Tiến độ học tập chậm so với khả năng có thể sẽ làm kìm hãm sự phát triển của người học nhưng nếu tiến độ học tập nhanh vượt quá khả năng cho phép, người học sẽ bị quá tải vì không đủ năng lực và thời gian để hoàn thành.

- Để duy trì ổn định tiến độ học tập, giảng viên nên chia cả khóa học thành 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1: trang bị kỹ năng cơ bản về cách sử dụng đàn Piano, củng cố những kỹ thuật nền tảng thông qua các dạng bài tập như Gam, Etude, Phức điệu... nhằm mục đích luyện độ nhanh nhạy của ngón tay và luyện khả năng nghe các bè.

Giai đoạn 2: Thực hiện hai yêu cầu.

Vừa phải củng cố lại những kiến thức đã học trong giai đoạn 1, đồng thời học tiếp các kỹ thuật, các loại hình tác phẩm mới với trình độ cao hơn. Yêu cầu của giai đoạn này là vừa duy trì sự ổn định, chắc chắn về kỹ thuật, vừa tăng dần tốc độ phát triển để đạt được trình độ cao hơn.

Giai đoạn 3: phát triển kỹ thuật, nâng việc nhận thức về xử lý tác phẩm lên một mức độ cao hơn. Biết vận dụng kỹ năng Piano đã học vào từng chuyên ngành riêng (đệm hát, thị tấu nhanh...trong quá trình nghiên cứu). Trong giai đoạn này giảng viên cần tăng cường tính chủ động cho học viên bằng cách tạo điều kiện cho học viên từng bước tự giải quyết lấy mọi tình huống trong học tập trên cơ sở theo sát người học để kịp thời điều chỉnh những sai sót. Giảng viên có thể thị phạm đồng thời đưa ra những gợi ý về giải pháp để người học chọn lựa cho mình cách giải quyết thích hợp.

Việc xác định để áp dụng hợp lý từng giai đoạn cho từng cá nhân đòi hỏi giảng viên phải có sự đánh giá khách quan và chính xác vì mỗi một đối tượng học đều có năng khiếu và các điều kiện tự nhiên khác nhau. Nếu xác định và vận dụng đúng thì quá trình học tập, phát triển của cá nhân đó sẽ nhanh chóng và thuận lợi, còn nếu xác định không đúng thì sẽ có tác dụng ngược lại.

Sử dụng bố trí các bài tập và tác phẩm một cách linh hoạt trong từng buổi học, từng giai đoạn, phù hợp với khả năng của từng đối tượng học cũng là một nghệ thuật trong giảng dạy. Chương trình, bài tập giao cho học sinh cần phù hợp với năng lực từng người với mục đích nhằm phát huy tối đa thể mạnh, khắc phục những điểm yếu của mỗi cá nhân. Để có thể hoàn thành đúng tiến độ số lượng bài tập như giáo trình đã quy định, trong quá trình lên lớp giảng viên có thể linh động trong yêu cầu đối với người học như không bắt buộc phải đàn hết toàn bộ tác phẩm (có những bài tập chỉ yêu cầu đàn đúng chủ đề), không cần phải đàn đúng tốc độ, không nhất thiết phải thuộc lòng nhưng phải kết hợp nghe tác phẩm để có sự cảm nhận về phong cách và thể loại...

Điều quan trọng nhất là phải chọn đúng trọng tâm công việc, phải xác định vấn đề nào là chính, là quan trọng nhất, có tác động trực tiếp đến mục đích học tập để ưu tiên giải quyết. Bởi vì nội dung cần phải học thì nhiều, mà sức lực và thời gian thì có hạn, nếu việc học tập dàn trải, phân tán thì việc học sẽ không có hiệu

quả. Sau khi đã xác định được trọng tâm, phải sắp xếp công việc cho hợp lý về nội dung cũng như thời gian. Điều đó sẽ giúp cho công việc được trôi chảy và hiệu quả.

3.4.2. Xây dựng hệ thống bài tập cho một giáo trình

Khi xây dựng hệ thống bài tập cho một giáo trình phải tuân thủ những nguyên tắc sau đây:

Hệ thống bài tập phải góp phần thể hiện mục tiêu môn học: Bài tập là một phương tiện giúp đối tượng học vận dụng và phát triển hệ thống tri thức đã học, hình thành và rèn luyện các kỹ năng cơ bản. Vì vậy, bài tập phải bám sát nội dung, góp phần hoàn thiện mục tiêu môn học.

Bài tập phải đảm bảo tính hệ thống, tính đa dạng và bổ sung cho nhau: Mỗi bài tập đáp ứng yêu cầu luyện tập một số kỹ năng nhất định. Trong quá trình xây dựng hệ thống bài tập thực hành có những loại bài tập được đầu tư nhiều hơn vì chúng góp phần quan trọng vào việc hình thành và rèn luyện những kỹ năng cơ bản mang tính nền tảng. Hệ thống bài tập thực hành phải được xây dựng một cách đa dạng, phong phú vì nó sẽ giúp cho việc hình thành các kỹ năng cụ thể, chuyên biệt một cách hiệu quả.

Hệ thống bài tập thực hành phải đảm bảo tính “vừa sức” và phát huy tính tích cực nhận thức của người học: Bài tập thực hành phải được xây dựng từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Có thể xây dựng 2 dạng bài tập thực hành: *Bài tập thực hành kỹ năng ở mức tái tạo*, đòi hỏi người học vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong các tình huống quen thuộc và *bài tập sáng tạo* đòi hỏi học viên vận dụng kiến thức đã biết để giải quyết vấn đề trong những tình huống mới.

Hệ thống bài tập thực hành phải phù hợp với quá trình dạy học: Bài tập thực hành phải xuất phát từ thực tiễn, góp phần giải quyết mâu thuẫn cơ bản giữa yêu cầu nắm vững kỹ năng và khả năng vận dụng các kỹ năng ấy đối với các đối tượng học. Khi xây dựng hệ thống bài tập thực hành phải chú ý tới những điều kiện thực tế như mục tiêu hướng đến, khả năng của người học, yêu cầu về trình độ của từng năm...

Theo quan điểm của các nhà sư phạm Nga M.A.Danilov và M.N.Scati: *"Bài tập thích hành hoàn thiện các kiến thức là phương tiện cơ bản để hình thành kỹ năng và kỹ xảo. Kỹ năng là khả năng của người học biết sử dụng một cách có mục đích và sáng tạo những kiến thức và kỹ xảo của mình trong quá trình học tập cũng như thích tiên. Kỹ xảo là hành động mà những phần hợp thành của nó đã trở thành thói động hóa do luyện tập..."* [3; 34]. Kỹ xảo được hình thành chủ yếu trong quá trình làm việc độc lập và quá trình luyện tập của người học.

Để giải quyết các bài tập thực hành có hiệu quả, giảng viên phải hướng dẫn được cho người học phương pháp luyện tập khoa học. Điều này có liên quan đến năng lực sư phạm của người thầy, làm sao trong quá trình tập luyện học viên phải được trang bị phương pháp học tập đúng, có phong cách học chuyên nghiệp, thực hiện theo quy trình từ chậm đến nhanh, từ đơn giản đến phức tạp với mục tiêu là đảm bảo chất lượng. Quá trình tập luyện đó phải được lặp đi lặp lại để trở thành các kỹ năng, kỹ xảo.

Xây dựng quy trình hợp lý cho buổi tập là cần thiết để tạo được hiệu quả trong quá trình tập luyện, tiết kiệm được thời gian và công sức. Thực tế là phần lớn người học chưa có ý thức xây dựng một quy trình tập đàn trong thực hành luyện tập. Để có một phương pháp luyện tập khoa học và hiệu quả cao, khi tập cần phải chia nhỏ các công đoạn, trọng tâm nội dung tác phẩm, chú trọng đối với các yêu cầu đòi hỏi của tác phẩm. Cần hướng dẫn cho người học cách tập với tốc độ chậm rồi nâng dần tốc độ. Không nên tập ngay với tốc độ nhanh trong giai đoạn khám phá tác phẩm; cũng không nên tập quá nhiều lần từ đầu tới cuối tác phẩm vì sẽ làm mất nhiều thời gian để có thể hoàn thiện bài. Cần phân chia tác phẩm ra thành từng phần để tập; phải tập riêng từng tay ở tốc độ chậm để giải quyết các kỹ thuật phức tạp, tránh tùy tiện trong xử lý tốc độ như hiện tượng đoạn dễ đàn nhanh, đoạn khó đàn chậm. Cần tìm những âm hình tiết tấu giống nhau, những giai điệu có chu kỳ nốt, kỹ thuật ngón giống nhau để tập cho khỏi bị trùng lặp, lãng phí thời gian và sức lực.

Ngoài ra, phải học cách kiểm soát chất lượng âm thanh khi thể hiện tác phẩm; rèn luyện cho người chơi đàn có khả năng nghe hoặc hình dung ra những âm thanh sẽ chơi là vấn đề hết sức quan trọng. Khi đã vỡ xong bài, cần tạo điều kiện cho người học luyện tai nghe để có thể điều chỉnh cân đối, hài hòa âm lượng giữa hai tay.

3.4.3. Kiểm tra và đánh giá

Kiểm tra và đánh giá có vai trò rất quan trọng, là một động lực thúc đẩy quá trình đào tạo. Từ chính hoạt động này mà có sự điều chỉnh, bổ sung kịp thời những vấn đề mới vào giáo trình giảng dạy cho phù hợp với mục tiêu dạy học, củng cố hệ thống tri thức và các phương pháp học tập; kích thích người học phấn đấu đạt kết quả trong học tập.

"Việc kiểm tra và đánh giá kiến thức đòi hỏi giảng viên không những phải có nghệ thuật sư phạm, mà còn phải có sự nhạy cảm sư phạm cao và thiện chí... Việc phân tích kết quả của người học, kiểm tra, đánh giá tri thức của họ và phát hiện trình độ phát triển trí tuệ của học sinh, đó là mặt tất yếu của quá trình dạy học..." [30; 40].

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập cần đáp ứng những yêu cầu sau:

- Thực hiện nghiêm túc quy chế kiểm tra, đánh giá người học đảm bảo chính xác, khách quan.
- Việc kiểm tra không chỉ dừng lại ở yêu cầu tái hiện tri thức, lặp lại các kỹ năng đã học, mà chú trọng kiểm tra năng lực độc lập, sáng tạo, năng lực tự học của người học. Sử dụng các hình thức kiểm tra cuối kỳ, kiểm tra tiến độ học tập giữa kỳ. Có thể phân biệt cách kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo hướng bồi dưỡng năng lực tự học với kiểm tra, đánh giá kiểu truyền thống ở những đặc điểm sau:

TT	Kiểm tra, đánh giá theo kiểu truyền thống	Kiểm tra, đánh giá theo hướng bồi dưỡng năng lực tự học
1	Chú trọng kiểm tra tri thức, kỹ năng, kỹ xảo.	Chú trọng kiểm tra năng lực độc lập, sáng tạo, năng lực tự học.
2	Đánh giá kết quả học tập theo các tiêu chí: kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo...	Đánh giá kết quả học tập theo các tiêu chí: độc lập, sáng tạo...
3	Giảng viên giữ vị trí độc tôn trong đánh giá.	Kết hợp đánh giá của giảng viên với tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của học viên.

Có thể nói, lâu nay trong lĩnh vực giảng dạy chuyên ngành chúng ta thường hay sử dụng cách kiểm tra đánh giá theo kiểu truyền thống tuân thủ theo tiêu chí kiểm tra tri thức, kỹ năng, kỹ xảo của người học thông qua sự đánh giá của Hội đồng chấm thi đối với chương trình dự thi của học viên bao gồm một số tác phẩm ở các thể loại khác nhau; giảng viên là người đóng vai trò chủ đạo, chủ động quyết định về việc này. Tuy nhiên, qua nghiên cứu và tìm hiểu chúng tôi nhận thấy rằng tại các nhạc viện và các trường âm nhạc của một số quốc gia trên thế giới (Bulgaria, America, Germany...) tùy theo từng nội dung học phần mà có sự kết hợp đánh giá của giảng viên và học viên nên đã tạo được động lực thi đua trong học tập rất hiệu quả. Chẳng hạn như, với học phần Piano phổ thông, việc kiểm tra đánh giá bao gồm một số yêu cầu sau:

- Chương trình dự thi từ 2 - 3 tác phẩm mà người học đã có sự chuẩn bị (đánh giá khả năng thể hiện hoàn chỉnh các tác phẩm, sự cảm thụ âm nhạc của học viên...)

- Học viên phải thị tấu một đoạn nhạc mà không có nhiều thời gian để xem trước (đánh giá khả năng sáng tạo của người học, khả năng vận dụng những kỹ

thuật đã học vào quá trình thể hiện).

- Đệm hát hoặc đệm cho một nhạc cụ khác một tác phẩm tùy chọn (đánh giá khả năng làm việc nhóm, sự phối hợp trong thể hiện, sự nắm vững các bè trong tác phẩm của người chơi).

- Kết hợp giữa vừa đàn vừa hát một tác phẩm Thanh nhạc không quá phức tạp về kỹ thuật (đánh giá sự phối hợp cùng một lúc nhiều kỹ năng của người học).

Quá trình đánh giá được diễn ra dưới hình thức của một buổi biểu diễn báo cáo mà khán giả là những học viên tham gia dự thi; mặc dù giảng viên hướng dẫn là người quyết định số điểm cuối cùng nhưng các thành viên trong nhóm có trách nhiệm lắng nghe và cùng tham gia đánh giá, nhận xét và so sánh về phần thi giữa các cá nhân, dự kiến điểm cho mỗi người. Với quy trình làm việc như vậy, người học được nghe nhiều ý kiến đánh giá bổ ích; có cơ hội quan sát, so sánh sự thể hiện bài thi giữa các thành viên trong nhóm nhằm rút ra những kinh nghiệm và bài học cho bản thân.

Việc cùng tham gia đánh giá, nhận xét giữa giảng viên và các thành viên trong nhóm đã tạo được không khí học tập sôi động và tích cực; ngoài ra do có “khán giả” nên các phần trình bày bài thi của mỗi cá nhân giống như một cuộc biểu diễn trước công chúng; điều này đã tạo được sự hưng phấn cho người dự thi trong quá trình thể hiện, tạo động lực để học viên có ý thức chuẩn bị bài nghiêm túc, nỗ lực tập luyện...

Trong vấn đề xây dựng giáo trình, ngoài mục tiêu về nội dung chương trình giảng dạy, phải xây dựng các tiêu chí cụ thể trong kiểm tra đánh giá: chẳng hạn như tốt nghiệp trung cấp phải đạt trình độ tương đương với sơ cấp 3, 4 của Piano chuyên nghiệp. Tốt nghiệp Piano phổ thông ở bậc ĐH phải có trình độ tối thiểu ngang bằng với TC Piano chuyên ngành từ năm thứ 6 trở lên. Đối với những trường hợp không đáp ứng được các tiêu chí trên thì sẽ phải học lại, thi lại. Ngược lại, với những trường hợp hoàn thành tốt bài vở phải có sự động viên khen thưởng kịp thời như được chọn tham gia biểu diễn báo cáo cuối kỳ cấp khoa hoặc cấp trường... Hoạt động này còn chưa được các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp quan tâm, chú ý

đến để áp dụng đối với cả những đối tượng học Piano không chuyên nghiệp (thông thường cuối mỗi kỳ học, khoa Piano chỉ tổ chức chương trình concert cho đối tượng học Piano chuyên nghiệp) dù biết rằng hoạt động này có ý nghĩa, tác dụng động viên rất to lớn về mặt tinh thần.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Chương III của luận án đã chứng minh và xác định những tiêu chí chung và riêng để giảng dạy bộ môn Piano phổ thông một cách có hiệu quả, tập trung đi sâu vào các tiêu chí về giảng viên, HSSV, phương pháp và giáo trình giảng dạy làm cơ sở để xây dựng giáo trình mới môn Piano phổ thông phù hợp với đặc thù của từng chuyên ngành. Giáo trình mới sẽ hướng đến việc xây dựng một phương pháp đào tạo thống nhất và khoa học, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học trong các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp.

Những điểm mới trong các tiêu chí trong xây dựng giáo trình môn Piano phổ thông cho các chuyên ngành đã được đề cập cụ thể trong chương này đó là, ngoài những kỹ thuật cơ bản làm nền tảng ban đầu (phần cứng) chiếm từ 50% - 60%, thì tùy theo từng chuyên ngành, từng đối tượng cụ thể mà có sự vận dụng linh hoạt, sử dụng giáo trình mở, bổ sung bài vở phù hợp với yêu cầu và mục đích học tập của người học (phần mềm) chiếm từ 40% - 50%:

- Đối với các ngành LLSTCH để phục vụ hiệu quả cho việc học tập, nghiên cứu chuyên sâu vào ngành học, yêu cầu người học phải được tiếp xúc với nhiều thể loại tác phẩm, rèn luyện kỹ năng thị tấu, đọc tác phẩm, tổng phổ nhanh.

- Đối với chuyên ngành Thanh nhạc, người học phải được làm quen với các tác phẩm có cấu trúc cân đối hoàn chỉnh với giai điệu du dương, âm hình bè đệm mang tính biểu cảm cao nhằm tạo nên sự gần gũi với đặc thù của bộ môn Thanh nhạc. Vì vậy, các bài tập Piano phải là những tác phẩm có giai điệu đẹp như một bài ca: giản dị, dễ nghe, dễ nhớ, giàu cảm xúc. Bổ sung vào giáo trình các tác phẩm Thanh nhạc kinh điển, các bài Việt Nam biên soạn lại cho đàn Piano nhằm mục đích tạo sự gắn kết giữa Piano và Thanh nhạc, gây được hứng thú đối với người học. Đồng thời nghiên cứu, đưa nội dung *Phương pháp đệm* vào chương trình giảng dạy như là một gợi ý để tham khảo với mục đích làm cho việc học tập môn Piano phổ thông có ý nghĩa thực tiễn, gắn với yêu cầu thực tế của từng chuyên ngành.

- Với từng ngành học của các nhạc cụ Giao hưởng cũng như Âm nhạc dân tộc, cần có sự lựa chọn về thể loại và tính chất âm nhạc của tác phẩm trong nội dung giảng dạy nhằm tạo được sự hỗ trợ hiệu quả nhất. Chẳng hạn như với chuyên ngành Gõ, khi xây dựng giáo trình phải bổ sung các tác phẩm có tiết tấu phức tạp. Đối với các chuyên ngành nhạc cụ Dân tộc, bên cạnh việc học đàn các Gam Châu Âu và các tác phẩm nước ngoài, người học cũng phải làm quen với các dạng của Gam ngũ cung, tiếp cận với các tác phẩm của nhạc sĩ Việt Nam nhằm tạo được sự gắn kết giữa các ngành học này với Piano.

Tóm lại, nếu môn Piano phổ thông được phổ cập đều hết cho tất cả mọi chuyên ngành thì việc học tập các môn kiến thức cơ sở của HSSV sẽ đồng đều và có chất lượng hơn, trình độ kiến thức chung về âm nhạc của người học các chuyên ngành nhạc cụ phương Tây và nhạc cụ Dân tộc lên ngang bằng với trình độ của người học các chuyên ngành LLSTCH.

Đặc biệt, chương 3 chú trọng đến vấn đề đổi mới PPDH trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa lý luận dạy học hiện đại với PPDH truyền thống, bảo đảm phù hợp với nội dung giảng dạy theo hướng nâng cao năng lực nội sinh của người học, bồi dưỡng phương pháp tự học, tự khám phá để chiếm lĩnh tri thức nhằm góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo trong giai đoạn hiện nay, thúc đẩy tiến trình hội nhập với khu vực và thế giới.

Thông qua việc đưa ra một số giải pháp và đề xuất về xây dựng giáo trình mới, một lần nữa vai trò quan trọng của môn Piano phổ thông được nhấn mạnh. Đây phải là một môn học bắt buộc ngang hàng với những môn kiến thức khác nằm trong chương trình chính khóa từ bậc TC lên đến ĐH với sự mở rộng về đối tượng học. Trong tương lai môn Piano phổ thông phải được phổ cập từ bậc sơ cấp đối với tất cả các chuyên ngành bởi vì việc giảng dạy môn Piano phổ thông sẽ đáp ứng được nhu cầu đào tạo toàn diện, chính quy hóa về kiến thức tổng hợp.

Yêu cầu và tiêu chí đối với người dạy, người học cũng được đề cập khá chi tiết trên tinh thần người thầy phải không ngừng tự hoàn thiện năng lực và trình độ bản thân để nâng cao chất lượng giảng dạy; quá trình dạy và học chỉ thật sự có hiệu quả khi người thầy phát huy được tính tích cực, chủ động và sáng tạo, tính phản biện của người học theo hướng nâng cao năng lực nội sinh của người học, bồi dưỡng phương pháp tự học, tự khám phá để chiếm lĩnh tri thức. PPGD cần phải đổi mới để có thể thu hút lòng say mê học tập của HSSV qua đó nâng cao chất lượng giảng dạy.

Ngoài ra, trên cơ sở phân tích được những thuận lợi và khó khăn của đối tượng học lớn tuổi, giảng viên phải biết phát huy thế mạnh của người học đồng thời khéo léo, linh hoạt trong phương pháp và nội dung giảng dạy để đạt được hiệu quả tốt nhất khi lên lớp.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Qua ba chương luận án, chúng tôi đã nghiên cứu và đánh giá một cách khái quát vai trò và vị thế có ý nghĩa hết sức quan trọng của cây đàn Piano trong việc nâng cao mặt bằng kiến thức chung cho HSSV của các chuyên ngành âm nhạc khác tại các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp Việt Nam. Mục đích của công trình nghiên cứu này là hướng đến việc xây dựng một phương pháp đào tạo đồng bộ và khoa học nhằm góp phần củng cố chất lượng đào tạo đảm bảo tính chiến lược và định hướng lâu dài cho sự nghiệp phát triển nghệ thuật âm nhạc.

Trong công trình này, chúng tôi tập trung vào vấn đề trang bị kỹ năng nắm bắt Piano cho người học ở một số chuyên ngành, đặc biệt chú trọng vào việc xây dựng chương trình giảng dạy mang tính đặc thù phù hợp với từng chuyên ngành. Ngoài ra, chúng tôi cũng đã nghiên cứu và giới thiệu một số PPGD hiệu quả trên cơ sở kế thừa tinh hoa của PPGD truyền thống với tiếp thu có chọn lọc các PPDH tiên tiến trên thế giới. Chúng tôi xin được điểm lại một số nét chính của luận án như sau:

Bố cục của luận án là 3 chương, trong đó chương 1 nêu lên cơ sở lý luận và thực tiễn của đề tài nghiên cứu; giới thiệu một cách khái quát về vai trò của đàn Piano trong đời sống âm nhạc Việt Nam; nêu lên thực tế vấn đề giảng dạy môn Piano phổ thông hiện nay tại các trung tâm đào tạo âm nhạc lớn của cả nước còn bất cập (không thống nhất về chương trình, giáo trình, nội dung giảng dạy tuy đã có điều chỉnh nhưng vẫn chưa thực sự phù hợp với đặc thù của từng ngành học, yêu cầu chuẩn đầu ra không được qui định rõ ràng và chặt chẽ); đánh giá khái quát các giáo trình môn Piano phổ thông đã và đang được sử dụng tại các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp trên toàn quốc, nhìn nhận những ưu điểm và hạn chế còn tồn tại.

Trong chương I chúng tôi cũng đã đi sâu tìm hiểu thực tế vấn đề trang bị kỹ năng Piano tại các cơ sở đào tạo Việt Nam, nhận thức của giảng viên và SVHS đối với môn học thông qua kết quả khảo sát đánh giá về tình hình giảng dạy và học tập môn Piano phổ thông hiện nay; phân tích sự khác biệt giữa giảng dạy Piano phổ

thông với giảng dạy Piano chuyên ngành; so sánh về chương trình giảng dạy môn Piano phổ thông của các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp trong nước với một số nhạc viện nước ngoài..., làm cơ sở đề xuất hướng xây dựng giáo trình riêng phù hợp với đặc điểm của từng ngành học nhằm phát huy vai trò hỗ trợ của Piano đối với vấn đề nâng cao mặt bằng kiến thức cho SVHS âm nhạc chuyên nghiệp.

Chương 2 giới thiệu tính năng vượt trội của cây đàn Piano, nghiên cứu những tác động tích cực của cây đàn Piano đối với các ngành học nhằm khẳng định vai trò quan trọng của Piano trong việc nâng cao mặt bằng kiến thức cho HSSV tại các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp.

Trong môi trường đào tạo âm nhạc hàn lâm, có kỹ năng Piano tốt sẽ là điều kiện hết sức thuận lợi đối với người học trong việc hỗ trợ nghiên cứu chuyên sâu vào từng ngành học (Sáng tác, Lý luận, Chỉ huy, Thanh nhạc, các nhạc cụ Giao hưởng...); phát triển khả năng hoạt động nhanh nhẹn, linh hoạt và độc lập của ngón tay, cổ tay, tạo sự cân bằng lực cho các ngón tay; củng cố tai nghe định âm, trang bị kiến thức về hòa tấu: có khái niệm rõ ràng về hòa âm, phức điệu, phân bè đệm, bè chính, sự phối hợp hài hòa giữa các bè (Xylophone, Vibraphone, Marimba, Gõ, nhóm nhạc cụ Giao hưởng, nhạc cụ Dân tộc...).

Bằng khả năng thể hiện phong phú và đa dạng của mình, Piano đã trở thành phương tiện hữu dụng, có chức năng hỗ trợ trong quá trình giảng dạy các môn kiến thức cơ sở ngành với vai trò định vị âm chuẩn, dẫn dắt sự tiến hành từng bè, củng cố và phát triển khả năng nghe chuẩn xác, rèn luyện khả năng nghe được nhiều bè cùng một lúc nhằm phát triển tư duy logic và nghệ thuật. Ngoài ra, Piano là phương tiện hỗ trợ cần thiết tạo nên sự hấp dẫn, cuốn hút của một số môn học, tạo được hứng thú cho người học.

Có trình độ Piano vững vàng cũng có ý nghĩa quan trọng đối với vấn đề phát triển tư duy cho người học (tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tiếp nhận kiến thức nền tảng). Để chứng minh cho vấn đề này, chúng tôi đã nêu lên thực trạng việc giảng dạy các môn kiến thức âm nhạc hiện nay, so sánh sự khác nhau trong quy

trình đào tạo các môn kiến thức cơ sở ngành giữa các nhạc viện nước ngoài với các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp trong nước; phân tích nguyên nhân của vấn đề trên và đề xuất xây dựng lộ trình phổ cập môn Piano cho các ngành học theo từng giai đoạn phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế nhằm từng bước khắc phục tình trạng phải giảng dạy các môn chung theo từng nhóm chuyên ngành, gây lãng phí về thời gian và kinh phí đào tạo như hiện nay.

Chương 3 của luận án nêu lên được sự cần thiết của việc xây dựng giáo trình mới môn Piano phổ thông phù hợp với đặc thù của từng chuyên ngành nhằm hướng đến việc xây dựng một phương pháp đào tạo thống nhất và khoa học, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học trong các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp. Giáo trình môn Piano phổ thông phải là giáo trình mở, trong đó những kỹ thuật cơ bản làm nền tảng ban đầu (phần cứng) chiếm từ 50% - 60%, ngoài ra tùy theo từng chuyên ngành mà có sự vận dụng linh hoạt, bổ sung bài vở phù hợp với yêu cầu và mục đích học tập của người học (phần mềm) chiếm từ 40% - 50%.

Chương 3 cũng nêu lên những nội dung liên quan đến yếu tố người dạy và người học như phát triển năng lực tự học nhằm mục đích giúp cho việc nắm vững phương pháp học tập và kỹ năng vận dụng tri thức của người học một cách chắc chắn và bền vững, rèn luyện ý chí và năng lực hoạt động sáng tạo của mỗi người thông qua hoạt động bản thân. Đây chính là những phẩm chất cần thiết cho sự phát triển và thành công của mỗi con người. Chuyên môn hóa đội ngũ giảng dạy, đề cao khả năng sáng tạo của người thầy với những năng lực và phẩm chất thiết yếu (người dạy Piano phổ thông ngoài trình độ Piano vững vàng còn phải có kiến thức nền tảng vững chắc, hiểu kỹ về chuyên ngành đang giảng dạy nhằm tạo được sự gắn kết, hỗ trợ giữa Piano với chuyên ngành đó để tạo hiệu quả cao trong quá trình lên lớp; phân tích được những thuận lợi và khó khăn của học viên để phát huy được thế mạnh đồng thời khéo léo, linh hoạt trong phương pháp và nội dung giảng dạy để khắc phục những điều kiện không thuận lợi của đối tượng học lớn tuổi).

Một vấn đề nữa cũng được chúng tôi đặc biệt quan tâm trong chương này, đó là việc đổi mới PPGD trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa lý luận dạy học hiện đại với PPDH truyền thống. Hiện nay việc đổi mới PPGD đang là một đòi hỏi hết sức bức thiết trong công tác đào tạo. Yêu cầu của xã hội đặt ra cho con người là phải phát huy không ngừng tính năng động, sáng tạo, tích cực, chủ động, tự học hỏi để bắt kịp với yêu cầu phát triển ngày càng cao của đất nước. Việc đổi mới PPDH đòi hỏi giảng viên không ngừng tìm kiếm các PPDH mới, kết hợp khéo léo với các phương pháp truyền thống hiện có trên cơ sở bảo đảm phù hợp với nội dung giảng dạy theo hướng nâng cao năng lực nội sinh của người học, bồi dưỡng phương pháp tự học, tự khám phá để chiếm lĩnh tri thức.

*

*

*

Trong thời kỳ đổi mới bên cạnh những thành tựu đã đạt được thì công tác đào tạo nhìn chung vẫn còn những bất cập. Chúng ta chưa có một chiến lược đào tạo có tầm vĩ mô, việc xây dựng kế hoạch đào tạo còn chưa sát với nhu cầu xã hội. Đội ngũ cán bộ giảng dạy không đồng đều, chưa đáp ứng được yêu cầu về số lượng và chất lượng của công tác đào tạo.

Đào tạo toàn diện là nhiệm vụ quan trọng của các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp trong cả nước. Với mục đích đào tạo ra các nhạc sĩ, nghệ sĩ, các nhà lý luận, những người hoạt động trên lĩnh vực âm nhạc chuyên nghiệp có kiến thức chuyên môn sâu rộng cả về lý luận và thực tiễn đáp ứng cho nhu cầu của xã hội; để công tác đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp Việt Nam ngày càng khẳng định vị trí của mình ở khu vực Đông Nam Á và có tiếng vang trên thế giới; để bộ môn Piano phát huy hiệu quả hơn vai trò hỗ trợ của mình đối với các ngành học chúng tôi có những **khuyến nghị và đề xuất** sau:

- Về công tác tuyển sinh:

Công tác tuyển sinh đóng một vai trò hết sức quan trọng, 50% thành công của kết quả giảng dạy là nhờ vào đó. Vì vậy, cần quan tâm đến chất lượng, năng khiếu đầu vào khi xét tuyển:

+ Có quy định về trình độ Piano nhất định đối với thí sinh các ngành Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy; thống nhất trong xây dựng tiêu chí tuyển vào bậc ĐH chuyên ngành Lý luận, Sáng tác và Chỉ huy phải có trình độ Piano tương đương Trung cấp.

+ Tuyển sinh phải có chức năng tạo nguồn từ Piano: Mở rộng chỉ tiêu tuyển vào ngành Piano ở bậc học thấp và có hướng chuyển sang các ngành học phù hợp với khả năng sau khi tốt nghiệp Trung cấp Piano đối với những trường hợp không có đủ khả năng để theo học tiếp Piano ở bậc học cao hơn;

+ Đối với các chuyên ngành khác, đặc biệt là đối với ngành Thanh nhạc do độ tuổi để ổn định khả năng phát triển giọng hát là khá muộn (từ 16,17 trở lên) vì vậy khuyến khích học Piano trước khi học chuyên ngành.

- Về đội ngũ cán bộ giảng dạy:

+ Chuyên môn hóa đội ngũ giảng dạy, phân định giảng viên bộ môn Piano phổ thông theo từng chuyên ngành hoặc từng nhóm chuyên ngành cụ thể để có sự quan tâm và đầu tư xuyên suốt từ thấp lên cao.

+ Yêu cầu giảng viên Piano phổ thông có kế hoạch bổ sung nền kiến thức tổng hợp, học bằng nhiều cách nhằm đáp ứng cho công việc giảng dạy phù hợp với đặc thù từng chuyên ngành, tạo được sự gắn kết giữa Piano với các ngành học gây hứng thú cho người học.

+ Có kế hoạch thường xuyên khảo sát thực trạng tay nghề của giảng viên để kịp thời bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn thông qua hình thức gửi cán bộ đi học tập nâng cao trình độ trong và ngoài nước;

+ Có chiến lược giữ lại, bồi dưỡng thêm tay nghề và nghiệp vụ sư phạm cho những sinh viên có kết quả học tập tốt để tăng cường lực lượng cho đội ngũ cán bộ giảng dạy (thực tế là trong các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp, đội ngũ cán

bộ giảng dạy môn Piano phổ thông chưa tương xứng với số lượng sinh viên học sinh, tạo nên sự mất cân đối lớn giữa người dạy và người học; nếu muốn đạt đến mục tiêu phổ cập Piano cho mọi chuyên ngành thì số lượng giảng viên Piano phổ thông phải bổ sung tăng thêm 4-5 lần so với số lượng đang có hiện nay).

- *Đổi mới về nội dung và PPGD:*

+ Có kế hoạch xây dựng giáo trình riêng cho bộ môn Piano phổ thông đối với từng nhóm chuyên ngành trên cơ sở tham khảo tài liệu và chương trình giảng dạy của các Nhạc viện trong và ngoài nước bảo đảm phù hợp và có ý nghĩa thiết thực với đặc thù của từng chuyên ngành.

+ Quan tâm hơn nữa đến vấn đề đổi mới PPGD; đặc biệt chú trọng đến việc hướng dẫn, gợi mở, tạo cho người học ý thức làm việc độc lập, khuyến khích việc chủ động nêu ra câu hỏi, tích cực tư duy; giảng viên phải hỗ trợ cho người học theo từng nhiệm vụ cụ thể (ngoài giờ lên lớp cá nhân phải có giờ luyện thi tấu, giờ học đệm đàn, học hòa tấu 4 tay...).

+ Có kế hoạch tổ chức các chương trình concert, seminar Piano mang tính định kỳ dành cho những người chơi Piano nghiệp dư trong phạm vi bộ môn, khoa, trường; khuyến khích sinh viên chuyên ngành Sáng tác trong các kỳ thi (ngoài những bài bắt buộc) có thể trình bày tác phẩm do mình viết nhằm mục đích thể hiện sự gắn kết giữa Piano với ngành học của mình, đồng thời tạo được sự hứng thú trong quá trình học tập môn Piano phổ thông;

+ Xem xét để tổ chức kiểm tra giữa kỳ như đối với các chuyên ngành chính nhằm giúp người học có ý thức luyện tập kỹ năng chơi Piano một cách thường xuyên và bền bỉ (tránh tình trạng học tập mang tính đối phó, chỉ tập bài trước khi thi);

+ Đầu tư hơn nữa cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy và học tập; cần thay đổi cách nhìn nhận đối với giảng viên Piano phổ thông (không xem nhẹ hoặc đánh giá là giảng viên hạng hai...). Bên cạnh đó bản thân người dạy cũng

phải ý thức được trách nhiệm của mình để có sự đầu tư thích đáng trong công việc giảng dạy.

+ Xây dựng quy chế đào tạo mới, đa dạng và phù hợp với cơ chế hiện nay: Môn Piano phổ thông nên được đưa vào chương trình giảng dạy của chuyên ngành Thanh nhạc từ bậc Trung học và không nên áp dụng đào tạo theo kiểu tín chỉ ở bậc Cao học; xây dựng lộ trình để phổ cập Piano cho tất cả mọi chuyên ngành (trước mắt có thể áp dụng đối với bậc ĐH); có những quy chuẩn cụ thể về trình độ Piano khi tốt nghiệp (đầu vào và đầu ra phải có sự khác biệt về trình độ); kéo dài thời gian được học Piano đối với các chuyên ngành (bằng cách bắt đầu học sớm hơn và kết thúc muộn hơn), đồng thời thống nhất trên phạm vi toàn quốc phương pháp sư phạm chung về đào tạo cũng như giáo trình sử dụng.

Là công trình nghiên cứu chuyên sâu đầu tiên về lĩnh vực đào tạo bộ môn Piano phổ thông, luận án sẽ đóng góp những giải pháp trong việc xây dựng nội dung chương trình giảng dạy đạt hiệu quả cao đồng thời đưa ra một cái nhìn toàn diện và khách quan những đóng góp tích cực của đàn Piano đối với vấn đề hỗ trợ nghiên cứu chuyên sâu các ngành học, làm cơ sở để góp phần xây dựng hướng đào tạo mang tính chiến lược.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Sách, giáo trình tiếng Việt

1. Nguyễn Thanh Bình (2006), *Lý luận giáo dục học Việt Nam*, Nhà xuất bản ĐHSP
2. Đỗ Ngọc Đạt (2000), *Bài giảng Lý luận dạy học hiện đại*, Nhà xuất bản ĐHQG Hà Nội
3. M.A.Danilov & M.N.Scarkin, *Một số vấn đề của lý luận dạy học hiện đại* - Nhà xuất bản Giáo dục, 1980
4. Nhạc viện Hà Nội (2001), *Những tiêu chí xác định năng khiếu âm nhạc để tuyển chọn học sinh cho các cơ sở đào tạo âm nhạc trên phạm vi toàn quốc*
5. Đặng Vũ Hoạt, Hà Thị Đức (2004), *Lý luận dạy học Đại học*, Nhà xuất bản ĐHSP
6. Học viện Hành chính quốc gia, *Phương pháp giảng dạy hiện đại cho người lớn*, DSL-NAPA - Khoa Phương pháp Sư phạm hành chính
7. Lê Nguyên Hồng (2010), *Nâng cao chất lượng đào tạo bộ môn Violon tại Học viện Âm nhạc Huế*, đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ
8. Phạm Minh Khang (2000), *Giáo trình hòa thanh*, Nhạc viện Hà Nội
9. Nguyễn Trung Kiên (2001), *Phương pháp sư phạm Thanh nhạc*, Nhạc viện Hà Nội
10. Nguyễn Trung Kiên (2014), *Những vấn đề sư phạm Thanh nhạc*, Nhà xuất bản Âm nhạc
11. Nguyễn Kỳ (1996), *Mô hình dạy học tích cực - lấy người học làm trung tâm*, Trường Cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo, Hà Nội
12. Hồ Mộ La (2005), *Lịch sử nghệ thuật Thanh nhạc phương Tây*, Nhà xuất bản Từ điển bách khoa

13. Thái Thị Liên (1974), *Phương pháp học đàn Piano*, Nhà xuất bản Giáo dục
14. Luật Giáo dục 2005 và luật Giáo dục sửa đổi 2009 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành
15. Robert J. Marzano (2011), *Nghệ thuật và khoa học dạy học*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
16. Nguyễn Thị Nhung (2001), *Âm nhạc thánh phòng - giao hưởng Việt Nam - Sự hình thành và phát triển - Tác phẩm - Tác giả*, Viện Âm nhạc
17. Lê Đức Ngọc (2005), *Giáo dục đại học – Phương pháp dạy và học*, Nhà xuất bản ĐHQG Hà Nội
18. Allan C. Ornstein và Thomas J. Lasley (2001), *Các chiến lược để dạy học có hiệu quả*, Ban đào tạo trường ĐHQG biên dịch
19. Carl Rogers (2001), *Phương pháp dạy và học hiệu quả*, Nhà xuất bản Trẻ thành phố Hồ Chí Minh
20. Hà Sâm (2000), *Giáo trình chuyên ngành sáng tác âm nhạc - Bậc đại học 4 năm*, Đại học Nghệ thuật Huế
21. Tài liệu hướng dẫn (2011), *Tăng cường năng lực sư phạm cho giảng viên các trường đào tạo giáo viên trung học phổ thông và trung cấp chuyên nghiệp*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
22. *Tài liệu Hội nghị Trung ương 4 khóa VII* (1993)
23. *Tài liệu Hội nghị Trung ương 2 khóa VIII* (1996).
24. Thái Duy Tuyên (2008), *Phương pháp dạy học truyền thống và đổi mới*, Nhà xuất bản giáo dục
25. Vũ Văn Tảo (2000), *Vài nét về xu thế đổi mới phương pháp dạy học đại học trên thế giới*, Sách Giáo dục học, Đại học Hà Nội

26. Trương Ngọc Thắng (2010), *Quá trình hình thành và phát triển Ca hát chuyên nghiệp Việt Nam*, Nhà xuất bản Thuận Hóa

27. Lê Công Triêm, Nguyễn Đức Vũ, Trần Tú Anh (2002), *Những vấn đề hiện nay của phương pháp dạy học đại học* – Nhà xuất bản Giáo dục

28. Hà Thế Truyền (2010), *Phương pháp dạy học đại học*, ĐHSPHN

29. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X (2006).

30. Viện hàn lâm khoa học giáo dục Liên xô (1977), *Những cơ sở của lý luận dạy học*, Nhà xuất bản Giáo dục

31. Viện Âm nhạc (2000), *Âm nhạc mới Việt Nam - Tiến trình và thành tựu*

32. Phan Thị Hồng Vinh (2007), *Phương pháp dạy học giáo dục học*, Nhà xuất bản ĐHSP

*** Sách nghiên cứu và tài liệu tiếng Anh**

33. Denes Agay, *The twentieth century*, An Anthology of Piano

34. J. Banowetz (1985), *The Pianist's Guide to Pedaling*, Indiana University Press

35. Arthur Briskier, *New approach to Piano transcriptions and interpretation of J.S.Bach's music*, Carl Fischer, 62 cooper square, New York

36. Dominique Bordier, Raoul Duflot, Verez, Michel Leclere, *Pianorama*

37. Harriette Brower (1917), *Piano mastery*, New York, Frederick A.stokes company publishers

38. Hezekiah Butterworth (1884), *The great composers*, Boston:D. Lothrop and company

39. Sylvia Coats (2006), *Thinking as you play*, Indiana University Press

40. James Francis Cooke (1917), *Great pianists on Piano playing*, Theo. Presser Co. Philadelphia, PA.

41. Carl Czerny (1840), *Letter to a young lady - on the art of playing the Pianoforte*, London R. Cocks and Co., Hanover square
42. Kathleen Dale (1954), *Nineteenth century Piano music a handbook for pianist*, Oxford university press
43. Leonhard Deutsch (1950), *Piano guided sight* - Reading, Nelson - hall company, Chicago
44. Ruth A.Dickerson (1962), *A new approach to Piano technique*, published by Pageant press, Inc.101 Avenue, New York 3
45. Heinrich Ehrlich (1901), *How to practise on the Piano*, G.Schirmer, Inc. New York
46. Louis Charles Elson (1898), *Great composer and their work*, Music - University of Toronto
47. Sydney Grew (1922), *The art of the player - Piano*, New York: E.P.Dutton & Co.
48. S.Hidalgo (1994), *Tips on how to teach effectively*, Rex Book Store, Manila, Philippines
49. Josef Hofmann (1920), *Piano playing with Piano question answered*, Philadelphia, Theodore presser Co.
50. Eric Hope (1962), *A handbook of Piano playing*, London: Dennis Dobson
51. Ernest Hutcheson (1907), *The elements of Piano technique*, The G.Fred Kranz Music Co.USA
52. Reginald R. Gerig (2007), *Famous Pianists Their Technique*, Indiana University Press
53. Anna Hamilton (1916), *Keyboard Harmony and transposition*, Clayton F. Summy Co. & Co. London

54. Mark Hambourg (1922), *How to play the Piano*, Philadelphia, PA. Theodore presser company
55. Algernon H. Lindo (1922), *Peddalling in pianoforte music*, London - New York
56. Adolf Bernhard Marx (1895), *Introduction to the interpretation of the Beethoven Piano works*, Clayton F. Summy Co., Chicago
57. Frank Marrick (1958), *Practising the Piano*, Dover publications, Inc. NY
58. Tobias Matthay (1910), *The first principles of Pianoforte playing* - Longmans green, and Co.
59. Tobias Matthay (1903), *The act of touch in all its diversity*, Bosworth & Co.Ltd, London
60. Frank Merick (1958), *Practising the Piano*, Rockliff Publishing Corporation
61. Karl Merz (1895), *Piano method -A complete course of instruction for the Piano*, The S.Brainard's Son Co. New York
62. Judith Oringer (1983), *Passion for the Piano*, Jeremy p.tarcher, Inc. Los Angeles
63. Ortmann Otto (1925), *The physical basis of Piano touch and tone*, New York: E.p. Dutton & Co.
64. Ernst Pauer (1877), *The art of Pianoforte playing*, London & New York, Novello, Ewer & Co.
65. Edward Baxter Perry (1906), *Descriptive analyses of Piano works for the use of teachers, players and music clubs*, Philadelphia Theodore presser, London, weekes & Co.
66. Edward Baxter Perry (1910), *Storries of standard teaching pieces*, Theo.presser Co. 1712 Chestnut st., Philadelphia, PA.

67. Ridley Prentice (1963), *The musician - A guide for Pianoforte students*, London J. Curwen & Sons Ltd.

68. William Townsend (1911), *Modern Piano teaching*, Bosworth & Co.

69. En. Wikipedia. Org/wiki/piano

70. www.Pianoatlas. Com/howold. Html

71. www.uk – Piano. Org/history

72. Mary Venable (1913), *The interpretation of Piano music*, Boston: Oliver Ditson company

73. Albert F. Venino (1893), *A pedal method for the Piano*, New York: Edward Schubert & Co.

74. George Woodhouse (1910), *The artist at the Piano*, London: Novello and company

*** Sách nghiên cứu tiếng Nga**

75. А.Д.Алексеев (1988), *История фортепианного искусства*, Часть 1 и 2 "Музыка"

76. А. Алексеев (1961), *Методика обучения игре на фортепьяно*, изд. "Музгиз", Москва

77. Т.Б.Юдовина-Гальперина (2010), *За роялем без слёз, или я - детский педагог*, изд. "Союз Художников" Санкт-Петербург

78. Н.Ширинская (1981), *Гаммы и Арпеджио*, Москва всесоюзное издательство Советский Композитор

79. А. Николаева (1969), *Школа игры на Фортепиано*, Издательство Музыка, Москва.

80. А. Николаева (1982), *Фортепианная игра (1-2 классы детской музыкальной школы)*, Издательство "Музыка", Москва

81. Составители: А. И. Четверухина, Т. А. Верижникова, Е. А.

Подрудкова, *Хрестоматия для фортепиано* (3 - 4 класс ДМШ)

*** Bài báo, tạp chí tiếng Việt**

82. Hội Nhạc sỹ Việt Nam (2005), Tạp chí *Âm nhạc và Thời đại*, quý I

83. Hội Nhạc sỹ Việt Nam (2005), Tạp chí *Âm nhạc và Thời đại*, quý IV

84. Hội Nhạc sỹ Việt Nam (2010), Tạp chí *Âm nhạc Việt Nam* số 13

85. Viện âm nhạc (1986), Tạp chí *Thông tin - Khoa học - Âm nhạc*

86. Viện Âm nhạc (1986), Tạp chí *Nghiên cứu - Âm nhạc*.

*** Luận văn Thạc sĩ, Luận án Tiến sĩ**

87. Nguyễn Minh Anh (2008), *Sự phát triển nghệ thuật Piano Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Nghệ thuật, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam

88. Ngô Phương Đông (2011), *Đào tạo âm nhạc thế kỷ XX cho kèn Hautbois tại Học viện Âm nhạc Quốc Gia Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Nghệ thuật học, Học viện Âm nhạc Quốc Gia Việt Nam

89. Hoàng Hoa (1997), *Một số yếu tố biểu hiện bản sắc dân tộc trong sáng tác cho Piano của nhạc sỹ Việt Nam*, Luận văn Thạc sỹ nghệ thuật, Nhạc viện Hà Nội

90. Phạm Phương Hoa (2010), *Những thủ pháp sáng tác trong một số trường phái âm nhạc thế kỷ XX*, Luận án Tiến sĩ Nghệ thuật, Học viện Âm nhạc Quốc Gia Việt Nam

91. Hà Mai Hương (2008), *Nghiên cứu việc giảng dạy môn Piano phổ thông trong các trường âm nhạc chuyên nghiệp*, Luận văn Thạc sỹ Nghệ thuật, Nhạc viện Hà Nội

92. Trần Thị Mộc Lan (2003), *Vấn đề giảng dạy các tác phẩm phức điệu của Bach trong đào tạo chuyên ngành Piano ở Việt Nam*, Luận văn Thạc sỹ Nghệ thuật, Nhạc viện Hà Nội

93. Trần Thị Ngọc Lan (2010), *Nâng cao chất lượng đào tạo hát tiếng Việt trong nghệ thuật hát mới*, Luận án Tiến sĩ nghệ thuật, HVANQGVN
94. Nguyễn Phúc Linh (1996), *Một số phương pháp biểu hiện của kèn gõ giao hưởng trong các tác phẩm Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ nghệ thuật, Nhạc viện Hà Nội
95. Võ Văn Lý (2011), *Phát âm tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát*, Luận án Tiến sĩ nghệ thuật, HVANQGVN
96. Vũ Thị Phương Mai (2003), *Một số vấn đề trong việc giảng dạy học sinh Piano nhỏ tuổi ở Việt Nam*, Luận văn Thạc sỹ Nghệ thuật, Nhạc viện Hà Nội
97. Lưu Quang Minh (2002), *Nghệ thuật Accordion đương đại Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ nghệ thuật, Nhạc viện Hà Nội
98. Ngô Văn Thành (1996), *Sự hình thành và phát triển nghệ thuật đàn Violon ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ nghệ thuật, Nhạc viện Hà Nội
99. Đỗ Xuân Tùng (1998), *Khai thác các yếu tố dân tộc trong các tác phẩm Việt Nam viết cho đàn dây kéo phương Tây*, Luận án Tiến sĩ nghệ thuật, Nhạc viện Hà Nội
100. Nguyễn Bích Vân (2010), *Rèn luyện bản lĩnh biểu diễn cho học sinh, sinh viên nhạc cụ cổ điển phương Tây*, Luận án Tiến sĩ Nghệ thuật học, Học viện Âm nhạc Quốc Gia Việt Nam

Những bài báo của tác giả đã đăng tải liên quan đến luận án

1. *Tác phẩm cho Piano - Vấn đề cần quan tâm*, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, số 302, tháng 8/2009 (trang 7 – 9)
2. *Đàn Piano trong việc phát triển tư duy âm nhạc và nâng cao trình độ cảm thụ nghệ thuật của sinh viên học sinh các trường âm nhạc chuyên nghiệp*, Tạp chí Âm nhạc Việt Nam Panorama - Hội nhạc sĩ Việt Nam, số 18/2011 (trang 24 – 25)

3. *Piano và Thanh nhạc - Sự kết hợp hoàn chỉnh*, Thông báo khoa học - Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, số 41/2014 (trang 122 – 127)

4. *Phát triển khả năng sáng tạo của người dạy Piano*, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, số 369, tháng 3/2015 (trang 100 – 103)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
HỌC VIỆN ÂM NHẠC QUỐC GIA VIỆT NAM**

HÀ MAI HƯƠNG

**VAI TRÒ CỦA PIANO
TRONG NÂNG CAO MẶT BẰNG KIẾN THỨC CHUNG
CỦA CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO ÂM NHẠC CHUYÊN NGHIỆP VIỆT NAM**

PHỤ LỤC LUẬN ÁN

Chuyên ngành: Âm nhạc học

Mã số: 62 21 02 01

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS.NGND TRẦN THU HÀ

Hà Nội, 201

MỤC LỤC

Phụ lục 1: Hình ảnh, ví dụ âm nhạc sử dụng trong luận án

Phụ lục 1.1: Hình ảnh sử dụng trong chương 1

Phụ lục 1.2: Hình ảnh sử dụng trong chương 1

Phụ lục 1.3: Hình ảnh sử dụng trong chương 1

Phụ lục 1.4: Hình ảnh sử dụng trong chương 1

Phụ lục 1.5: Hình ảnh sử dụng trong chương 1

Phụ lục 1.6: Hình ảnh sử dụng trong chương 1

Phụ lục 1.7: Ví dụ âm nhạc sử dụng trong chương 1

Phụ lục 1.8: Ví dụ âm nhạc sử dụng trong chương 1

Phụ lục 1.9: Ví dụ âm nhạc sử dụng trong chương 1

Phụ lục 1.10: Ví dụ âm nhạc sử dụng trong chương 3

Phụ lục 2: Giáo trình Piano phổ thông tại Nhạc viện thành phố Hồ Chí Minh

Phụ lục 3: Giáo trình Piano phổ thông tại HVANH

Phụ lục 4: Dự kiến nội dung chương trình giảng dạy môn Piano phổ thông cho bậc Trung cấp và Đại học

Phụ lục 5: Phiếu trưng cầu ý kiến CBGV và HSSV đối với vấn đề giảng dạy và học tập môn Piano phổ thông

Phụ lục 1: Hình ảnh, ví dụ âm nhạc sử dụng trong luận án

Phụ lục 1.1



Đàn Piano thế kỷ XVIII

Phụ lục 1.2



Đàn Piano đứng (Upright Piano)

Phụ lục 1.3



Đàn Piano lớn (Grand Piano)

Phụ lục 1.4



Đàn Harpsichord

Phụ lục 1.5.



V.A.Mozart - nhạc sĩ thiên tài trường phái Cổ điển (1756 - 1791)

Phụ lục 1.6



Hebert Von Karajan - nhà chỉ huy xuất sắc người Áo (1908 - 1989)

Phụ lục 1.7.

TRỐNG CỜ

Allegro scherzo (♩ = 110 - 120)

ĐẶNG HỮU PHÚC

The musical score for "TRỐNG CỜ" is written for piano and bass. It begins with a tempo marking of "Allegro scherzo" and a metronome indication of 110-120 beats per minute. The key signature has two sharps (F# and C#). The score is divided into five systems, with measure numbers 6, 10, 15, and 19 marking the start of new sections. The notation includes various dynamics such as *p* (piano), *f* (forte), *sf* (sforzando), *ff* (fortissimo), and *fff* (fortississimo). There are also articulation marks like *stacc.* (staccato) and *cresc.* (crescendo). Performance instructions like *senza pedal* (without pedal) are present. Fingerings and pedaling symbols are indicated throughout the piece. The score concludes with a *16va.* (16th measure) marking.

Phụ lục 1.8

Vocalise
14 Romances, op. 34 – No 14

S. Rachmaninov (1912)
Transc. : Bernard Dewagtere

Lentamente
molto cantabile

p

Poco più animato
mf

Poco più animato
mf

Phụ lục 1.9

Die Forelle.

Gedicht von Chr. Fr. D. Schubart.

Für eine Singstimme mit Begleitung des Pianoforte

Schubert's Werke

componirt von

FRANZ SCHUBERT.

No. 327

Erste Fassung

Mässig

1817

Singstimme.

In ei-nem Bächlein hel-le, da shoss in fro-her Eil' die
Fi-scher mitder Ru-the wohl an dem U-fer stand und

Pianoforte.

lau-ni-sche Fo-rel-le vor-ü-ber wie ein Pfeil. Ich
sah's mit kal-tem Blu-te wie sich das Fischlein wand. So

stand an dem Ge-sta-de und sah in sü-sser Ruh' des
lang dem Was-ser Hel-le, so dacht' ich, nicht ge-bricht, so

Phụ lục 1.10 (Các dạng luyện tập của Gam Do major)



C - dur



Phụ lục 2: Giáo trình Piano phổ thông tại Nhạc viện thành phố Hồ Chí Minh

Gồm 2 bộ giáo trình Piano phổ thông dành cho HSSV Khoa Thanh nhạc và khoa Lý luận - Sáng tác - Chỉ huy với bố cục được xây dựng cụ thể như sau:

a/ Giáo trình Piano đối với chuyên ngành Thanh nhạc:

- Gồm 4 tập, tập I & II dành cho học sinh TC năm thứ Nhất và năm thứ Hai, tập III & IV dành cho sinh viên ĐH năm thứ Nhất và năm thứ Hai. Mỗi tập bao gồm 4 phần quy định các thể loại như sau:

Phần I - Tiểu phẩm: Gồm các bài nhỏ của các nhạc sĩ Cổ điển và Lãng mạn, những giai điệu nổi tiếng được trích từ những vở nhạc kịch, ballet, giao hưởng...

Phần II - Etude: Gồm những bài luyện ngón đơn giản bổ sung về mặt kỹ thuật cho HSSV chủ yếu của các tác giả C.Czerny, F.Lekuppe, H.Berens, H.Lemoine, A.Leshgorn, C.Gurlitt, L.Shitte...

Phần III - Sonatine : Gồm những chương Allegro Sonatine của các tác giả trường phái Cổ điển Clementi, Diabelli, Dussek, Mozart, Haydn, Beethoven...

Phần IV - Hòa tấu 4 tay: Gồm những bản nhạc nhỏ, không quá phức tạp giúp người học tăng cường khả năng hòa tấu, khả năng nghe các bè, cảm nhận được sự cộng hưởng của âm thanh trong khi thể hiện tác phẩm âm nhạc.

Chương trình thi cuối học kỳ môn Piano - khoa Thanh nhạc

Bậc TC Thanh nhạc - Năm thứ Nhất:

Học kỳ 1: 1 tiểu phẩm hoặc 2 bài nhỏ hoặc 1 Etude

Học kỳ 2: 1 tiểu phẩm hoặc 1 chương Allegro Sonatine

Bậc TC Thanh nhạc - Năm thứ Hai:

Học kỳ 1: 1 tiểu phẩm hoặc 1 Etude

Học kỳ 2: 1 chương Allegro Sonatine

Bậc ĐH Thanh nhạc - Năm thứ Nhất:

Học kỳ 1: 1 tiểu phẩm

Học kỳ 2: 1 chương Allegro Sonatine

Bậc ĐH Thanh nhạc - Năm thứ Hai:

Học kỳ 1: 1 tiểu phẩm

Học kỳ 2: 1 chương Allegro Sonatine

b/ Giáo trình đối với các chuyên ngành Sáng tác Chỉ huy Âm nhạc học

- Gồm 6 tập, mỗi tập tương ứng với một năm học trong ba năm đầu của hai bậc học TC và ĐH. Tập I, II & III dành cho học sinh TC năm thứ Nhất, năm thứ Hai và năm thứ Ba. Tập IV, V và VI dành cho sinh viên ĐH năm thứ Nhất, năm thứ Hai và năm thứ Ba. Mỗi tập bao gồm 4 phần với các quy định về thể loại như sau:

Phần I - Phức điệu: Được giới thiệu bằng những Vũ khúc cổ của J.S.Bach và những bản Prelude nhỏ.

Phần II - Etude: Bao gồm các bài tập luyện ngón với các dạng kỹ thuật cơ bản của Piano như kỹ thuật staccato, legato, nonlegato, kỹ thuật tay trái, kỹ thuật bán cung, kỹ thuật hợp âm rải, kỹ thuật tăng cường tốc độ ngón, kỹ thuật phối hợp nhịp nhàng giữa 2 tay, kỹ thuật tiết tấu chùm ba, móc giạt...

Phần III - Tiểu phẩm: Gồm các tác phẩm của các tác giả thuộc trường phái Cổ điển và Lãng mạn nước ngoài, kết hợp với một số tác phẩm của các nhạc sĩ Việt Nam như Thái Thị Liên, Việt Kim, Nguyễn Hữu Tuấn, Hoàng Cương, Hoàng Vân, Tôn Thất Triêm...

Phần IV - Sonatine/Sonate: Bao gồm các chương Allegro Sonatine, Allegro Sonate của các tác giả thuộc trường phái Cổ điển Clementi, Diabelli, Dussek, Mozart, Haydn, Beethoven...

+ *Chương trình thi cuối học kỳ môn Piano khoa Lý luận - Sáng tác - Chỉ huy*

Bậc TC Sáng tác, Chỉ huy, Âm nhạc học - Năm thứ Nhất:

Học kỳ 1: 1 phức điệu + 1 tiểu phẩm

Học kỳ 2: 1 etude (allegro) + 1 chương Allegro Sonatine

Bậc TC Sáng tác, Chỉ huy, Âm nhạc học - Năm thứ Hai:

Học kỳ 1: 1 phức điệu + 1 tiểu phẩm

Học kỳ 2: 1 etude (allegro) + 1 chương Allegro Sonatine

Bậc TC Sáng tác, Chỉ huy, Âm nhạc học - Năm thứ Ba:

Học kỳ 1: 1 phức điệu + 1 tiểu phẩm

Học kỳ 2: 1 etude (allegro) + 1 chương Allegro Sonatine

Bậc ĐH Sáng tác, Chỉ huy, Âm nhạc học - Năm thứ Nhất:

Học kỳ 1: 1 phức điệu + 1 tiểu phẩm

Học kỳ 2: 1 etude (allegro) + 1 chương Allegro Sonate

Bậc ĐH Sáng tác, Chỉ huy, Âm nhạc học - Năm thứ Nhất:

Học kỳ 1: 1 phức điệu + 1 tiểu phẩm

Học kỳ 2: 1 etude (allegro) + 1 chương Allegro Sonate

Bậc ĐH Sáng tác, Chỉ huy, Âm nhạc học - Năm thứ Hai:

Học kỳ 1: 1 phức điệu + 1 tiểu phẩm

Học kỳ 2: 1 etude (allegro) + 1 chương Allegro Sonate

Bậc ĐH Sáng tác, Chỉ huy, Âm nhạc học - Năm thứ Ba:

Học kỳ 1: 1 phức điệu + 1 tiểu phẩm

Học kỳ 2: 1 etude (allegro) + 1 chương Allegro Sonate

Phụ lục 3: Giáo trình Piano phổ thông tại Học viện Âm nhạc Huế

Được biên soạn nhằm trang bị cho người học nắm bắt và thực hành các yêu cầu cơ bản về kỹ năng chơi đàn Piano, với nhiệm vụ cụ thể trong từng năm như sau:

a/ Đối với chuyên ngành Thanh nhạc

- Năm thứ Nhất bậc trung cấp: Nắm bắt và thực hành trên đàn piano các yêu cầu kỹ thuật của 2 tay từ đơn giản đến phức tạp dần; cách đàn legato (liền tiếng) và staccato (ngắt tiếng).

Thi học kỳ I và học kỳ II: - 1 bài kỹ thuật.

- 1 bài tiểu phẩm.

- Năm thứ Hai bậc trung cấp: Thực hiện các kỹ thuật đa dạng hơn về chạy ngón của tay trái, tay phải; cách đàn các quãng và hợp âm chuẩn xác; tạo ý thức trong việc xử lý tiếng đàn, câu nhạc; làm quen với việc sử dụng Pedal.

Thi học kỳ I: - 1 bài kỹ thuật.

- 1 bài phức điệu.

Thi học kỳ II: - 1 bài kỹ thuật.

- 1 bài phức điệu hoặc 1 bài tiểu phẩm.

- Năm thứ Ba bậc Trung cấp: Phát triển và nâng cao những vấn đề đã được trang bị ở năm thứ Hai, học thêm các thể loại mới như Rondo, Sonatine, Variation; chú trọng trong xử lý, thể hiện tác phẩm, kết hợp với sử dụng Pedal hợp lý, có hiệu quả.

Thi học kỳ I: - 1 bài phức điệu.

- 1 bài tiểu phẩm.

Thi tốt nghiệp học phần (học kỳ II):

- 1 bài phức điệu hoặc 1 bài tiểu phẩm.

- 1 bài ở thể loại Rondo hoặc Sonatine (1 chương).

- Năm thứ Nhất bậc Đại học: củng cố và tiếp tục nâng cao hơn các yêu cầu về kỹ thuật cơ bản, chú trọng về cách xử lý tiếng đàn, pedal trong một số thể loại tác phẩm.

Thi học kỳ I và học kỳ II: - 1 bài kỹ thuật hoặc 1 bài phức điệu

- 1 bài tác phẩm hoặc 1 bài thuộc thể loại khác

- Năm thứ Hai bậc Đại học: Nâng cao kỹ thuật chơi đàn Piano, làm quen với các tác phẩm kỹ thuật có tính giai điệu, các tác phẩm phức điệu 02 - 03 bè, hoàn thiện vấn đề xử lý các thể loại tác phẩm ở nhiều trường phái khác nhau.

Thi học kỳ I và học kỳ II: - 1 bài kỹ thuật hoặc 1 bài phức điệu
- 1 bài tác phẩm hoặc 1 bài thuộc thể loại khác

- Năm thứ Ba bậc Đại học: Phát triển cao hơn những nội dung và yêu cầu của năm thứ Hai nhằm trang bị cho SV những kiến thức và kỹ năng chơi đàn Piano nhất định phục vụ cho việc hỗ trợ nghiên cứu chuyên sâu chuyên ngành.

Thi học kỳ I: - 1 bài kỹ thuật hoặc 1 bài phức điệu
- 1 bài tác phẩm hoặc 1 bài thuộc thể loại khác

Thi tốt nghiệp học phần: - 1 bài kỹ thuật hoặc 1 bài phức điệu
- 1 bài tác phẩm hoặc 1 bài thuộc thể loại khác

b/ Đối với chuyên ngành Lý luận, Sáng tác và Chỉ huy

- Năm thứ Nhất bậc Trung cấp:

Thi học kỳ I và học kỳ II: - 1 bài kỹ thuật.

- 1 bài phức điệu hoặc 1 tiểu phẩm.

- Năm thứ Hai bậc Trung cấp:

Thi học kỳ I: - 1 bài kỹ thuật.

- 1 bài phức điệu.

Thi hết học kỳ II: - 1 bài kỹ thuật hoặc 1 bài phức điệu
- 1 bài sonatine hoặc 1 bài tiểu phẩm.

- Năm thứ Ba bậc Trung cấp:

Thi học kỳ I: - 1 bài phức điệu hoặc 1 bài kỹ thuật

- 1 bài tiểu phẩm hoặc 1 bài sonatine

Thi học kỳ II: - 1 bài phức điệu hoặc 1 bài tiểu phẩm.

- 1 bài ở thể loại Rondo hoặc 1 chương Sonate

- Năm thứ Tư bậc Trung cấp:

Thi tốt nghiệp (HK I): - 1 bài phức điệu 2 hoặc 3 bè

- 1 bài tiểu phẩm

- 1 Rondo hoặc Biến tấu hoặc 1 chương Sonate

- Năm thứ Nhất bậc Đại học:

Thi học kỳ I và học kỳ II: - 1 bài kỹ thuật hoặc 1 bài phức điệu
- 1 bài tác phẩm hoặc 1 bài thuộc thể loại lớn

- Năm thứ Hai bậc Đại học:

Thi học kỳ I và học kỳ II: - 1 bài kỹ thuật hoặc 1 bài phức điệu
- 1 bài tác phẩm hoặc 1 bài thuộc thể loại lớn

- Năm thứ Ba bậc Đại học:

Thi học kỳ I và học kỳ II: - 1 bài kỹ thuật hoặc 1 bài phức điệu
- 1 bài tác phẩm hoặc 1 bài thuộc thể loại lớn

- Năm thứ Tư bậc Đại học:

Thi tốt nghiệp (học kỳ I): - bài phức điệu
- 1 bài tác phẩm.
- 1 Rondo hoặc Biến tấu hoặc 1 chương Sonate

Phụ lục 4: Giáo trình Piano phổ thông tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam

** Đối với chuyên ngành Thanh nhạc*

Yêu cầu chung: Số lượng bài tối thiểu trong mỗi học kỳ là 5, kiểm tra giữa kỳ 2 bài, thi cuối kỳ 3 bài.

- Đại học 1:

Kiểm tra (kỳ 1): 1 gam trưởng và 1 gam thứ kết hợp với hợp âm rải

Kiểm tra (kỳ 2): 1 bài kỹ thuật, 1 bài tự chọn

Thi học kỳ I&II: 1 phức điệu, 1 sonatine/biến tấu, 1 bài đệm hát

- Đại học 2:

Kiểm tra giữa kỳ: 1 etude, 1 bài tác phẩm

Thi cuối kỳ: 1 phức điệu, 1 sonatine/biến tấu, 1 bài đệm hát

- Đại học 3:

Kiểm tra giữa kỳ: 1 etude, 1 bài tác phẩm

Thi cuối kỳ: 1 phức điệu, 1 sonatine/biến tấu, 1 bài đệm hát

** Đối với chuyên ngành Sáng tác, Lý luận, Chỉ huy*

- Trung cấp 1:

Kiểm tra giữa kỳ: 1 gam và hợp âm rải, 1 bài kỹ thuật

Thi học kỳ I&II: 1 phức điệu, 1 sonatine/biến tấu, 1 bài tự chọn

- Trung cấp 2:

Kiểm tra giữa kỳ: 1 etude, 1 tiểu phẩm

Thi cuối kỳ: 1 phức điệu, 1 tiểu phẩm, 1 chương sonata

- Trung cấp 3:

Kiểm tra giữa kỳ: 1 bài kỹ thuật, 1 bài tự chọn

Thi cuối kỳ: 1 phức điệu, 1 tiểu phẩm, 1 chương sonata/biến tấu

- Đại học 1:

Kiểm tra giữa kỳ: 1 etude, 1 tiểu phẩm

Thi cuối kỳ: 1 etude/phức điệu, 1 tiểu phẩm, 1 chương sonata

- Đại học 2:

Kiểm tra giữa kỳ: 1 etude, 1 tiểu phẩm

Thi cuối kỳ: 1 etude/phức điệu, 1 tiểu phẩm, 1 chương sonata/biến tấu

- Đại học 3:

Kiểm tra giữa kỳ: 1 etude, 1 tiểu phẩm

Thi cuối kỳ: 1 etude/phức điệu, 1 tiểu phẩm, 1 chương sonata/biến tấu

Phụ lục 5 : Phiếu trưng cầu ý kiến cán bộ giảng viên và học sinh sinh viên

Phụ lục 5.1 : Phiếu trưng cầu ý kiến cán bộ giảng viên

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN CÁN BỘ GIẢNG VIÊN

Để giúp chúng tôi có cơ sở tìm ra những biện pháp tổ chức hoạt động đào tạo nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập môn Piano phổ thông tại Học viện Âm nhạc Huế, đề nghị quý thầy cô cho biết ý kiến của mình về một số vấn đề dưới đây bằng cách trả lời hoặc đánh dấu (X) vào nội dung được cho là phù hợp với quan điểm của mình:

Họ và tên CBGV:

Thời gian công tác:

Chuyên ngành mà các thầy cô đang giảng dạy môn Piano phổ thông:

Sáng tác: ☐ Lý luận: ☐ Chỉ huy: ☐ Thanh nhạc: ☐

1. Theo thầy cô, tinh thần, thái độ học tập của SVHS các chuyên ngành trên đối với môn Piano phổ thông hiện nay là chưa tích cực, còn mang tính thụ động và đối phó là do:

1.1. Người học chưa nhận thức được vai trò tích cực của Piano hỗ trợ cho nghiên cứu chuyên sâu các ngành học ☐

1.2. Giảng viên còn xem nhẹ đối tượng học, có sự phân biệt giữa giảng dạy Piano chuyên ngành và Piano phổ thông ☐

1.3. Cả 2 ý trên ☐

1.4. Ý kiến khác (nếu có):

2. Đánh giá của thầy cô về vai trò quan trọng của môn đàn Piano đối với các chuyên ngành được học:

2.1. Rất quan trọng và cần thiết ☐

2.2. Không quan trọng lắm ☐

2.3. Không quan trọng ☐

2.4. Hoàn toàn không quan trọng ☐

3. Thầy cô đánh giá như thế nào về nội dung giảng dạy, số lượng và thể loại bài thi mà SVHS phải thực hiện trong từng học kỳ như hiện nay:

3.1. Vừa phải, nên giữ nguyên mức độ như hiện nay ☐

3.2. Còn ít, nên tăng thêm các bài tác phẩm để SVHS có cơ hội được làm quen với nhiều thể loại và phong cách hơn ☐

3.3. Quá nhiều, cần giảm bớt để SVHS có thời gian đầu tư sâu hơn vào từng tác phẩm ☐

3.4. Ý kiến khác (nếu có):.....

4. Nếu cần phải bổ sung thêm một số nội dung mới trong chương trình giảng dạy môn Piano phổ thông để phù hợp với đặc thù của từng chuyên ngành, thầy cô sẽ có đề xuất cụ thể như thế nào?

- Đối với Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy:

- Đối với Thanh nhạc:

5. Nguyên nhân nào làm ảnh hưởng không tốt đến hiệu quả, chất lượng học tập của SVHS (có thể chọn một hay nhiều ý):

5.1. Điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường phục vụ cho giảng dạy và học tập còn quá nhiều thiếu thốn ☐

5.2. Phương pháp giảng dạy và hướng dẫn của GV chưa đổi mới và sinh động, không lôi cuốn người học ☐

5.3. Động cơ học tập và mục tiêu phấn đấu của người học chưa rõ ràng ☐

5.4. Chương trình học tập quá nặng nên SVHS không có nhiều thời gian tự học, tự nghiên cứu ngoài giờ ☐

5.5. Nhà trường chưa có các biện pháp quản lý việc dạy và học phù hợp và hiệu quả nên chưa tạo cho người học ý thức tự giác cao ☐

5.6. Tất cả các nguyên nhân trên ☐

5.7. Nguyên nhân khác (nếu có):.....

6. Các hình thức tổ chức hoạt động nào dưới đây sẽ tạo được hứng thú tự học tập và tự rèn luyện cho SVHS (có thể chọn 1 hay nhiều nội dung):

6.1. Thường xuyên tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, sinh hoạt hay giao lưu âm nhạc để SVHS có cơ hội mở mang kiến thức, trao đổi kinh nghiệm học tập ☐

6.2. Tổ chức các chương trình biểu diễn báo cáo kết quả học tập thường kỳ (trong phạm vi bộ môn piano không chuyên, hay phạm vi ngành âm nhạc) cho SVHS được tham gia ☐

6.3. Có hình thức động viên, khen thưởng kịp thời đối với những trường hợp có kết quả học tập đáng khích lệ ☐

6.4. Khuyến khích SVHS tự thành lập các nhóm, các tổ học tập tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra đôn đốc, nhắc nhở ý thức tự học, tập luyện ngoài giờ ☐

6.5. Tất cả các hình thức trên ☐

6.6. Ý kiến khác (nếu có)

7. Hãy lựa chọn một hoặc một số phương pháp (PP) sau đây mà GV cho là phù hợp nhất, có thể vận dụng trong giảng dạy:

7.1. PP quy nạp và suy diễn ☐

7.2. PP kích thích nghĩa vụ và trách nhiệm học tập ☐

7.3. PP học theo nhóm ☐

7.4. PP dạy học hướng vào người học ☐

7.5. PP dạy học đảm bảo “tính vừa sức” ☐

7.6. PP khơi dậy lòng tự tin vào năng lực bản thân ☐

7.7. Các phương pháp khác (nếu có)

8. Theo đánh giá của GV, sự tác động của các phương pháp mới này đối với SVHS như thế nào (có thể mô tả cụ thể):

.....

9. Hãy so sánh và đánh giá những ưu điểm và hạn chế giữa phương pháp dạy học truyền thống và hiện đại:

.....

10. Theo đánh giá của thầy cô, có gì cần điều chỉnh trong cách dạy theo phương pháp truyền thống (một thầy một trò):

.....

11. Thầy cô có đề xuất gì mới nhằm góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập môn Piano phổ thông:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Phụ lục 5.2: Phiếu trưng cầu ý kiến cán bộ học sinh sinh viên:

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN SINH VIÊN HỌC SINH

Để giúp chúng tôi có cơ sở tìm ra những biện pháp tổ chức hoạt động đào tạo nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập môn Piano phổ thông tại Học viện Âm nhạc Huế, đề nghị các bạn hãy cho biết ý kiến cá nhân về một số vấn đề dưới đây bằng cách trả lời hoặc đánh dấu (X) vào nội dung được cho là phù hợp với quan điểm của mình:

Họ và tên SVHS:

Năm học:

Bậc học:

Chuyên ngành mà SVHS đang theo học:

Sáng tác: ☐ Lý luận: ☐ Chỉ huy: ☐ Thanh nhạc: ☐

1. Tinh thần, thái độ học tập của SVHS đối với môn Piano phổ thông hiện nay:

1.1. Tích cực, chủ động và tự giác học tập ☐

1.2. Còn mang tính thụ động, đối phó ☐

1.3. Bình thường, không có biểu hiện rõ rệt ☐

1.4. Rất lười học ☐

2. Đánh giá của SVHS về vai trò quan trọng của môn đàn Piano đối với các chuyên ngành được học:

2.1. Giúp cho việc nghiên cứu chuyên ngành ☐

2.2. Piano chưa gắn kết được với ngành học ☐

2.3. Không quan trọng ☐

2.4. Hoàn toàn không quan trọng ☐

3. Số lượng và thể loại bài thi mà SVHS phải thực hiện trong từng học kỳ như hiện nay là:

3.1. Vừa phải, nên giữ nguyên mức độ như hiện nay ☐

3.2. Còn ít, nên tăng thêm các bài tác phẩm để SVHS có cơ hội được làm quen với nhiều thể loại và phong cách hơn ☐

3.3. Quá nhiều, cần giảm bớt để SVHS có thời gian đầu tư sâu hơn vào từng tác phẩm ☐

3.4. Ý kiến khác (nếu có)

.....

4. Ý thức tập luyện, chuẩn bị bài vở của SVHS hiện nay là:

4.1. Có ý thức chuẩn bị bài trước khi lên lớp ☐

4.2. Tập bài nhưng chưa chăm chỉ ☐

4.3. Thiếu ý thức tự giác ☐

4.4. Ý kiến khác (nếu có)

.....

5. Nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng học tập của SVHS (có thể chọn một hay nhiều ý):

5.1. Điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường phục vụ cho học tập còn quá nhiều thiếu thốn ☐

5.2. Phương pháp giảng dạy và hướng dẫn của giáo viên chưa đổi mới và sinh động, không lôi cuốn người học ☐

5.3. Động cơ học tập và mục tiêu lý tưởng phấn đấu của SVHS chưa rõ ràng ☐

5.4. Chương trình học tập quá nặng nề nên SVHS không có nhiều thời gian tự học, tự nghiên cứu ngoài giờ ☐

5.5. Nhà trường chưa có các biện pháp quản lý việc dạy và học phù hợp và hiệu quả nên chưa tạo cho người học ý thức tự giác cao ☐

5.6. Tất cả các nguyên nhân trên ☐

5.7. Nguyên nhân khác (nếu có).....

.....

6. Các hình thức tổ chức hoạt động nào dưới đây sẽ tạo được hứng thú tự học tập và tự rèn luyện cho SVHS (có thể chọn 1 hay nhiều nội dung):

6.1. Thường xuyên tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, sinh hoạt hay giao lưu âm nhạc để SVHS có cơ hội mở mang kiến thức, trao đổi kinh nghiệm học tập ☐

6.2. Tổ chức các chương trình biểu diễn báo cáo kết quả học tập thường kỳ (trong phạm vi bộ môn piano không chuyên, hay phạm vi ngành âm nhạc) cho SVHS được tham gia ☐

6.3. Có hình thức động viên, khen thưởng kịp thời đối với những trường hợp có kết quả học tập đáng khích lệ ☐

6.4. Khuyến khích SVHS tự thành lập các nhóm, các tổ học tập tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra đôn đốc, nhắc nhở ý thức tự học, tập luyện ngoài giờ ☐

6.5. Tất cả các hình thức trên ☐

6.6. Ý kiến khác (nếu có)

.....

7. Theo bạn thời lượng học môn Piano phổ thông là 45'/tuần là hợp lý chưa:

7.1. Đã hợp lý ☐

7.2. Cần bổ sung thêm, cụ thể là

.....

7.3. Ý kiến khác (nếu có)

.....

8. Chương trình thi có cần thay đổi để phù hợp với đặc thù ngành học (bổ sung phần đệm hát cho Thanh nhạc hoặc bổ sung phần thi tấu đối với Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy...?):

8.1. Giữ nguyên như cũ ☐

8.2. Rất cần thiết, cụ thể là

.....

.....

.....

8.3. Ý kiến khác (nếu có)

.....

9. Bạn có đề xuất gì để góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập môn Piano phổ thông hiện nay tại Học viện:

.....

.....

.....

.....

.....
.....
.....